

TÁI ĐỊNH CƯ Ở CỘNG ĐỒNG TRONG BỐI CẢNH THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tài liệu tập huấn cho cán bộ tỉnh và địa phương



International Organization for Migration (IOM)
The UN Migration Agency

Những ý kiến được đưa ra trong báo cáo này là ý kiến của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức có tham gia nghiên cứu này. Những tư liệu và cách thức trình bày sử dụng trong báo cáo không hàm ý thể hiện bất kỳ một ý kiến nào từ phía Tổ chức Di cư Quốc tế về địa vị pháp lý của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố hay khu vực nào, hoặc về chính quyền, đường biên giới hoặc ranh giới của quốc gia đó.

IOM tận tụy với nguyên tắc di cư nhân đạo và có trật tự mang lại lợi ích cho người di cư và xã hội. Là một tổ chức liên chính phủ, IOM cùng với các đối tác là các quốc gia thành viên, các tổ chức xã hội và cộng đồng quốc tế cùng phối hợp hành động nhằm: hỗ trợ trong việc đáp ứng với những thách thức về di cư; thúc đẩy việc hiểu biết về những vấn đề của di cư; khuyến khích sự phát triển kinh tế và xã hội thông qua việc di cư; nâng cao nhân phẩm và phúc lợi của người di cư.

Dự án nghiên cứu được tài trợ bởi Quỹ Một Liên Hợp Quốc trong khuôn khổ “Chương trình chung của Liên Hợp Quốc hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới”.

Đơn vị thực hiện xuất bản: Tổ chức Di cư Quốc tế
Văn phòng ở Việt Nam
304 Kim Mã
Quận Ba Đình, Hà Nội
Việt Nam
Số điện thoại: +84.24.3726.5519
Email: hanoi@iom.int
Website: www.iom.int.vn

© 2017 Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM)
© 2017 Viện Xã hội học, Hà Nội, Việt Nam (IoS)

Bìa: © IOM 2015 (Nguồn ảnh: Susanne Melde).

Đã đăng ký bản quyền. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của nhà xuất bản, bất cứ phần nào của ấn phẩm này đều không được sao chép, lưu trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền phát dưới bất kỳ hình thức hay phương cách nào như điện tử, máy móc, sao chụp, ghi âm hay cách khác.

Báo cáo được thiết kế mà không có sự chỉnh sửa chính thức của IOM.



TÁI ĐỊNH CƯ Ở CỘNG ĐỒNG TRONG BỐI CẢNH THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tài liệu tập huấn cho cán bộ tỉnh và địa phương



International Organization for Migration (IOM)
The UN Migration Agency

Lời cảm ơn

Tài liệu tập huấn này được xây dựng bởi Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM) tại Việt Nam trong khuôn khổ “Chương trình chung của Liên Hợp Quốc hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới” được tài trợ bởi Quỹ Một Liên Hợp Quốc.

Andrea Hidalgo xây dựng bản thảo đầu tiên của tài liệu. Trần Thị Ngọc Thư (IOM) đã phát triển và hoàn thiện bản thảo. Sabira Coelho (IOM), Sieun Lee (IOM), Daria Mokhnacheva (IOM), Ileana-Sinziana Puscas (IOM) và Paul Priest (IOM), PGS. TS. Đặng Nguyên Anh (Viện Xã hội học, Hà Nội) và TS. Elizabeth Ferris (Viện Nghiên cứu Di cư Quốc tế, Đại học Georgetown) đóng góp rất nhiều ý kiến giá trị cho dự thảo tài liệu. Amida Cumming chỉnh sửa về chuyên môn và ngôn ngữ, và hoàn thiện tài liệu bản cuối cùng. Bộ phận Xuất bản của IOM tại Geneva hỗ trợ rà soát trình bày và định dạng của tài liệu cuối cùng.

Vào tháng 12 năm 2017, IOM Việt Nam hợp tác cùng Viện Xã hội học, Hà Nội đã tổ chức tập huấn cho các giảng viên nguồn tại Hà Nội, Việt Nam và tập huấn cho các cán bộ tỉnh và địa phương tại Hòa Bình, Việt Nam. Các ý kiến đóng góp giá trị của các học viên tham dự tập huấn, đặc biệt là của TS. Nguyễn Đức Vinh và Nghiêm Thị Thủy (Viện Xã hội học, Hà Nội) đã được bổ sung vào bản cuối cùng của tài liệu.

Các công cụ và những thực hành hiệu quả được trình bày trong tài liệu này được trích dẫn từ một tài liệu mới được công bố “Bộ công cụ: Lên kế hoạch tái định cư để bảo vệ người dân khỏi thiên tai và biến đổi môi trường” (Đại học Georgetown, IOM và UNHCR, 2017). Các tác giả của tài liệu trân trọng cảm ơn các tổ chức liên quan đã cho phép sử dụng và thích ứng tài liệu.

MỤC LỤC

Danh mục hình	iii
Danh mục bảng biểu	iii
Ghi chú	iii
Trường hợp điển hình	iv
Danh mục ghi nhớ	iv
Hoạt động	v
Giới thiệu	1
Chương 1: Mối quan hệ giữa di cư, môi trường và biến đổi khí hậu	3
Chủ đề 1.1: Mối quan hệ giữa di cư, môi trường và biến đổi khí hậu	4
1.1.1 Các định nghĩa và thuật ngữ	5
1.1.2 Nhận biết di cư do môi trường: không tự nguyện, tự nguyện, tạm thời hay lâu dài? ..	6
1.1.3 Tính dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu	8
Chủ đề 1.2: Các động lực của di cư và quyết định di cư	12
1.2.1 Các động lực của di cư ở cấp độ vĩ mô	12
1.2.2 Các động lực của di cư ở cấp độ trung gian: trở lực và trợ lực	13
1.2.3 Các động lực và quyết định di cư ở cấp độ vi mô: các đặc điểm của cá nhân/hộ gia đình	14
Chủ đề 1.3: Chương trình tái định cư như một chiến lược thích ứng với thiên tai và biến đổi môi trường: khái niệm, nguyên tắc và khuôn khổ pháp lý	18
1.3.1 Chương trình Tái định cư	18
1.3.2 Khuôn khổ pháp lý	18
1.3.3 Các nguyên tắc của tái định cư	19
Chương 2: Các chương trình tái định cư tại Việt Nam: chính sách và thực tiễn	23
Chủ đề 2.1: Thiên tai, các chính sách và quy trình điều phối giữa các bên liên quan trong bối cảnh tái định cư ở Việt Nam	24
2.1.1 Tình hình thiên tai và tái định cư ở Việt Nam	24
2.1.2 Chính sách tái định cư ở Việt Nam	26
2.1.3 Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan	28
Chủ đề 2.2: Kết quả tái định cư, các thực hành có hiệu quả và bài học kinh nghiệm	31
Chương 3: Ba giai đoạn trong tái định cư	37
Chủ đề 3.1: Giai đoạn 1 - Ra quyết định và tham vấn về nhu cầu tái định cư	38
Chủ đề 3.2: Giai đoạn 2 - Chuẩn bị và lập kế hoạch tái định cư	46
Chủ đề 3.3: Giai đoạn 3 – Giai đoạn triển khai: Quá trình chờ di dời	58
Chủ đề 3.4: Giai đoạn 3 – Giai đoạn triển khai: Trong và sau khi di dời	61
Chương 4: Theo dõi, Đánh giá và Giải trình	67
Chủ đề 4.1: Theo dõi, Đánh giá và Giải trình: Mục đích và quy trình	68
Tài liệu tham khảo	72
Phụ lục 1 - Danh mục ghi nhớ - Thuật ngữ và Định nghĩa	74
Phụ lục 2 – Sơ đồ quy trình điều phối trong công tác tái định cư giữa các cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp địa phương	75
Phụ lục 3 – Hướng dẫn cho giảng viên	76

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Khung phân tích về tác động của các yếu tố môi trường, kinh tế, chính trị, xã hội và nhân khẩu học lên di cư	12
Hình 2. Việt Nam: Chỉ số tính dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu và số hộ gia đình tái định cư trong giai đoạn 2006-2013 tính theo khu vực	25
Hình 3. Việt Nam: Các khu vực bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi sạt lở đất, bão nhiệt đới, lũ lụt và nước biển dâng	26
Hình 4. Băn khoăn, lo lắng về tái định cư	52
Hình 5. Hiểu biết của các hộ về các chính sách hỗ trợ	53
Hình 6. Nguồn thông tin về hỗ trợ tái định cư	54
Hình 7. Tình trạng sinh kế và phúc lợi sau khi tái định cư	63
Hình 8. Chỉ số sinh kế và phúc lợi theo xã tái định cư và dân tộc	64

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Chỉ số rủi ro khí hậu (CRI) trong dài hạn: 10 quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi thiên tai xét trong giai đoạn 1996 - 2015	7
Bảng 2. Kinh nghiệm tái định cư tại Việt Nam: Tóm tắt các nghiên cứu về kết quả tái định cư	32
Bảng 3. Mức độ đồng tình với lý do di dời theo độ tuổi và giới tính	44
Bảng 4. Mức độ đồng tình với lý do di dời phân theo tình trạng di dời	44

GHI CHÚ

Ghi chú 1. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi thiên tai	7
Ghi chú 2. Nguy cơ người dân phải tạm lánh do thiên tai ở Đông Nam Á	8
Ghi chú 3. Giới, tính dễ bị tổn thương và tác động của di cư	9
Ghi chú 4. Giới và quyết định di cư	14
Ghi chú 5. Các nguyên tắc cơ bản của tái định cư (dựa trên Bộ công cụ)	19
Ghi chú 6. Xem xét các phương án thay thế	38
Ghi chú 7. Vì sao cần có danh mục ghi nhớ?	42

TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH

Trường hợp điển hình 1. Bão Katrina 2005: tầm quan trọng của việc lên kế hoạch sơ tán cho các nhóm dân dễ bị tổn thương	9
Trường hợp điển hình 2. Khung chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia năm 2015 của Myanmar về phục hồi sau thảm họa lũ lụt và sạt lở đất	21
Trường hợp điển hình 3. Khi việc tái định cư đi kèm yêu cầu thích ứng với cuộc sống và điều kiện sinh kế hoàn toàn mới	32
Trường hợp điển hình 4. Những thách thức gặp phải trong một chương trình tái định cư ở Tây Bắc Việt Nam	33
Trường hợp điển hình 5. Hai xã bị ảnh hưởng nặng nề bởi bão lũ và sạt lở đất	42

DANH MỤC GHI NHỚ

Danh mục ghi nhớ 1. Làm thế nào để quyết định mức độ rủi ro của việc ở lại là quá cao?	40
Danh mục ghi nhớ 2. Liệu có nên ở lại?	41
Danh mục ghi nhớ 3. Tính khả thi của tái định cư	41
Danh mục ghi nhớ 4. Chuẩn bị để xây dựng kế hoạch tái định cư	47
Danh mục ghi nhớ 5. Xây dựng kế hoạch tái định cư	48
Danh mục ghi nhớ 6. Kinh phí thực hiện tái định cư	55
Danh mục ghi nhớ 7. Giai đoạn triển khai: Chuẩn bị cho di dời	58
Danh mục ghi nhớ 8. Triển khai tái định cư	61
Danh mục ghi nhớ 9. Sinh kế và nguồn lực	62
Danh mục ghi nhớ 10. Theo dõi, đánh giá và giải trình: Quy trình tái định cư	68
Danh mục ghi nhớ 11. Theo dõi, Đánh giá và Giải trình: Kết quả tái định cư	69

HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1.1 – Khám phá mối quan hệ giữa di cư và môi trường	4
Hoạt động 1.2. Nên ở hay nên đi?	15
Hoạt động 1.3. Ảnh hưởng của yếu tố giới trong cộng đồng của bạn	16
Hoạt động 1.4. Các nguyên tắc của tái định cư và việc áp dụng tại địa phương	21
Hoạt động 2.1. Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan	29
Hoạt động 2.2. Hỗ trợ cộng đồng tái định cư vượt qua khó khăn về sinh kế	35
Hoạt động 3.1. Lên kế hoạch đánh giá về rủi ro khi ở lại nơi hiện tại	42
Hoạt động 3.2. Người dân nhìn nhận về tái định cư như thế nào?	43
Hoạt động 3.3. Danh mục ghi nhớ: Sử dụng như thế nào cho hiệu quả?	50
Hoạt động 3.4. Làm thế nào để chiến lược truyền thông tập trung đúng vào mối quan tâm của các hộ gia đình?	51
Hoạt động 3.5. Tối ưu hóa các hình thức truyền thông	53
Hoạt động 3.6. Xác định chi phí, nguồn ngân sách và những rủi ro có thể có trong tái định cư	55
Hoạt động 3.7. Vai trò của ai?	56
Hoạt động 3.8. Làm gì khi dự án chậm tiến độ	59
Hoạt động 3.9. Số liệu khảo sát sinh kế và phúc lợi	62
Hoạt động 4.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch theo dõi đánh giá	69

GIỚI THIỆU

Mục đích của Tài liệu

Việt Nam đang phải đối mặt với các thiên tai diễn ra ở mức độ ngày một nhiều hơn, trầm trọng hơn và có xu hướng gia tăng trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Ngoài việc đe dọa đến sự an toàn của con người và gây thiệt hại nghiêm trọng về nhà cửa, tài sản và sinh kế, thiên tai khiến cho hàng nghìn người có nguy cơ mất chỗ ở mỗi năm. Thiên tai và những biến đổi môi trường diễn biến chậm cũng tác động đến nhiều yếu tố khác, qua đó ảnh hưởng đến di cư tự nguyện – một trong những chiến lược thích ứng khá phổ biến của các hộ gia đình trước tác động vật lý và kinh tế của biến đổi môi trường. Di cư có thể giúp các hộ dân gia tăng khả năng phục hồi sau thiên tai và những cú sốc khác, vì di cư giúp mở rộng nguồn thu nhập, tạo cơ hội tiếp cận cơ sở vật chất và các loại dịch vụ, đồng thời giảm bớt thiệt hại do thiên tai. Tuy nhiên, người di cư cũng có thể dễ tổn thương hơn, nhất là khi người di cư phải tái tạo nguồn sinh kế, tiếp cận nguồn lực, cũng như tiếp cận các dịch vụ và mạng lưới xã hội ở nơi đến. Hơn nữa, trong khi di cư tự phát là cách ứng phó phổ biến, những hộ dân khó khăn nhất có thể thiếu các nguồn lực cần thiết để di cư.

Tái định cư theo kế hoạch của nhà nước là hình thức di cư lâu dài, tự nguyện đến một nơi ở mới, được các dự án hoặc chính sách của chính phủ tài trợ, trong đó bao gồm việc tái thiết cơ sở hạ tầng, dịch vụ, nhà cửa và sinh kế cho cộng đồng (IOM, 2014:16). Khi biện pháp thích ứng tại chỗ không còn khả thi, các chương trình tái định cư của nhà nước có thể giúp tăng cường khả năng chống chịu và giảm thiểu rủi ro thiên tai, cũng như cải thiện chất lượng cuộc sống ở nông thôn. Tuy nhiên, tái định cư là một công việc phức tạp, và kết quả tái định cư chịu tác động của nhiều yếu tố tương tác. Tái định cư là phương án tốt nhất chỉ trong trường hợp biện pháp thích ứng an toàn tại chỗ hoặc các biện pháp khác không thể thực hiện được. Nhu cầu, quyền lợi và nguyện vọng của cộng đồng cần được đặc biệt quan tâm khi lên kế hoạch và triển khai tái định cư, để đạt được kết quả mong muốn là giảm thiểu rủi ro và tăng cường sức chống chịu.

Tài liệu tập huấn này giới thiệu một số hướng dẫn cho lãnh đạo tỉnh và địa phương trong việc lên kế hoạch và triển khai các dự án tái định cư do môi trường. Tài liệu giúp người học hiểu các khái niệm quan trọng liên quan đến các vấn đề phức tạp của di cư, môi trường, biến đổi khí hậu cũng như cung cấp các công cụ và hướng dẫn cho việc áp dụng vào thực tế địa phương tại Việt Nam. Tài liệu nhấn mạnh đến việc tham gia và trao quyền cho cộng đồng trong việc lên kế hoạch và triển khai tái định cư do môi trường ở cấp tỉnh và cấp địa phương.

Tài liệu có sử dụng các nguồn tham khảo sau đây¹ :

- Bộ công cụ: Lên kế hoạch tái định cư để bảo vệ người dân khỏi thiên tai và biến đổi môi trường (Đại học Georgetown, IOM và UNHCR, 2017), sau đây được gọi là Bộ công cụ.
- Di cư, Môi trường và Biến đổi khí hậu: Tài liệu Tập huấn (IOM, 2016)
- Tái định cư trong bối cảnh biến đổi môi trường tại tỉnh Hòa Bình, Việt Nam: Phân tích quá trình ra quyết định của các hộ gia đình và kết quả của chương trình tái định cư (IOM và Viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017)
- Di cư, Tái định cư và Biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Giảm thiểu tình trạng đối mặt và tính dễ bị tổn thương với khí hậu cực đoan và áp lực khí hậu thông qua di cư tự phát và di cư có định hướng (Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, 2014).

¹ Tài liệu tập huấn bao gồm các trích dẫn trực tiếp từ các tài liệu này, với sự cho phép của các tổ chức liên quan, đặc biệt của Đại học Georgetown, Hoa Kỳ.

Hướng dẫn sử dụng tài liệu

Tài liệu này có thể dùng làm công cụ tự học hoặc làm tài liệu hướng dẫn cho giảng viên chuẩn bị và triển khai tập huấn tại lớp. Có mười chủ đề, chia thành bốn chương. Các trường hợp điển hình và ghi chú cung cấp thêm thông tin liên quan, hoặc cung cấp bối cảnh cho bài tập. Tài liệu cũng đưa ra nhiều hoạt động nhóm và câu hỏi thảo luận xuyên suốt các chủ đề nhằm khuyến khích phương pháp học dựa trên thực hành. Giảng viên có thể hướng dẫn thực hiện các hoạt động và thảo luận trên lớp, hoặc người học có thể tự nghiên cứu trong trường hợp tự học. Phần phụ lục của tài liệu cung cấp thêm các thông tin nhằm hỗ trợ công tác tập huấn cho cả giảng viên và học viên.

Tài liệu được thiết kế cho 15 giờ học trên lớp, khoảng 2.5 ngày tập huấn. Thời gian lý tưởng cho mỗi chủ đề là 90 phút, bao gồm 40-60 phút cho hoạt động nhóm.

Do tính phức tạp của chủ đề, tài liệu được xây dựng như một sự thử nghiệm và cần được liên tục cải tiến, cập nhật. Nhóm tác giả hi vọng tài liệu sẽ tiếp tục được hoàn thiện dựa trên phản hồi của người học, cũng như trên cơ sở các dữ liệu mới và các thực hành hiệu quả được đúc kết trong tương lai.

Đối tượng

Tài liệu được xây dựng nhằm giúp tăng cường và nâng cao năng lực của các cán bộ chính quyền cấp tỉnh và địa phương, những người có vai trò trực tiếp và cụ thể trong việc lên kế hoạch và triển khai các chương trình tái định cư trong bối cảnh thiên tai, biến đổi môi trường và biến đổi khí hậu.

Các hoạt động trong tài liệu được thiết kế cho lớp tập huấn với khoảng 20 người học và có thể được điều chỉnh để phù hợp với nhóm nhỏ hơn hoặc lớn hơn.

CHƯƠNG 1

Mối quan hệ giữa di cư, môi trường và biến đổi khí hậu



Haiti, Savanne Dèsolée. Khu vực chịu hạn hán ở Savanne Dèsolée được coi là sa mạc lớn nhất của Haiti.
© IOM 2015 (Nguồn ảnh: Alessandro Grassani)

Mô tả chung:

Chương 1 cung cấp các khái niệm, thuật ngữ và lý thuyết giúp người học hiểu được mối quan hệ giữa di cư, môi trường và biến đổi khí hậu, cũng như mối liên hệ phức tạp giữa các yếu tố này từ ở cấp độ quốc tế đến cấp độ hộ gia đình. Người học sau đó sẽ thảo luận về quá trình ra quyết định di cư ở cấp độ hộ gia đình. Chủ đề cuối cùng của Chương 1 sẽ tập trung vào việc tái định cư - một hình thức cụ thể của di cư - như một giải pháp thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu.

CHỦ ĐỀ 1.1

Mối quan hệ giữa di cư, môi trường và biến đổi khí hậu

Mục tiêu:

- Mô tả mối quan hệ giữa di cư, môi trường và biến đổi khí hậu.
- Hiểu các thuật ngữ quan trọng được sử dụng trong bối cảnh di cư do môi trường.
- Thảo luận về các đặc điểm chính của di cư do môi trường.



Hoạt động

Hoạt động 1.1. Khám phá mối quan hệ giữa di cư và môi trường

Mục đích của hoạt động: Giúp người học tự tìm hiểu từ các quan sát của chính mình về biến đổi môi trường và tác động đến di cư cũng như các đặc điểm của di cư do yếu tố môi trường.

Loại hoạt động: Huy động ý tưởng

Hướng dẫn: Trước khi bắt đầu chủ đề 1, chia lớp học thành các nhóm nhỏ và yêu cầu mỗi nhóm thảo luận một trong các câu hỏi dưới đây. Dành 10 phút để các nhóm thảo luận, sau đó mời một nhóm lên trình bày trước lớp về kết quả thảo luận của nhóm và yêu cầu các nhóm khác bổ sung, nhằm đưa ra một danh sách các ý trả lời hoặc ví dụ cho mỗi câu hỏi.

1. Bạn quan sát thấy có những hiện tượng hay biến đổi môi trường trong ngắn hạn và dài hạn nào ở Việt Nam?
2. Bạn có thể quan sát thấy người dân có những cách ứng phó như thế nào trước các hiện tượng/biến đổi môi trường khi chúng ảnh hưởng đến cuộc sống của họ?
3. Tại Việt Nam, nếu người dân đi xa, họ đi vì lý do gì và với mục đích gì? Họ đi như thế nào: trong một thời gian ngắn hay lâu dài, hay đi về theo chu kỳ; đi gần hay xa?

Tổng kết: Tiếp tục nội dung của Chương 1. Ở cuối Chương, xem lại danh sách các ý trả lời mà các nhóm đã nêu ra trong hoạt động và thảo luận những câu hỏi sau:

- Có những biến đổi môi trường nào được nêu ra tại Câu hỏi số 1 dẫn đến, hoặc ảnh hưởng đến, di cư không (liên hệ với Câu hỏi số 2)? Di cư đó là tự nguyện hay không tự nguyện? Hướng dẫn học viên thảo luận vì sao và khuyến khích học viên xem xét ảnh hưởng qua lại giữa biến đổi môi trường và các yếu tố khác ở các mức độ khác nhau.
- Xem danh sách các dạng di cư và lý do di cư được xác định ở Câu hỏi số 3. Có trường hợp nào là ví dụ cho di cư do môi trường không? Hướng dẫn học viên thảo luận vì sao và khuyến khích học viên xem xét tác động trực tiếp và gián tiếp của yếu tố môi trường.

1.1.1. Các định nghĩa và thuật ngữ

Di cư theo định nghĩa của Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM) là “sự dịch chuyển của một người hoặc một nhóm người, kể cả qua một biên giới quốc tế hay trong một quốc gia. Di cư bao gồm tất cả các loại di chuyển, bất kể khoảng cách, thời gian, thành phần hay nguyên nhân; bao gồm di cư của người tị nạn, người lánh nạn, người di cư vì mục đích kinh tế và những người di chuyển vì các mục đích khác, trong đó có đoàn tụ gia đình” (IOM, 2011: 62-63).

Thuật ngữ “**mối quan hệ**” (**nexus**) thường được sử dụng trong các chủ đề về di cư, môi trường và biến đổi khí hậu. Sở dĩ chọn thuật ngữ này vì cụm từ “mối quan hệ” chuyển tải được ý tưởng về nhiều mối liên kết giữa các yếu tố có tương tác lẫn nhau. Có nhiều hình thức di cư và nhiều yếu tố môi trường, ở cả nơi xuất cư và nơi đến có thể tác động đến việc di cư. Mối quan hệ này cũng có thể vận hành theo hướng ngược lại, đó là khi di cư gây tác động đến môi trường và nhận thức của con người về ảnh hưởng của biến đổi môi trường, ở cả nơi xuất cư và nơi đến.

Mặt khác, các mối quan hệ này còn bị tác động bởi **biến đổi khí hậu**, hoặc làm thay đổi cách ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong khi biến đổi môi trường vẫn là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự di chuyển của con người xuyên suốt lịch sử, biến đổi khí hậu đang làm gia tăng mức độ và tốc độ của các thay đổi, qua đó ảnh hưởng đến di cư. Có một điều hầu như chắc chắn, đó là nhiều nơi trên trái đất ngày càng trở nên khó sống hơn, do các yếu tố như biến đổi khí hậu, suy thoái đất nông nghiệp, sa mạc hóa và ô nhiễm nguồn nước (Foresight, 2011). Số lần xảy ra thiên tai trên cấp độ toàn cầu đã tăng hơn gấp đôi trong giai đoạn 20 năm qua. Quá trình biến đổi môi trường và các dạng thiên tai diễn biến chậm như hạn hán sẽ có tác động lớn hơn nữa đến sự di chuyển của con người về dài hạn. Biến đổi khí hậu có thể có tác động đáng kể lên sự di chuyển của con người và làm trầm trọng thêm quá trình suy thoái môi trường. Cụm từ “mối quan hệ” được dùng để đề cập và phân tích sự liên hệ giữa các vấn đề liên quan nói trên.

Các yếu tố môi trường tác động đến di cư có thể có nhiều hình thức khác nhau. Các hiện tượng và biến đổi trong môi trường không phải lúc nào cũng có tác động tiêu cực, tuy nhiên tài liệu này chỉ tập trung vào những thay đổi có thể có tác động tiêu cực lên cuộc sống và sinh kế. Ảnh hưởng của môi trường lên di cư có thể phân thành hai nhóm chính: các hiện tượng môi trường và biến đổi môi trường.

- **Các hiện tượng môi trường**, bao gồm các thiên tai, có thể diễn biến nhanh chóng (như bão xoáy, sạt lở đất hay lũ lụt) hoặc diễn biến chậm, thường là hàng tuần hoặc hàng tháng (như hạn hán). Một số hiện tượng có thể do con người gây ra, một số do thiên nhiên, và một số hiện tượng có nguyên nhân chính là từ thiên nhiên nhưng do ảnh hưởng của con người mà xảy ra ở mức độ trầm trọng hơn. Tài liệu này sẽ chú trọng đến những hiện tượng có liên quan đến các thảm họa thiên nhiên và biến đổi khí hậu.
- **Biến đổi môi trường** là quá trình lâu dài - thường là nhiều thập kỷ hoặc lâu hơn - như hiện tượng nước biển dâng và sa mạc hóa.

Dự kiến biến đổi khí hậu sẽ làm gia tăng mức độ thường xuyên và cường độ của các thảm họa thiên tai và góp phần làm gia tăng mức độ hoặc đẩy nhanh quá trình biến đổi môi trường. Tuy nhiên, tác động của biến đổi khí hậu có thể khác nhau giữa các khu vực địa lý và lục địa.

Tổ chức IOM (2011) sử dụng thuật ngữ “**người di cư do môi trường**” để mô tả: “Những người hoặc nhóm người buộc phải rời bỏ nơi ở thường xuyên, hoặc lựa chọn ra đi trong phạm vi quốc gia hoặc ra quốc tế, kể cả tạm thời hay lâu dài, chủ yếu do nguyên nhân môi trường thay đổi một cách đột ngột hoặc tác động tiêu cực gia tăng, làm ảnh hưởng đến cuộc sống và điều kiện sống của họ”. Thuật ngữ này có nghĩa rộng bao trùm tất cả các loại di dời, dù là không tự nguyện hay tự nguyện, tạm thời hay lâu dài, trong nước hay quốc tế. Thuật ngữ cũng cho thấy các yếu tố môi trường tác động lên di cư có thể là trực tiếp và gián tiếp, và là một trong nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định phức tạp liên quan đến di cư.

1.1.2. Nhận biết di cư do môi trường: không tự nguyện, tự nguyện, tạm thời hay lâu dài?

Một số tranh luận hiện nay xoay quanh câu hỏi liệu di cư do môi trường là di cư **không tự nguyện hay tự nguyện**. Các thuật ngữ như “người lánh nạn do môi trường” hay “người tị nạn do biến đổi khí hậu” được sử dụng để nói đến những nhóm người mà quá trình di cư được xem là có tính chất bắt buộc do yếu tố môi trường. Tuy nhiên, người dân có thể di chuyển để ứng phó với các áp lực về môi trường theo những cách khác nhau, nghĩa là ngay cả các quyết định di cư mang tính tự nguyện cũng có thể bị ảnh hưởng một phần bởi các yếu tố môi trường. Sẽ phù hợp hơn nếu ta xem xét di cư trên một phổ với các mức độ khác nhau, từ không tự nguyện đến tự nguyện - một số rõ ràng là di cư không tự nguyện và một số rõ ràng là di cư tự nguyện, nhưng phần lớn nằm ở giữa hai thái cực này. Thời điểm di cư và loại biến đổi môi trường có thể là hai yếu tố quan trọng quyết định di cư mang tính tự nguyện hay không tự nguyện nhiều hơn. Ví dụ:

- Di cư do những dạng thiên tai xảy ra đột ngột như sạt lở đất thường được xem như di cư không tự nguyện, khi con người phải rời bỏ nhà cửa. Nhưng nhiều hình thức di cư khác cũng có thể tồn tại nhằm ứng phó với các dạng thiên tai này: một thành viên trong gia đình có thể đi làm ăn xa nhiều tháng sau khi thiên tai xảy ra nhằm kiếm thêm thu nhập bù đắp cho phần thu nhập bị thiếu hụt do mất đất hoặc mất mùa. Tiền do người lao động xa gửi về có thể giúp các thành viên khác trong gia đình ở lại và duy trì cuộc sống trong vùng bị ảnh hưởng. Liệu có thể xem hình thức di cư này là không tự nguyện hay tự nguyện?
- Trong một số trường hợp, hiện tượng nước biển dâng có thể dẫn đến tình trạng ngập lụt nhà ở và đất đai. Tuy nhiên trong hầu hết các trường hợp, tác động sẽ diễn ra từ từ như tình trạng xói lở bờ biển và xâm nhập mặn nguồn nước ngầm. Tương tự, tác động của nhiệt độ tăng thường là quá trình lâu dài, có thể hàng thập kỷ, làm suy giảm khả năng sinh kế tại một số vùng. Trong những trường hợp như vậy, nhiều khả năng con người sẽ lựa chọn di cư như một giải pháp thích ứng với biến đổi môi trường, và quyết định có thể được đưa ra nhiều năm trước “đỉnh điểm”, khi nơi ở của họ hoàn toàn không thể sống được nữa và không còn cách nào khác là phải đi. Di cư như vậy nên được xem là không tự nguyện hay tự nguyện?

Các ví dụ này cho thấy con người có thể lựa chọn di cư như một cách ứng phó tự nguyện trước biến đổi môi trường, đặc biệt khi áp lực môi trường tăng dần theo thời gian, hoặc khi biến đổi môi trường có thể được dự báo trước. Người có nhiều nguồn lực hơn có nhiều khả năng sẽ lựa chọn di cư một cách tự nguyện trước khi môi trường xấu đi, trong khi các gia đình có ít nguồn lực hơn có nhiều khả năng sẽ chờ đến khi không còn lựa chọn nào khác và khi đó, di cư sẽ mang tính chất không tự nguyện nhiều hơn.

Vì vậy, thuật ngữ “người di cư do môi trường” được dùng để mô tả những người di cư một cách tự nguyện hay không tự nguyện vì yếu tố môi trường, trong khi cụm từ “**người lánh nạn trong bối cảnh thiên tai và/hoặc biến đổi khí hậu**” được sử dụng khi việc di chuyển của họ rõ ràng mang tính chất không tự nguyện do thiên tai và/hoặc biến đổi khí hậu. Các thuật ngữ như “**người tị nạn do môi trường**” hay “người tị nạn do biến đổi khí hậu” đôi khi được sử dụng để mô tả những người phải di chuyển qua biên giới quốc tế để tìm nơi ở mới. Tuy nhiên do thuật ngữ “người tị nạn” có định nghĩa cụ thể theo luật pháp quốc tế và không bao gồm trường hợp di chuyển do môi trường, không có cơ sở trong luật pháp quốc tế để đưa những người di cư do môi trường vào nhóm “người tị nạn”.

Di cư để ứng phó với các hiện tượng môi trường thường mang tính **tạm thời**, có nghĩa là người dân có thể di dời tạm thời trong vài ngày, vài tuần hoặc vài tháng nhưng sẽ quay trở lại nơi ở ban đầu. Di cư tạm thời có thể diễn ra một lần, hoặc cũng có thể thường xuyên như trong trường hợp di cư theo mùa. Di cư theo mùa là hình thức di cư thường gặp của di cư do môi trường ở những khu vực hứng chịu các loại thiên tai có thể dự đoán trước (ví dụ mùa có bão lụt hàng năm). Những người di cư theo mùa thường rời đi trong khoảng thời gian vài tuần hoặc tháng vào mỗi năm để ứng phó với điều kiện môi trường theo mùa, nhưng hàng năm đều quay lại nơi ở ban đầu. Ngay cả sau những thảm họa bất ngờ, hầu hết những người di cư do môi trường đều muốn quay trở lại nơi có điều kiện sinh kế bền vững và an toàn và chỉ di cư tạm thời cho đến khi các điều kiện ổn định trở lại. Tuy nhiên, họ thường cần được hỗ trợ để có thể khôi phục và ổn định cuộc sống.

! **Ghi chú 1. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi thiên tai**

Chỉ số rủi ro khí hậu của Germanwatch cho thấy mức độ đối mặt và tính dễ bị tổn thương trước những hiện tượng thời tiết cực đoan. Theo đó, Việt Nam đứng thứ tám trên danh sách mười quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi thiên tai xét trong giai đoạn 1996 - 2015 (Bảng 1). Điều này cho thấy Việt Nam chịu tác động lớn từ thiên tai và có mức độ tổn thất cao và thiệt hại đáng kể do các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Bảng 1. Chỉ số rủi ro khí hậu (CRI) trong dài hạn: 10 quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi thiên tai xét trong giai đoạn 1996 - 2015

CRI 1996–2015 (1995–2014)	Quốc gia	Điểm CRI	Tổng số người chết	Số người chết tính trên 100.000 dân cư	Tổng tổn thất (triệu USD PPP)	Tổn thất trên đơn vị GDP (%)	Số lần thiên tai (1994–2013)
1 (1)	Honduras	11.33	301.9	4.36	568.04	2.1	61
2 (2)	Myanmar	14.17	7,145.85	14.71	1,300.74	0.737	41
3 (3)	Haiti	18.17	253.25	2.71	221.92	1.486	63
4 (4)	Nicaragua	19.17	162.9	2.94	234.79	1.197	44
5 (4)	Philippines	21.33	861.55	1	2,761.53	0.628	283
6 (6)	Bangladesh	25	679.05	0.48	2,283.38	0.732	185
7 (8)	Pakistan	30.5	504.75	0.32	3,823.17	0.647	133
8 (7)	Viet Nam	31.33	339.75	0.41	2,119.37	0.621	206
9 (10)	Guatemala	33.83	97.25	0.75	401.54	0.467	75
10 (9)	Thailand	34.83	140	0.22	7,574.62	1.004	136

Nguồn: Kreft, Eckstein & Melchior, 2016. Có thể truy cập tại: <https://germanwatch.org/de/download/16411.pdf>.

Di cư lâu dài thường xảy ra trong bối cảnh suy thoái môi trường diễn ra từ từ, ví dụ như mực nước biển dâng và sa mạc hoá, mặc dù di cư lâu dài cũng có thể được xem là phản ứng để thích ứng với thiên tai ngày càng tồi tệ hơn nếu chúng ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn sinh kế hộ gia đình. Di cư tạm thời hoặc di cư theo mùa cũng được áp dụng phổ biến như một biện pháp ứng phó trong những giai đoạn đầu của suy thoái môi trường và có thể là bước đệm để dẫn đến di cư lâu dài hơn.

Phần lớn các trường hợp di cư do môi trường diễn ra trong phạm vi quốc gia bị ảnh hưởng (**di cư trong nước**). Liên quan đến di dời do thiên tai, các nghiên cứu cho thấy di dời thường mang tính địa phương. Ví dụ, 88% các cộng đồng nông nghiệp ở Bangladesh được xác định là vẫn ở lại trong vòng bán kính hai dặm cách nơi ở ban đầu sau khi phải di dời do tình trạng xói lở đất và mất nhà cửa do lũ lụt (Zaman, 1989). Điều này có thể là do họ không cần phải di chuyển xa hơn, ví dụ, để được an toàn khỏi vùng bão lốc, hoặc vì muốn gần gia đình và họ hàng. Trong những trường hợp khác, người dân có thể muốn đi xa hơn nhưng không có khả năng chi trả chi phí đường dài. Trong trường hợp di chuyển qua biên giới quốc tế ("**di cư qua biên giới**"), phần lớn các trường hợp là di cư sang các nước láng giềng như hiện tượng di cư do hạn hán ở Tây Phi (Findley, 1994). Di cư quốc tế xuyên lục địa thường là vượt khả năng tài chính của những người di cư do môi trường.

! Ghi chú 2. Nguy cơ người dân phải tạm lánh do thiên tai ở Đông Nam Á

Một đánh giá gần đây cho thấy nguy cơ phải tạm lánh do thiên tai ngày một gia tăng ở khu vực Đông Nam Á và Trung Quốc có một phần là do sự gia tăng mật độ dân số ở các khu vực nguy hiểm. Có sự khác biệt đáng kể giữa các nước trong khu vực, do nguy cơ phải tạm lánh không chỉ phụ thuộc vào mức độ thiên tai mà còn phụ thuộc vào tính dễ bị tổn thương của người dân bị ảnh hưởng, cơ sở hạ tầng và khả năng ứng phó với các sự kiện cực đoan. Nguy cơ phải tạm lánh là thấp nhất ở Singapore bất kể mật độ dân số cao, với tỷ lệ một trên một triệu người có nguy cơ phải tạm lánh, và cao nhất ở Lào với tỷ lệ 7.106 người trên một triệu người. Việt Nam có nguy cơ phải tạm lánh cao thứ tư trong khu vực, với tỷ lệ 4.030 người trên một triệu người, do Việt Nam nằm trong khu vực thường có nhiều biến cố khí hậu nghiêm trọng, và cộng đồng dân cư lại dễ bị tổn thương (Lavell & Ginnetti, 2014). Từ tháng Sáu năm 2013 đến cuối năm 2015, ước tính 1,1 triệu người tại Việt Nam phải tạm lánh do thiên tai (IDMC, 2017). Ngoài ra, mỗi năm ước tính khoảng 365.000 người có nguy cơ phải tạm lánh do thiên tai (Lavell & Ginnetti, 2014).

1.1.3. Tính dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu

Tính dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu là hai khái niệm quan trọng giúp chúng ta hiểu được di cư do môi trường và ứng phó với thiên tai và biến đổi môi trường. Trong bối cảnh các áp lực môi trường và tác động của chúng lên các nhóm dân cư, tính dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu có thể được xem là hai thái cực của một thang cấp độ. Tính dễ bị tổn thương liên quan đến mức độ dễ bị tổn thương của một hộ gia đình, cộng đồng hay nhóm người trước một hiểm họa và mức độ tác động tiêu cực mà họ có thể phải trải qua. Khả năng chống chịu liên quan đến khả năng đối phó và “phục hồi trở lại” sau khi chịu tác động của các áp lực môi trường, bằng cách dựa vào nguồn lực môi trường, xã hội, kinh tế và con người. Khả năng chống chịu bao gồm khả năng thích ứng và ứng phó với các thiên tai xảy ra bất ngờ. Tính dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu phụ thuộc vào các yếu tố vật lý, xã hội, môi trường và chính trị và vì vậy, mức độ dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu có thể khác nhau giữa các hộ gia đình trong cùng một địa điểm, hay giữa các cộng đồng trong cùng một khu vực.

- Ở cấp độ quốc gia, các quốc gia có thu nhập thấp thường dễ bị tổn thương hơn các quốc gia phát triển. Điều này có thể được phản ánh qua tỉ lệ tử vong do thiên tai cao hơn hoặc tỉ lệ người phải tạm lánh do thiên tai lớn hơn (xem Ghi chú 2). Có nhiều yếu tố dẫn đến tính dễ bị tổn thương cao hơn này, đặc biệt là việc thiếu các kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai hoặc có kế hoạch nhưng chưa phù hợp, hay do thiếu kinh phí để triển khai các kế hoạch này.
- Tính dễ bị tổn thương cũng khác biệt ở cấp độ cộng đồng, ví dụ giữa các nhóm có thu nhập thấp hơn và các nhóm có thu nhập cao hơn – hai nhóm này có nguồn lực tài chính để tự bảo vệ mình khỏi những tác động của thiên tai hoặc để thoát khỏi những nơi có nguy cơ ở các mức độ khác nhau. Giữa những người có khả năng di dời cũng có thể có sự khác biệt về khả năng tiếp cận với nguồn lực tài chính để có thể quay về nơi ở cũ. Một ví dụ khác của sự khác biệt về tính dễ bị tổn thương là khả năng sinh kế và tài sản. Ví dụ, một hộ gia đình có nhà ở chất lượng kém hoặc hoàn toàn phụ thuộc vào khoản thu nhập ít ỏi từ nông nghiệp sẽ dễ bị tổn thương hơn và gặp nhiều khó khăn để phục hồi hơn so với một hộ gia đình có nhà ở được xây dựng chắc chắn và có nhiều nguồn thu nhập trước các tác động tiêu cực của thiên tai. Cần lưu ý di cư có thể là một cách thích nghi của các hộ gia đình để bị tổn thương do có ít nguồn lực để ứng phó với thiên tai, nhưng trong một số trường hợp, những người dễ bị tổn thương nhất có thể không đủ nguồn lực để di chuyển đến nơi an toàn.
- Tính dễ bị tổn thương cũng có thể khác biệt trong phạm vi hộ gia đình, do sự bất bình đẳng về trách nhiệm xã hội và khả năng tiếp cận nguồn lực cũng góp phần làm tăng tính dễ bị tổn thương đối với những nhóm xã hội nhất định. Yếu tố giới thường được nhắc đến là yếu tố gây nên sự khác biệt (xem Ghi chú 3). Ví dụ, trong các nền văn hóa mà phụ nữ thường là người chịu trách nhiệm chăm sóc trẻ nhỏ, người già và người bệnh, tính di động của họ và của những người được họ chăm sóc bị hạn chế rất nhiều khi thiên tai xảy ra, khiến cho họ dễ bị tổn thương hơn trước các tác động bất lợi.

Tính di động có thể góp phần làm tăng khả năng chống chịu, đặc biệt trong trường hợp được lên kế hoạch tốt. Nghiên cứu cho thấy các hộ gia đình xem việc di cư của các thành viên trong gia đình như một phương án để đa dạng hóa thu nhập và từ đó giảm thiểu rủi ro do môi trường. Các khoản tiền gửi về sẽ giúp gia đình bám trụ lại lâu hơn trong cộng đồng của mình và cho phép đầu tư vào các nỗ lực thích ứng với môi trường. Di cư cũng có thể giúp tăng khả năng chống chịu ở cấp độ cộng đồng, ở những nơi mà hình thức di cư ra khỏi địa phương được sử dụng rộng rãi như một chiến lược đối phó hoặc thích ứng. Di cư ra khỏi địa phương cũng có thể làm giảm áp lực lên tiêu dùng hộ gia đình và nguồn lực môi trường trong những thời điểm sản lượng hoa màu thấp hay mất mùa.



Trường hợp điển hình 1. Bão Katrina 2005: tầm quan trọng của việc lên kế hoạch sơ tán cho các nhóm dân dễ bị tổn thương

Các nghiên cứu về ảnh hưởng của cơn bão Katrina xảy ra ở Hoa Kỳ năm 2005 dẫn đến người dân phải di tản cho thấy cư dân của các cộng đồng nghèo ở New Orleans (chủ yếu là dân Mỹ gốc Phi) bị ảnh hưởng nhiều hơn và di chuyển chậm hơn đến nơi an toàn và có ít có khả năng quay về hơn sau bão. Bão Katrina cho chúng ta một ví dụ rõ ràng về tầm quan trọng của việc sơ tán có tổ chức đối với các nhóm dân số dễ bị tổn thương (Laska and Morrow, 2007). Kế hoạch sơ tán của chính quyền nơi vùng “bờ bão tố” này trước khi xảy ra bão Katrina giả định rằng: (a) người dân có đủ phương tiện tài chính để tự sơ tán; và (b) người dân có đủ phương tiện giao thông cá nhân. Tuy nhiên trên thực tế, ở New Orleans, hơn một phần tư cư dân ở khu vực trung tâm thành phố không có xe hơi và sống nhờ đồng lương hàng tháng. Do bão Katrina xảy ra vào cuối tháng, nhiều người không còn đủ tiền để sơ tán. Kết quả là các nhóm dân cư có thu nhập thấp chịu ảnh hưởng nhiều hơn bởi cơn bão Katrina (Foresight, 2011:14). Sự khác biệt cũng rõ ràng trong số những người có khả năng sơ tán. Với các hộ gia đình khá giả hơn việc tạm lánh có tính chất tự nguyện hơn và một số còn quay trở lại nơi ở cũ. Trong khi đó, trong nhóm có thu nhập thấp, ít người quay lại New Orleans và nhiều người phải ở luôn tại nơi tạm lánh hoặc ở lại trong thời gian dài vì họ thiếu nguồn lực tài chính để có thể quay trở lại nơi ở cũ (Foresight, 2011).



Ghi chú 3. Giới, tính dễ bị tổn thương và tác động của di cư

Vai trò và trách nhiệm xã hội khác nhau giữa phụ nữ và nam giới có thể ảnh hưởng đến tính di động và mức độ dễ bị tổn thương của họ trước thiên tai và biến đổi môi trường. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng ở một số nơi, phụ nữ dễ bị tổn thương hơn trước thiên tai và biến đổi môi trường, và khả năng di chuyển của họ bị hạn chế hơn trong hoặc sau khi xảy ra thiên tai. Nghiên cứu cho thấy ở những nơi bất bình đẳng về giới cao hơn, tỉ lệ tử vong do thiên tai ở phụ nữ và trẻ em có thể cao hơn đáng kể (Neumayer và Plumper, 2007). Kết quả nghiên cứu của Aguilar (2004) cho thấy phụ nữ và trẻ em chiếm đến 90 phần trăm số người chết do lũ lụt ở Bangladesh. Điều này là do vai trò khác nhau về giới có thể dẫn đến:

- Sự bất bình đẳng trong khả năng tiếp cận thông tin như cảnh báo sớm, kế hoạch sơ tán: Tại Bangladesh, nam giới thường tham gia các buổi họp tại nơi công cộng, nơi thông tin về thiên tai hoặc cảnh báo sơ tán thường được thông báo. Do phụ nữ thường ở nhà, cơ hội tiếp cận các thông tin này của họ bị hạn chế hơn;
- Sự bất bình đẳng trong khả năng tiếp cận giáo dục: Ví dụ ở Bangladesh, theo chuẩn mực văn hóa, phụ nữ thường không học bơi, trong khi đây là kỹ năng quan trọng giúp sống sót trong lũ lụt;
- Giới hạn về tính di động của phụ nữ: Ở nhiều xã hội, phụ nữ có trách nhiệm chăm sóc trẻ em và người già trong gia đình. Do đó, phụ nữ có thể không dễ dàng thoát ra khỏi vùng nguy hiểm trong và sau khi thiên tai xảy ra;

- Quan niệm xã hội về cách hành xử của phụ nữ: Ở một số nền văn hóa, phụ nữ có thể bị đánh giá hoặc bị quấy rối ở nơi công cộng nếu họ không có một thành viên nam trong gia đình đi cùng. Khi thiên tai xảy ra, điều này có thể khiến phụ nữ chờ đợi lâu hơn trước khi sơ tán, hoặc ngần ngại không muốn ở các khu trại tạm lánh nếu không có thành viên nam trong gia đình đi cùng.

Ảnh hưởng của di cư cũng có thể khác đối với phụ nữ và nam giới, do đó cần để ý di cư có thể ảnh hưởng đến tính dễ bị tổn thương ở cả nam giới và nữ giới như thế nào. Những người đàn ông trụ cột trong gia đình thường lựa chọn giải pháp di cư tạm thời như một chiến lược đối phó và do đó có thể làm tăng tính dễ bị tổn thương cho những người phụ nữ ở lại. Điều này có thể bao gồm tính dễ bị tổn thương trước chính các tác động của môi trường, hoặc tăng nguy cơ khiến cho người phụ nữ sống đơn độc rơi vào hoàn cảnh bị quấy rối hoặc lạm dụng. Những người phụ nữ ở lại cũng thường phải chịu thêm gánh nặng công việc, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, bên cạnh những trách nhiệm vốn có, người phụ nữ phải làm thêm các công việc mà trước đó do người đàn ông thực hiện. Trong trường hợp người phụ nữ là người di cư, người đàn ông ở lại cũng có thể bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi vai trò trong gia đình, họ có thể bị đánh giá khi họ làm các công việc trước đây do phụ nữ làm.

Các khuôn mẫu di cư cũng có thể bị ảnh hưởng bởi yếu tố giới và dẫn đến những rủi ro khác nhau cho phụ nữ và nam giới trong quá trình di cư. Nam giới đi làm việc xa thường có khuynh hướng làm trong ngành xây dựng, giao thông, hay nông nghiệp nhiều hơn và có thể phải đối mặt với các rủi ro về sức khỏe do điều kiện làm việc khắc nghiệt và xa gia đình. Phụ nữ có nhiều nguy cơ bị quấy rối hay bị bạo hành từ nam giới nhiều hơn khi họ sống xa gia đình, hoặc có nguy cơ bị bóc lột do thường làm các công việc phi chính thức như giúp việc nhà (Jones và Tran, 2010).

Chủ đề 1.1 - Các điểm cần ghi nhớ

- **Các yếu tố môi trường, biến đổi khí hậu và di cư** có liên kết với nhau và thuật ngữ “mối quan hệ” (nexus) đề cập đến cách thức mà các yếu tố này kết nối với nhau và ảnh hưởng lẫn nhau theo nhiều cách phức tạp.
- Tổ chức IOM (2011) sử dụng thuật ngữ “**người di cư do môi trường**” để mô tả: “Những người hoặc nhóm người buộc phải rời bỏ nơi ở thường xuyên, hoặc lựa chọn ra đi trong phạm vi quốc gia hoặc ra quốc tế, kể cả tạm thời hay lâu dài, chủ yếu do nguyên nhân môi trường thay đổi một cách đột ngột hoặc tác động tiêu cực gia tăng, làm ảnh hưởng đến cuộc sống và điều kiện sống của họ”. Thuật ngữ này có nghĩa rộng bao trùm tất cả các loại di dời, dù là không tự nguyện hay tự nguyện, tạm thời hay lâu dài, trong nước hay quốc tế.
- Di cư có thể bị tác động bởi các sự kiện diễn biến nhanh chóng như thiên tai, và các biến đổi môi trường diễn biến chậm. Các sự kiện và biến đổi này có thể dẫn đến di cư do môi trường. Di cư do môi trường có thể được xem xét trên một **phổ các mức độ từ tự nguyện đến không tự nguyện**, và có thể là **tạm thời hoặc lâu dài**.
- **Tính dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu** là các yếu tố quan trọng tác động đến di cư do môi trường thông qua việc tác động đến khả năng chống chịu hoặc đối phó với thay đổi trước, trong và sau khi di cư. Tính dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu có thể bị tác động bởi các yếu tố như giới, thu nhập, khả năng tiếp cận với thông tin và một loạt các yếu tố xã hội, kinh tế và chính trị. Mức độ dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu có thể khác nhau trong một hộ gia đình và giữa các hộ gia đình, các nhóm cộng đồng và các quốc gia.

CHỦ ĐỀ 1.2

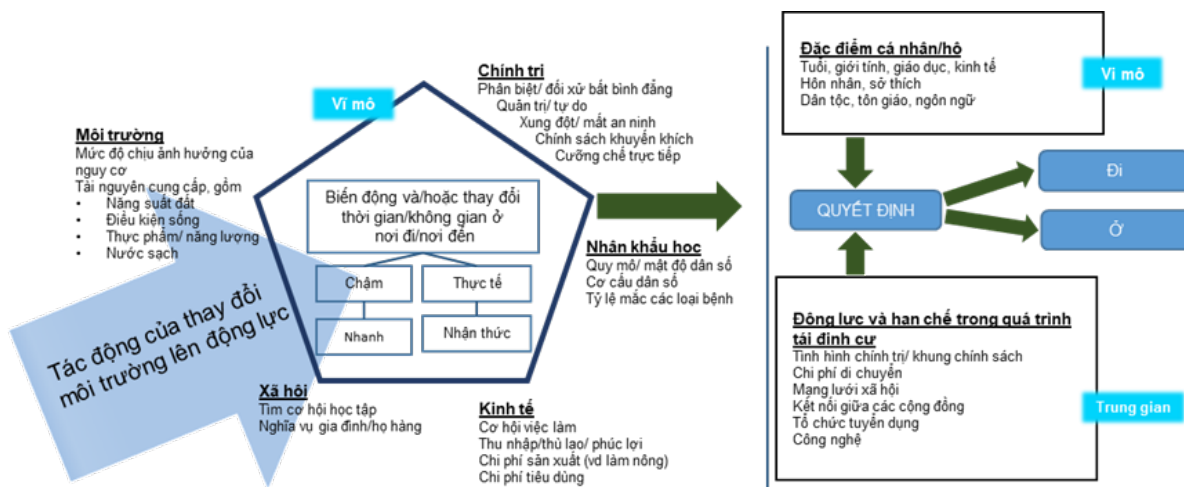
Các động lực của di cư và quyết định di cư

Mục tiêu:

- Mô tả các động lực khác nhau tác động lên quyết định di cư, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi môi trường.
- Xem xét các ví dụ từ các cộng đồng địa phương.
- Thảo luận về các mối quan tâm và hạn chế theo giới

Liên quan đến các quyết định di cư, Black và cộng sự (2011) đã xác định ba cấp độ của động lực: cấp độ vĩ mô, vi mô và cấp trung gian (Hình 1). Quyết định di cư hoặc ở lại thường được đưa ra ở cấp hộ gia đình hoặc cộng đồng. Tuy nhiên, quyết định đi hay không, đi khi nào, đi đâu, như thế nào, cũng như kết quả của việc di cư chịu ảnh hưởng bởi tác động qua lại giữa nhiều yếu tố khác nhau ở cả ba cấp độ này.

Hình 1. Khung phân tích về tác động của các yếu tố môi trường, kinh tế, chính trị, xã hội và nhân khẩu học lên di cư



Nguồn: Black và cộng sự (2011).

1.2.1 Các động lực của di cư ở cấp độ vĩ mô

Các yếu tố ảnh hưởng đến di cư ở cấp độ vĩ mô có thể được chia thành 5 nhóm: môi trường, kinh tế, nhân khẩu học, xã hội và chính trị. Trong khi mối liên hệ giữa các yếu tố môi trường và di cư đã được thảo luận ở Chủ đề 1, khung phân tích này chỉ rõ cách thức những yếu tố này tương tác với bốn loại động lực khác và có thể có ảnh hưởng gián tiếp đến di cư bằng cách tác động đến các động lực khác.

- Các yếu tố kinh tế** thường đóng vai trò chủ chốt trong các quyết định di cư. Mức lương cao hơn hoặc thu nhập ổn định hơn có thể là động lực thu hút người di cư tới điểm đến. Ở những khu vực có tỷ lệ thất nghiệp cao, cơ hội việc làm tại điểm đến có thể là động lực lớn thu hút người di cư. Các hiện tượng hoặc biến đổi môi trường tác động đến thu nhập hộ gia đình có thể ảnh hưởng đến động lực kinh tế và thúc đẩy di cư.

- ii. **Các yếu tố nhân khẩu học** bao gồm quy mô, mật độ và cơ cấu dân số. Trong quá khứ, tỷ suất sinh cao, mật độ dân số và áp lực về đất đai và các nguồn lực khác có liên quan đến mức độ di cư cao. Cơ cấu độ tuổi dân số cũng có tác động đáng kể. Cụ thể, những nơi có dân số trẻ thường có tỷ lệ người di cư khỏi địa phương cao do tình trạng thiếu đất đai/cơ hội việc làm, ngược lại những nơi có dân số già có tiềm năng tạo nhu cầu đối với người nhập cư để cung cấp lao động và dịch vụ. Các yếu tố nhân khẩu học có thể làm tăng áp lực môi trường hoặc tăng yếu tố thúc đẩy di cư như là cách ứng phó với biến đổi môi trường.
- iii. **Các yếu tố xã hội**, chẳng hạn như thiếu cơ hội đào tạo phù hợp, có thể dẫn đến di cư, cả trong nước và quốc tế. Các chuẩn mực và kỳ vọng xã hội có thể thúc đẩy di cư, ví dụ như ở các nền văn hóa mà việc di cư được xem là “tất yếu” đối với người trẻ. Tuy nhiên nhìn chung, các yếu tố xã hội này thường mang tính hạn chế di cư, chẳng hạn như các chuẩn mực về giới khiến cho phụ nữ khó có thể từ bỏ vai trò truyền thống của mình trong gia đình. Các biến đổi môi trường có thể tác động gián tiếp lên các động lực xã hội của di cư. Ví dụ: sự khan hiếm nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể làm trầm trọng thêm xung đột hiện tại giữa các cộng đồng lân cận.
- iv. **Các yếu tố chính trị** có thể vô cùng đa dạng và phức tạp. Nói chung, quản trị yếu kém có thể dẫn đến những động lực di cư điển hình như xung đột, khủng bố và nghèo đói, ngược lại quản trị tốt có thể làm giảm nhu cầu di cư. Các yếu tố chính trị thúc đẩy di cư không phải lúc nào cũng mang tính tiêu cực. Quản trị tốt có thể dẫn đến gia tăng tình trạng di cư, chẳng hạn một chính sách nhằm mang lại lợi ích cho cả cộng đồng gốc và cộng đồng nơi đến. Các chính sách cụ thể nhằm đến tính di động có thể rất quan trọng. Chính quyền có thể thiết kế các chính sách với mục tiêu hạn chế tình trạng di cư (ví dụ để điều tiết tình trạng di cư trong nước) hoặc để thúc đẩy di cư (ví dụ: các khu vực kinh tế đặc biệt nhằm thu hút lao động nhập cư, thỏa thuận di cư lao động song phương). Các chính sách được thiết kế để ứng phó với biến đổi môi trường có thể tác động đến động lực di cư theo các cách khác nhau. Ví dụ, chính sách trợ cấp cho nông dân để chống chọi với tình trạng hạn hán, hoặc để thích ứng với biến đổi khí hậu có thể làm giảm áp lực di cư, hoặc chính sách bảo vệ đất đai thuộc quản lý nhà nước khỏi tình trạng xuống cấp có thể làm giảm khả năng tiếp cận nguồn lực đối với một số hộ gia đình và có thể làm ảnh hưởng đến quyết định di cư.

1.2.2 Các động lực của di cư ở cấp độ trung gian: trở lực và trợ lực

Cấp độ trung gian đề cập đến các yếu tố cản trở hoặc thúc đẩy di cư, tuy không trực tiếp, nhưng có thể có ảnh hưởng lớn đến tính khả thi của việc di cư. Chúng có thể được xem là các yếu tố định hình việc các động lực ở cấp độ vĩ mô có thể ảnh hưởng như thế nào đến quyết định di cư của các hộ gia đình hoặc cá nhân.

i. Mạng lưới xã hội/di cư

Các mạng lưới xã hội/di cư thường là yếu tố thúc đẩy quan trọng. Các mạng lưới này thường được dựa trên sự gắn kết họ hàng, cộng đồng, dân tộc hoặc quốc tịch. Chúng có thể vận hành trong phạm vi quốc gia (thúc đẩy di cư trong nước) hoặc quốc tế, giống như các mạng lưới “đồng hương” kết nối những người sinh sống ở nước ngoài với quê hương của họ. Các mạng lưới này hỗ trợ tiếp cận thông tin (như cơ hội việc làm và chi phí sinh hoạt) tại điểm đến, và đôi khi là sự hỗ trợ trực tiếp về việc làm, nơi ở, hỗ trợ vượt qua các rào cản về ngôn ngữ hay hòa nhập.

ii. Khoảng cách địa lý

Khoảng cách địa lý giữa điểm xuất phát và điểm đến tiềm năng có thể là yếu tố cản trở di cư theo nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên không thể cho rằng chỉ yếu tố khoảng cách thôi sẽ quyết định mức độ di cư bởi điều này còn phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể. Ví dụ, mạng lưới xã hội hoặc chính sách di cư có thể khuyến khích hoặc hỗ trợ việc di cư với khoảng cách xa. Tuy nhiên, đây là một yếu tố quan trọng trong bối cảnh di cư do môi trường, do các khu vực chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ áp lực môi trường thường nằm ở các vùng xa xôi như khu vực miền núi và vùng đất khô cằn. Các khu vực vùng sâu vùng xa thường thiếu điều kiện kết nối giao thông, chi phí vận chuyển cao (xem bên dưới) và thiếu thông tin về điểm đến

tiềm năng và đây là những yếu tố cản trở việc di chuyển và kết quả là người dân thường lựa chọn di cư trong khoảng cách gần.

iii. Chi phí di dời

Đây có thể là một yếu tố quan trọng. Chi phí cao có thể liên quan đến một loạt các yếu tố như: khoảng cách địa lý đến điểm đến dự kiến, hạ tầng giao thông và phương án đi lại, chi phí phải trả cho các trung tâm việc làm/môi giới và chi phí ăn ở, dịch vụ tại điểm đến. Trong trường hợp di cư lâu dài ra khỏi địa phương, những bất an trong vấn đề tài sản (đất đai nhà ở) có thể dẫn đến chi phí cao. Ngoài ra còn có thể có các đánh đổi khác như phí tổn xã hội, chẳng hạn như việc gián đoạn các gắn kết gia đình hoặc mạng lưới cá nhân, hay khả năng tiếp cận với các nguồn lực gắn liền với một số điều kiện cư trú/xã hội và các nguồn lực này có thể ảnh hưởng lớn đến phúc lợi cá nhân và sinh kế.

iv. Trung gian giới thiệu việc làm/môi giới/buôn người

Các trung tâm việc làm, người môi giới, trung gian có thể tạo điều kiện cho di cư bằng cách cung cấp các thông tin về cơ hội việc làm, địa điểm đến và các thủ tục hành chính. Tuy nhiên chi phí có thể cao hoặc có thể là hoạt động trái pháp luật. Trong trường hợp thông qua môi giới để di cư bất hợp pháp qua biên giới quốc tế, người di cư có nguy cơ cao bị bóc lột, mua bán, và có thể bị giam giữ và trục xuất.

1.2.3 Các động lực và quyết định di cư ở cấp độ vi mô: các đặc điểm của cá nhân/hộ gia đình

Các yếu tố tác động ở cấp độ vi mô có ảnh hưởng lớn đến di cư. Cấp độ vi mô bao gồm các đặc điểm cố định như giới tính, dân tộc, ngôn ngữ cũng như các đặc điểm biến động như tuổi tác và tình trạng kinh tế. Di cư do áp lực môi trường thường là hình thức di cư lao động tạm thời của một vài thành viên trong gia đình. Các chuẩn mực văn hóa như vai trò giới có thể ảnh hưởng đến điều kiện di cư của một thành viên trong hộ gia đình, cũng như yếu tố tuổi tác và tình trạng hôn nhân. Các đặc điểm cá nhân do đó cần được xem xét trong bối cảnh thành phần hộ gia đình và chuẩn mực văn hóa địa phương. Trong trường hợp cả hộ gia đình cùng di cư do biến đổi môi trường hoặc di dời do thiên tai, khả năng kinh tế của hộ gia đình (vốn tài chính) là yếu tố quan trọng xác định sự cần thiết và tính khả thi của di cư, bao gồm các điều kiện di cư. Gắn kết xã hội của một cá nhân/gia đình cũng có thể là yếu tố thúc đẩy di cư; ví dụ việc di cư trước hoặc gần đây của một (hoặc nhiều) thành viên trong gia đình hay bạn bè tại điểm đến tiềm năng có thể là nguồn thông tin và hỗ trợ quan trọng. Các đặc điểm hộ gia đình khác như ngôn ngữ, dân tộc, quy mô gia đình và sinh kế cũng là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định di cư và điểm đến. Các đặc điểm ở cấp độ vi mô như dân tộc, trình độ giáo dục hay vị trí xã hội cũng có thể ảnh hưởng đến cách người dân nhận thức và ra quyết định đối với các thay đổi ở cấp độ vĩ mô.

! Ghi chú 4. Giới và quyết định di cư

Nhìn chung phụ nữ ít có cơ hội di cư hơn nam giới trong chiến lược đối phó hoặc thích ứng với biến đổi môi trường của hộ gia đình. Điều này thường xuất phát từ các ràng buộc văn hóa về sự di cư của phụ nữ như:

- Thái độ kì thị đối với công việc của phụ nữ, hoặc đối với những phụ nữ sống độc lập xa gia đình (ví dụ suy nghĩ “vị trí của phụ nữ là ở nhà”);
- Vai trò giới, trong đó phụ nữ chịu trách nhiệm lo cho nhà cửa và các thành viên trong gia đình, ví dụ như chăm sóc con cái, và quan điểm phụ nữ nên ở nhà để lo các công việc này;
- Công việc sẵn có ở nơi khác không được xem là phù hợp về văn hóa đối với phụ nữ.

Tuy nhiên, dù tỉ lệ di cư nói chung ở phụ nữ vẫn thấp hơn ở nam giới, trong một số trường hợp cụ thể, người phụ nữ trong gia đình là người đi làm xa, thường do các cơ hội việc làm ở xa được cho rằng thích hợp với phụ nữ hơn. Ví dụ ở Việt Nam, với sự tăng trưởng của ngành dệt may và nhu cầu lao động giúp việc nhà ngày càng cao ở các thành phố, tỉ lệ phụ nữ di cư từ nông thôn ra thành phố để kiếm thêm thu nhập giúp gia đình đang ngày càng tăng, do các công việc này được cho là phù hợp hơn với phụ nữ.

Phụ nữ di cư có thể phải đối mặt với kỳ thị, ví dụ những lời bàn tán cho rằng họ đã “bỏ bê” gia đình để đi làm việc xa nhà. Những người đàn ông ở lại phía sau khi người vợ di cư cũng phải đối mặt với thái độ tiêu cực của xã hội khi gánh vác trách nhiệm nuôi con hoặc do không phải là người mang lại thu nhập chính trong gia đình.

Di cư cũng có thể tác động tích cực đến bình đẳng giới. Phụ nữ di cư có cơ hội tham gia vào hoạt động kinh tế và tự khẳng định mình. Thu nhập do phụ nữ kiếm được có khả năng được đầu tư vào giáo dục và chăm sóc sức khỏe nhiều hơn. Ở một số gia đình khó khăn, việc học hành của con trai có thể được ưu tiên hơn của con gái. Khi có thêm nguồn thu nhập từ tiền gửi về, gia đình có thể đủ tài chính để cho cả con gái và con trai cùng được đến trường.

Hoạt động

Hoạt động 1.2. Nên ở hay nên đi?

Mục đích của hoạt động: Giúp người học tự đặt mình vào vị trí người dân và hiểu được nhu cầu và các mối quan tâm của hộ gia đình liên quan đến quyết định di cư

Loại hoạt động: Áp dụng lý thuyết

Hướng dẫn:

- Chia lớp học thành các nhóm nhỏ, giới thiệu tình huống sau đây cho các nhóm.
“Cộng đồng của bạn vừa trải qua một trận lũ kinh hoàng, đất đai và nhà cửa bị hư hại nặng. Bạn cần quyết định sẽ ở lại hay chuyển đi nơi khác. Ở lại đồng nghĩa với việc bạn phải đối mặt với nguy cơ thiếu trầm trọng nguồn sinh kế, nguy cơ an toàn do thiên tai khác có thể tiếp tục xảy ra, ốm đau và dịch bệnh do hệ thống nước thải đã bị hư hại nặng và cơ sở hạ tầng kém. Hiện chưa rõ chính quyền có thể hỗ trợ xây dựng lại nhà cửa hoặc hỗ trợ tái định cư ở mức độ nào.”
- Yêu cầu mỗi nhóm lập một danh sách các câu hỏi mà các hộ gia đình cần xem xét khi quyết định di dời hay ở lại. Khuyến khích học viên cân nhắc nhiều câu hỏi khác nhau, liên quan đến dịch vụ, sinh kế, nguồn lực tự nhiên/kinh tế, ảnh hưởng về mặt xã hội, các yếu tố về mặt thể chế và hành chính.
- Mỗi nhóm trình bày danh sách của mình (không cần lặp lại những gì các nhóm trước đã trình bày).

Tổng kết: Thảo luận các câu hỏi sau:

- Những câu hỏi nào là quan trọng nhất đối với bạn với tư cách cá nhân? Với tư cách một cộng đồng? Bạn có thể làm gì để tìm ra thông tin giải đáp cho các câu hỏi quan trọng nhất?
- Việc nắm bắt nhu cầu và mong muốn của các hộ gia đình có thể giúp cải thiện việc lên kế hoạch và triển khai dự án như thế nào?

Hoạt động 1.3. Ảnh hưởng của yếu tố giới trong cộng đồng của bạn

Mục đích của hoạt động: Giúp người học tìm hiểu vai trò giới và các vấn đề cần quan tâm. Người học cũng sẽ suy nghĩ về chính sách, hỗ trợ có thể ở cấp độ địa phương nhằm giải quyết các vấn đề giới.

Loại hoạt động: Áp dụng lý thuyết

Hướng dẫn:

- Giới thiệu **Ghi chú 3** và **Ghi chú 4** về Giới.
- Chia lớp học thành các nhóm nhỏ và yêu cầu các nhóm thảo luận về các câu hỏi dưới đây. Sau đó, một nhóm trình bày các phát hiện của mình và các nhóm khác bổ sung hoặc cho nhận xét.
  1. Trong cộng đồng của bạn, đâu là các vai trò của nam giới và phụ nữ đối với gia đình?
  2. Ghi chú 3 và Ghi chú 4 cho thấy những mối quan ngại và hạn chế nào liên quan đến giới?

Tổng kết: Thảo luận các câu hỏi sau đây::

- Các vấn đề giới trong cộng đồng của bạn có thể ảnh hưởng như thế nào đến di cư hay tính dễ bị tổn thương?
- Chính quyền/cộng đồng địa phương có thể làm gì để giải quyết những thách thức này?

Chủ đề 1.2 - Các điểm cần ghi nhớ

- Quyết định di cư chịu ảnh hưởng bởi một loạt các yếu tố ở cấp vĩ mô, trung gian và vi mô, bao gồm các động lực về môi trường, chính trị, xã hội, nhân khẩu học và kinh tế, cũng như các đặc điểm của cá nhân và của hộ gia đình, và các yếu tố trợ lực hay trở lực. Các yếu tố này ảnh hưởng đến quyết định có di cư hay không, di cư khi nào, đến đâu và như thế nào.
- Môi trường có thể là một động lực trực tiếp hoặc gián tiếp, có thể tác động trực tiếp đến quyết định di cư nhưng cũng có thể ảnh hưởng gián tiếp, thông qua tác động đến các yếu tố khác.
- Cần tìm hiểu quá trình đưa ra quyết định di cư của các hộ gia đình trong bối cảnh các động lực này. Vị trí và vai trò xã hội, đặc biệt vai trò giới, cũng có thể ảnh hưởng đến quyết định di cư của cá nhân hoặc của hộ gia đình.

CHỦ ĐỀ 1.3

Chương trình tái định cư như một chiến lược thích ứng với thiên tai và biến đổi môi trường: khái niệm, nguyên tắc và khuôn khổ pháp lý

Mục tiêu:

- Hiểu các định nghĩa và nguyên tắc cơ bản của tái định cư.
- Thảo luận về tầm quan trọng của việc xây dựng và tuân thủ khuôn khổ pháp lý.

1.3.1. Chương trình Tái định cư

Các hộ gia đình có nguy cơ hoặc đang phải đối mặt với rủi ro thảm họa có thể áp dụng nhiều phương cách khác nhau để giảm thiểu rủi ro hoặc tác động tiêu cực lên tài sản, điều kiện sinh kế và an toàn của hộ gia đình. Dù có nhiều biện pháp thích ứng tại chỗ, di cư tạm thời và lâu dài vẫn là một cách thông dụng để giảm thiểu thiệt hại, duy trì sinh kế và tăng an sinh xã hội. Tuy nhiên vấn đề di cư cũng có thể tạo ra nhiều thách thức và hầu hết những người dễ bị tổn thương lại thiếu nguồn lực để di dời. Các chương trình tái định cư của Nhà nước - một hình thức di cư cụ thể, có khả năng giảm thiểu mức độ thiệt hại vì các hộ gia đình được hỗ trợ di chuyển đến các khu vực an toàn hơn và cũng giảm bớt khó khăn trong quá trình di dời.

“Chương trình Tái định cư” (sau đây gọi tắt là “tái định cư”) là một quá trình được lên kế hoạch trong đó nhiều người hoặc nhóm người sẽ di dời hoặc được trợ giúp để di dời khỏi nhà ở hoặc nơi ở tạm thời của họ, được tái định cư tại một địa điểm mới và được đảm bảo các điều kiện để xây dựng lại cuộc sống (Đại học Georgetown, IOM và UNHCR, 2017). Tái định cư là một công việc vô cùng phức tạp. Nếu không được lên kế hoạch và triển khai một cách thận trọng, các chương trình tái định cư có thể dẫn đến việc mất đất, mất nhà và mất nguồn sinh kế cũng như phá vỡ các mạng lưới xã hội và kinh tế. Do khả năng có thể dẫn đến các tác động tiêu cực, tái định cư nên được cân nhắc như là giải pháp cuối cùng, sau khi các phương án giảm nhẹ hoặc thích nghi đã được tính đến nhưng không khả thi. Trong trường hợp tái định cư là cần thiết, cần phải đảm bảo chương trình được lên kế hoạch và thực hiện nhằm bảo vệ được quyền của tất cả các bên liên quan trong quá trình triển khai.

Tái định cư được thực hiện dưới sự quản lý của Nhà nước, diễn ra trong phạm vi quốc gia và với mục đích bảo vệ người dân khỏi những rủi ro và các tác động liên quan đến thiên tai và biến đổi môi trường, bao gồm cả những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Tái định cư có thể được thực hiện ở cấp độ cá nhân, hộ gia đình và/hoặc cộng đồng (Đại học Georgetown, IOM và UNHCR, 2017).

1.3.2. Khuôn khổ pháp lý

Tái định cư là một vấn đề phức tạp và nhiều thách thức, đặc biệt khi liên quan đến một số lượng lớn hộ gia đình gặp các nguy cơ thiên tai. Các chương trình tái định cư trên toàn cầu cho thấy các kết quả trái chiều, và trong nhiều trường hợp, phúc lợi của các hộ gia đình bị giảm và tính dễ bị tổn thương về kinh tế xã hội lại gia tăng do hệ quả của việc tái định cư. Nếu không được triển khai thận trọng, chương trình tái định cư có thể tạo ra hoặc làm tăng thêm các áp lực và nguy cơ môi trường ở nơi đến và làm tăng tính dễ bị tổn thương.

Ngoài ra, quá trình triển khai các chương trình tái định cư có thể kéo dài hàng thập kỷ, có nghĩa là có thể có cả sự tham gia của các chính phủ kế nhiệm, các ưu tiên chính trị khác nhau và thậm chí các thay đổi

trong chính sách. Vì thế, một khuôn khổ pháp lý rõ ràng, thống nhất và toàn diện quy định các điều kiện, quyền lợi và trách nhiệm, và bao gồm các nguyên tắc nhân quyền là rất quan trọng để đảm bảo các quyết định về di dời, việc xây dựng kế hoạch và triển khai tiếp theo được thực hiện theo luật pháp và chính sách quốc gia. Quan trọng hơn, điều này cũng giúp đảm bảo rằng các giai đoạn tái định cư vẫn được thực hiện phù hợp với các lý do, mục đích và tầm nhìn ban đầu. Trên quan điểm này, việc thiết lập và tuân thủ với khuôn khổ pháp lý trong suốt quá trình thực hiện chương trình tái định cư là hết sức quan trọng.

Một số quốc gia có thể thông qua các luật và quy định cụ thể về tái định cư và qua đó xác định cơ sở pháp lý cho các chương trình tái định cư. Một số quốc gia khác có thể có các luật và quy định chung có thể áp dụng, tuy nhiên các luật và quy định chung này sẽ cần được rà soát để xác định tính phù hợp, các hạn chế và bất cập. Một số quốc gia khác có thể cần xây dựng các luật và quy định mới. Trong mọi trường hợp, cần thiết lập khuôn khổ pháp lý trước khi có nhu cầu cấp bách về tái định cư. Việc thiết lập khuôn khổ pháp lý gấp rút khi phải ứng phó khẩn cấp với thiên tai có thể dẫn đến các hạn chế và những thiếu sót gây tổn hại và vi phạm các quyền của người dân. Nhiều quốc gia đang ngày càng nhận ra rằng chuẩn bị tốt về mặt pháp lý là yếu tố thiết yếu trong nỗ lực giảm thiểu rủi ro thiên tai.

1.3.3 Các nguyên tắc của tái định cư

Trong những thập kỷ gần đây, nhiều dự án tái định cư đã được thực hiện ở khắp nơi trên thế giới vì nhiều lý do khác nhau, bao gồm di dời để phục vụ các dự án phát triển hoặc để giảm thiểu rủi ro môi trường. Kinh nghiệm của các dự án này cho thấy việc tái định cư có thể tạo nên nhiều thách thức và tác động tiêu cực. Tuy nhiên trong các hoàn cảnh mà việc thích ứng và giảm thiểu rủi ro tại nơi ở ban đầu là không thể, tái định cư là việc làm cần thiết. Việc xem xét kỹ lưỡng những nguyên tắc chính được áp dụng trong các dự án tái định cư đã được triển khai cũng như rút ra bài học kinh nghiệm từ những dự án này có thể cung cấp hướng dẫn để chắc chắn rằng việc di dời là thực sự cần thiết và đảm bảo đạt được các mục tiêu tăng cường khả năng chống chịu, giảm rủi ro thiên tai và thích ứng hiệu quả với biến đổi môi trường hoặc thiên tai.

Những thông lệ tốt trong công tác tái định cư đã được thu thập thông qua hoạt động tham vấn và khảo sát với các cơ quan chính phủ, các tổ chức quốc tế và các chuyên gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Những kinh nghiệm này liên quan đến các giai đoạn khác nhau của công tác tái định cư: xây dựng khung thể chế, đánh giá sự cần thiết của việc tái định cư, và giám sát các chương trình tái định cư. Việc xác định các thực hành tốt qua các giai đoạn này nhằm cung cấp một khuôn khổ để triển khai hiệu quả chương trình tái định cư nhằm:

- Bảo vệ quyền lợi, an toàn và phẩm giá của người dân bị ảnh hưởng
- Tránh hoặc giảm thiểu dễ bị tổn thương cho người dân bị tổn thương trước các hậu quả tiêu cực
- Đảm bảo tính hiệu quả của tái định cư như một chiến lược thích ứng

! Ghi chú 5. Các nguyên tắc cơ bản của tái định cư (dựa trên Bộ công cụ)²

1. Trước khi quyết định tái định cư, cần xem xét các khả năng khác nhằm giúp cộng đồng tăng cường khả năng chống chịu và thích ứng. Chỉ nên thực hiện tái định cư nếu không thể áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro và thích ứng tại chỗ nào khác, và phải dựa trên cơ sở đồng thuận tham gia của cộng đồng.
2. Các quốc gia cần có lý do và bằng chứng có tính thuyết phục cho thấy tái định cư là cần thiết, và có cơ sở pháp lý vững chắc để tiến hành tái định cư.
3. Các quốc gia cần đảm bảo nguồn vốn đầy đủ và bền vững cho việc tái định cư.

² Đối với các thuật ngữ được sử dụng trong các tài liệu trích dẫn từ Bộ công cụ, vui lòng tham khảo Phụ lục 1: Danh mục ghi nhớ của Bộ công cụ - Các thuật ngữ và định nghĩa

4. Tái định cư cần được tiến hành vì lợi ích của người dân tái định cư và theo những phương cách nhằm đảm bảo tôn trọng và bảo vệ các quyền và phẩm giá của họ.
5. Các quốc gia chịu trách nhiệm chính theo luật pháp quốc tế trong việc tôn trọng, bảo vệ và đảm bảo quyền con người của người dân trong phạm vi lãnh thổ hoặc thẩm quyền của mình. Điều này bao gồm nghĩa vụ thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phòng ngừa việc vi phạm các quyền của người dân trong phạm vi lãnh thổ của mình, cũng như tích cực hỗ trợ những ai bị xâm phạm các quyền đó.
6. Những người hoặc nhóm người gặp rủi ro hoặc bị ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi môi trường có quyền yêu cầu được tái định cư, cũng như quyền khiếu nại trước tòa trong trường hợp họ không đồng ý với quyết định tái định cư.
7. Tái định cư cần được thực hiện trong khuôn khổ các quy định được xây dựng trên nguyên tắc bảo vệ quyền cá nhân và tập thể, quyền về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác trong tất cả các giai đoạn. Quyền tự quyết, bảo vệ bản sắc và văn hoá, kiểm soát đất đai và tài nguyên là rất quan trọng, đặc biệt đối với cộng đồng bản địa.
8. Người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác phải được cung cấp đầy đủ thông tin, được tham vấn và được quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến tái định cư trong khả năng có thể, ví dụ quyết định tái định cư khi nào, ở đâu và theo cách nào.
9. Cần công nhận, thúc đẩy và nâng cao sự tham gia, khả năng chống chịu và trao quyền cho người dân tái định cư trong suốt quá trình lên kế hoạch và thực hiện dự án.
10. Các quyền, nhu cầu, hoàn cảnh và tính dễ bị tổn thương của người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác, nếu có thể, cần phải được xem xét và giải quyết trong tất cả các giai đoạn của tái định cư. Các quyền, nhu cầu, hoàn cảnh và tính dễ bị tổn thương có thể liên quan đến các yếu tố như:
  - a. Đặc điểm nhân khẩu học (ví dụ yếu tố dân tộc, tuổi...) và sức khỏe;
  - b. Đặc điểm kinh tế - xã hội (ví dụ các hộ nghèo-cận nghèo, trình độ học vấn, nghề nghiệp...);
  - c. Có thuộc nhóm yếu thế hay không;
  - d. Mức độ phụ thuộc của hộ vào đất đai hoặc nguồn lực, cơ hội địa phương (ví dụ trường hợp các cộng đồng bản địa);
  - e. Các tác động trực tiếp và gián tiếp của thiên tai hoặc biến đổi môi trường;
  - f. Kinh nghiệm trước đó về di dời.
11. Tái định cư cần cung cấp cơ hội và điều kiện để:
  - a. Cho phép người dân tái định cư cải thiện, hoặc ở mức tối thiểu, khôi phục mức sống trước đây của họ;
  - b. Đảm bảo Cộng đồng tiếp nhận vẫn duy trì được mức sống từ trước, hoặc có cùng mức sống như của người dân tái định cư, tùy mức nào cao hơn;
  - c. Giảm thiểu các tác động tiêu cực liên quan đến tái định cư có thể ảnh hưởng đến Những người sống lân cận.
12. Tái định cư cần được tiến hành theo cách tôn trọng và duy trì sự thống nhất trong gia đình, và tạo điều kiện để các thành viên trong gia đình được ở cùng hoặc gần nhau. Tái định cư cũng cần tôn trọng và duy trì sự gắn kết gia đình, cộng đồng và xã hội cũng như các mối quan hệ họ hàng.
13. Người dân tái định cư phải:
  - a. Được hưởng đầy đủ quyền bình đẳng, các quyền và tự do theo luật pháp quốc tế và trong nước như những người khác có hoàn cảnh tương tự trong đất nước của họ;

- b. Không bị phân biệt đối xử hoặc bị giới hạn các quyền và tự do vì lý do họ đã hoặc sẽ tham gia vào một chương trình tái định cư ;
- c. Có quyền tự do đi lại và quyền lựa chọn nơi cư trú.



Trường hợp điển hình 2. Khung chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia năm 2015 của Myanmar về phục hồi sau thảm họa lũ lụt và sạt lở đất³

Khung chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia năm 2015 của chính phủ Myanmar về phục hồi sau thảm họa lũ lụt và sạt lở đất được hoàn thành vào tháng 9 năm 2016, bao gồm các biện pháp an toàn nhằm bảo vệ các cộng đồng thuộc diện phải di dời. Khung chiến lược này quy định rằng những người buộc phải di dời sẽ được bồi thường và hỗ trợ để đảm bảo các điều kiện kinh tế và xã hội của họ trong tương lai cũng được thuận lợi giống như trước khi di dời. Khung chiến lược này đồng thời nhấn mạnh rằng các đơn vị thực hiện phải đảm bảo rằng các cộng đồng bị ảnh hưởng được cung cấp thông tin đầy đủ và được tham vấn, được quyền tham gia vào quá trình ra quyết định bao gồm việc xây dựng các gói bồi thường, lựa chọn địa điểm và phát triển dịch vụ tại các khu tái định cư; các cơ chế khiếu nại và kháng cáo, hệ thống giám sát độc lập và thường xuyên phải được xây dựng; các khu tái định cư phải được đầu tư cơ sở hạ tầng và điều kiện sinh kế cần thiết (Thomas 2016: 11-13).



Hoạt động

Hoạt động 1.4. Các nguyên tắc của tái định cư và việc áp dụng tại địa phương

Mục đích của hoạt động: Giúp người học thảo luận về khoảng cách giữa các nguyên tắc được khuyến nghị và thực tế triển khai tái định cư tại địa phương, cũng như thách thức có thể có trong việc áp dụng các nguyên tắc vào bối cảnh của địa phương

Loại hoạt động: Áp dụng lý thuyết

Hướng dẫn:

- Đọc và giải thích **Ghi chú 5 – Các nguyên tắc cơ bản của tái định cư.**
- Chia lớp học thành các nhóm nhỏ và yêu cầu các nhóm thảo luận về các câu hỏi dưới đây.
  1. Trong các nguyên tắc được khuyến nghị, bạn thấy nguyên tắc nào được áp dụng một cách phổ biến và thông dụng nhất tại địa phương?
  2. Hãy nêu ít nhất 3 nguyên tắc mà bạn thấy đã được áp dụng thành công nhất theo kinh nghiệm của bạn? Vì sao?
  3. Hãy nêu ít nhất 3 nguyên tắc mà bạn cho rằng việc áp dụng sẽ gặp nhiều khó khăn nhất? Vì sao.

Tổng kết: Một người đại diện của mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Sau đó, mọi người cùng thảo luận nếu các nguyên tắc khó áp dụng nhất có thể được thực hiện thì sẽ mang lại lợi ích gì.

³ Tại thời điểm xây dựng tài liệu, Khung chiến lược và kế hoạch hành động này chưa được thực hiện tại Myanmar. Tuy nhiên, đây vẫn là ví dụ cho một khuôn khổ pháp lý nhấn mạnh việc thông tin và tham vấn với các cộng đồng bị ảnh hưởng và bảo vệ quyền của tất cả các bên liên quan.

Chủ đề 1.3 - Các điểm cần ghi nhớ

- Tái định cư là một công việc phức tạp và có thể gây ra nhiều xáo trộn đối với cuộc sống của người dân, và do đó có thể dẫn đến nhiều kết quả tiêu cực ngoài dự kiến.
- Do có thể dẫn đến những kết quả không như mong muốn, tái định cư cần được xem như giải pháp cuối cùng, sau khi mọi giải pháp khác đã được cân nhắc và không thể thực hiện được.
- Khi tái định cư được xác định là cần thiết, chương trình tái định cư cần theo sát các nguyên tắc được xây dựng trên nguyên tắc bảo vệ quyền, nhân phẩm và điều kiện sống của người dân tái định cư, nhằm đảm bảo chương trình đạt được mục đích mong muốn.

CHƯƠNG 2

Các chương trình tái định cư tại Việt Nam: chính sách và thực tiễn



Một điểm tái định cư tại tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
© IOM 2016 (Nguồn ảnh: Trần Thị Ngọc Thư)

Mô tả chung:

Chương này đề cập đến các chính sách của Việt Nam liên quan đến giảm thiểu rủi ro và ứng phó với thiên tai, bao gồm chính sách tái định cư trong bối cảnh biến đổi môi trường. Người học sẽ:

- Hiểu về mối liên hệ giữa các chính sách hiện nay.
- Điềm lại các chính sách và quy trình liên quan đến tái định cư và thảo luận về kết quả và bài học kinh nghiệm từ các chương trình tái định cư đã thực hiện.

CHỦ ĐỀ 2.1

Thiên tai, các chính sách và quy trình điều phối giữa các bên liên quan trong bối cảnh tái định cư ở Việt Nam

Mục tiêu:

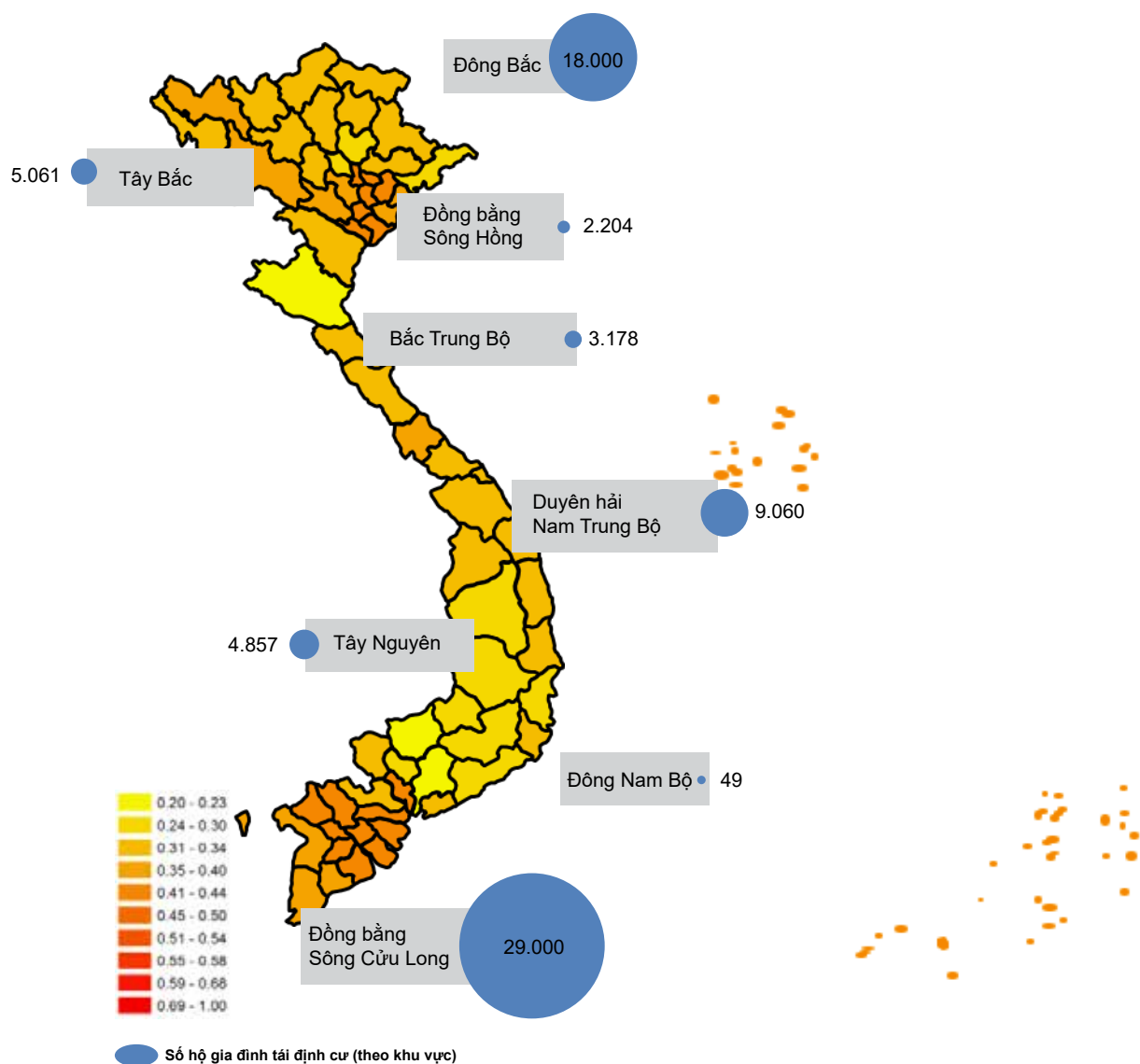
- Xem xét bối cảnh thiên tai và tái định cư ở Việt Nam.
- Rà soát các chính sách hiện nay và mối liên kết giữa các chính sách.
- Thảo luận về quy trình điều phối các nhiệm vụ và trách nhiệm khác nhau ở cấp địa phương.

2.1.1 Tình hình thiên tai và tái định cư ở Việt Nam

Việt Nam là quốc gia hứng chịu nhiều thiên tai. Một số khu vực thường xuyên có nguy cơ lũ lụt, sạt lở đất và lốc xoáy làm ảnh hưởng đáng kể đến sự an toàn, điều kiện sinh kế và tài sản của con người. Theo Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai (2017), trong năm 2016, thiên tai đã khiến cho 264 người bị thiệt mạng hoặc mất tích, phá hủy 5.431 ngôi nhà và làm hư hại 364.997 ngôi nhà cùng với 828.661 ha đất trồng trọt, gây thiệt hại lớn cho hệ thống đường sá và hệ thống thủy lợi. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là những con số này có thể cao hơn trên thực tế. Tổng thiệt hại do tác động của thiên tai trong năm 2016 ước tính khoảng 39.726 tỷ đồng. Từ tháng 6 năm 2013 đến cuối năm 2015, Việt Nam hứng chịu 16 cơn bão và lũ lụt lớn, khiến cho khoảng 1,1 triệu người phải sơ tán hoặc di dời (DMC, 2017). Rủi ro tạm lánh là rất cao, với ước tính mỗi năm có khoảng 365.000 người chịu rủi ro tạm lánh do thiên tai trong giai đoạn 2015-2018 (theo Lavell và Ginnetti, 2014). Ngoài rủi ro tạm lánh do thiên tai, một số nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy sức ép về sinh kế do biến đổi môi trường và các sự kiện cực đoan cũng là động lực thúc đẩy di cư tự phát (Chun & Sang, 2012; Hai, 2012; Ha, 2012).

Hình 2 cho thấy chỉ số dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu của các tỉnh Việt Nam, cùng với số hộ gia đình đã tái định cư tại mỗi khu vực. Chỉ số dễ bị tổn thương được tính toán dựa trên a) mức độ đối mặt và tần suất hứng chịu thiên tai, b) độ nhạy cảm với biến đổi khí hậu, bao gồm các yếu tố mật độ dân số và điều kiện môi trường, và c) khả năng thích ứng, bao gồm các yếu tố thu nhập, cơ sở hạ tầng và các yếu tố kinh tế-xã hội. Hình 3 cho thấy rủi ro theo từng loại thiên tai cụ thể mà Việt Nam phải hứng chịu. Các bản đồ phản ánh tính dễ bị tổn thương cao trước biến đổi khí hậu, đặc biệt là các vùng đồng bằng và khu vực miền núi phía bắc. Các số liệu cho thấy kết quả của các chương trình tái định cư đã thực hiện nhằm giảm thiểu rủi ro về lũ lụt, sạt lở đất và bão ở các vùng thường xuyên bị ảnh hưởng.

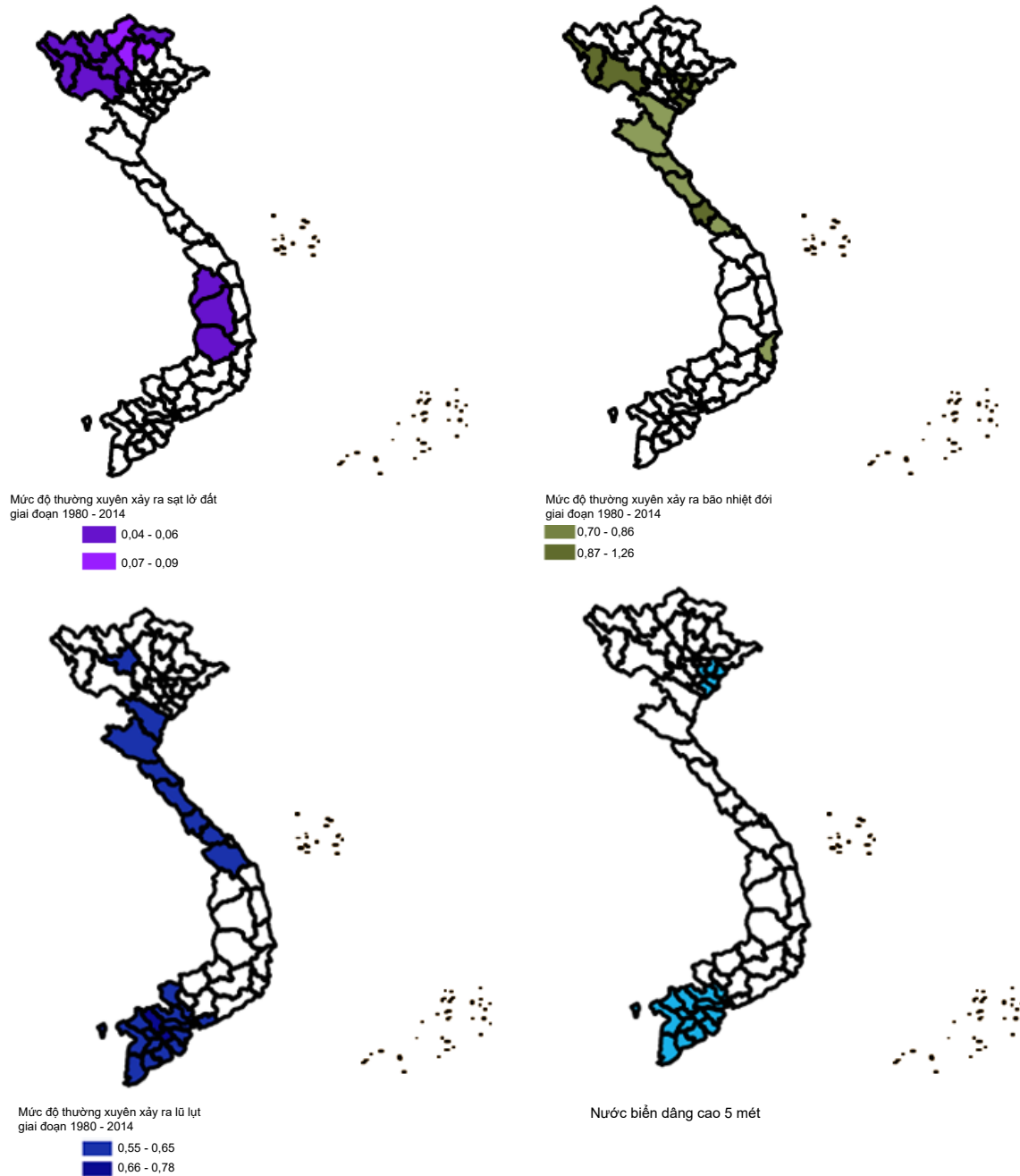
Hình 2. Việt Nam: Chỉ số tính dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu và số hộ gia đình tái định cư trong giai đoạn 2006-2013 tính theo khu vực



Nguồn: IOM thực hiện dựa trên bản đồ gốc và dữ liệu từ:

- Cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2015), Tổng quan về các chương trình bố trí dân cư gắn với biến đổi khí hậu;
- Kuntiyawichai và cộng sự (2015), Bản đồ tính dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu của tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng.

Hình 3. Việt Nam: Các khu vực bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi sụt lún đất, bão nhiệt đới, lũ lụt và nước biển dâng



Nguồn: IOM thực hiện dựa trên bản đồ gốc và dữ liệu từ Kuntiyawichai và cộng sự (2015), Bản đồ tính dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu của tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng

2.1.2 Chính sách tái định cư ở Việt Nam

Chính sách quản lý rủi ro thiên tai của Việt Nam bao gồm các chương trình tái định cư được chính quyền hỗ trợ đối với các cộng đồng dân cư nằm trong khu vực có rủi ro thiên tai. Chính sách này nhằm mục đích giảm thiểu rủi ro cho cộng đồng dân cư ở những khu vực thường xuyên chịu tác động đáng kể của thiên tai. Có hai hình thức tái định cư gồm tái định cư “tập trung” trong đó một cộng đồng được tái định cư tập trung sang một khu tái định cư mới xây dựng, và tái định cư “xen ghép” trong đó các hộ gia đình được bố trí vào các cộng đồng khác nhau trong các khu dân cư. Chính sách hiện hành quy định rằng các chương trình tái định cư phải đảm bảo cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sinh kế và hỗ trợ xã hội cho các hộ tái định cư và đặc biệt phải chú trọng đến khía cạnh phát triển kinh tế địa phương để cải thiện đời sống cho người dân.

Khung chính sách hiện nay của Việt Nam cho thấy các nhà hoạch định chính sách nhận thức rõ những tác động đáng kể của thiên tai, đặc biệt là trong bối cảnh của biến đổi khí hậu. Chiến lược quốc gia về phòng chống rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu xác định chính sách tái định cư như là một chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu quan trọng để giảm thiểu tác động lên người dân bị ảnh hưởng (Dang và cộng sự, 2016).

Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020

Ở cấp quốc gia, Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 đặc biệt chú trọng đến vấn đề tái định cư cho các cộng đồng dân cư khỏi khu vực có rủi ro cao. Chiến lược hướng tới “hoàn thành việc tái định cư, sắp xếp và ổn định đời sống nhân dân vùng thường xuyên xảy ra thiên tai theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt... Chiến lược sẽ “phấn đấu cơ bản hoàn thành việc tái định cư dân ra khỏi các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất và các vùng nguy hiểm đến nơi an toàn” (Chính phủ Việt Nam, 2007).

Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu

Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu bao gồm mục tiêu xây dựng các kế hoạch tái định cư người dân ở những khu vực dễ bị tổn thương nhất như là một phần của chiến lược giảm thiểu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và lồng ghép vào kế hoạch phát triển quốc gia (Chính phủ Việt Nam, 2008a).

Các chính sách khác

Chính sách tái định cư cũng nằm trong chiến lược quy hoạch phát triển và giảm thiểu tác động của lũ lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long từ những năm 1990 thông qua cách tiếp cận “Sống chung với lũ”. Theo cách tiếp cận này, các cộng đồng đã được tái định cư đến những khu vực ít bị ảnh hưởng hơn và các hệ thống đê điều đã được xây dựng để giảm thiểu lũ lụt (Chính phủ Việt Nam, 1995, 1996, 1999). Chương trình hiện tại hướng đến việc bố trí và ổn định đời sống cho các hộ gia đình ở các khu vực có rủi ro cao thông qua việc xây dựng các “khu tái định cư” (Chính phủ Việt Nam, 2008b). Chương trình tiếp tục được đưa vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Chính phủ Việt Nam, 2014).

Các sắc lệnh của chính phủ

Các chiến lược quốc gia về phòng chống thiên tai, giảm nghèo và phát triển nông thôn cung cấp khuôn khổ để liên kết các dự án tái định cư với cả hai mục tiêu giảm thiểu rủi ro thiên tai và phát triển nông thôn. Chính phủ đã ban hành hai quyết định trong đó đề cập đến các chính sách cụ thể cho việc triển khai các dự án tái định cư phù hợp với các khuôn khổ này. Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành năm 2006 phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng chịu ảnh hưởng bởi thiên tai hoặc các vùng đặc biệt khó khăn về đời sống. Mục tiêu cụ thể của Chương trình là thực hiện bố trí, sắp xếp lại dân cư 150.000 hộ trong giai đoạn 2006 - 2015, bao gồm 30.000 hộ vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn về đời sống. Chương trình xác định cách tiếp cận tái định cư tập trung và nhấn mạnh rằng việc bố trí, sắp xếp lại dân cư cần đi cùng với việc cải thiện điều kiện sống ở các khu tái định cư thông qua đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đào tạo nghề và phát triển kinh tế (Chính phủ Việt Nam, 2006).

Quyết định số 78/2008/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành trong năm 2008 quy định việc hỗ trợ cho các hộ gia đình phải tái định cư, bao gồm giao đất, hỗ trợ sinh kế, hỗ trợ chi phí tái định cư, hỗ trợ về nhà ở, lương thực cũng như hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu và hỗ trợ phát triển kinh tế (Chính phủ Việt Nam, 2008c). Gói hỗ trợ được cập nhật trong Quyết định số 1776/2012/QĐ-TTg. Theo quyết định này, các hộ gia đình tái định cư sẽ nhận được:

- Hỗ trợ khai hoang đồng ruộng 8 triệu hoặc 15 triệu đồng/hộ. Mức hỗ trợ phụ thuộc vào tình trạng đất đai trước khi khai hoang và/hoặc sử dụng đất.
- Hỗ trợ 20- 25 triệu đồng/hộ, tùy thuộc vào khoảng cách di dời, cho các chi phí như tháo dỡ nhà cửa, vận chuyển người, tài sản và vật liệu xây dựng vào các khu tái định cư.

- Đất ở và đất sản xuất, theo mức phân bổ được xác định theo từng dự án tái định cư.
- 12 tháng lương thực theo mức tương đương 30 kg gạo/người/tháng đối với trường hợp hộ gia đình bị mất nhà ở, đất ở, đất sản xuất do thiên tai.
- Đào tạo nghề và hỗ trợ vay vốn từ Ngân hàng Chính sách Xã hội, được triển khai thông qua các chương trình giảm nghèo và phát triển nông thôn.

Các khu tái định cư phải đảm bảo:

- Cung cấp điện lưới
- Cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất
- Dịch vụ y tế và đào tạo
- Giao thông đường bộ

Không giống như trường hợp tái định cư để phục vụ cho các dự án phát triển, chính sách tái định cư vì lý do môi trường không đề cập đến việc thu hồi đất hay bồi thường cho việc mất đất tại nơi xuất cư. Vì vậy trong nhiều trường hợp, các hộ vẫn tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp ở địa phương cũ của mình sau khi tái định cư.

Năm 2012, sau khi phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới, quyết định này đã được thay thế bằng Quyết định số 1776/2012/QĐ-TTg với các cập nhật mới nhất về chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2013 - 2020. Quyết định mới này hướng đến mục tiêu bố trí ổn định 160.000 hộ gia đình trong giai đoạn 2013- 2020, trong đó giai đoạn 2013 - 2015 bố trí ổn định 55.900 hộ, bao gồm 32.100 hộ vùng rủi ro thiên tai. Quyết định 1776 tiếp tục chú trọng vào khía cạnh tăng thu nhập, khả năng tiếp cận các dịch vụ và nâng cao năng suất là các mục tiêu hướng tới của chương trình tái định cư. Chính sách tái định cư đề cập trong quyết định này có liên kết chặt chẽ với Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới, trong đó nêu rõ rằng cần định hướng việc xây dựng các khu tái định cư để đạt được các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới.

Tổng mức vốn thực hiện Chương trình tái định cư là 16.774 tỷ đồng, bao gồm ngân sách trung ương 10.064 tỷ đồng và ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn khác 6.710 tỷ đồng (Chính phủ Việt Nam, 2012).

Bên cạnh các công cụ và khuôn khổ pháp lý này còn có các quy định chính sách khác tập trung vào vấn đề phát triển nông thôn và giảm nghèo⁴ với các mục tiêu tương tự. Vì vậy, điều quan trọng là các cơ quan chính quyền cấp tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc triển khai các chương trình và chính sách khác nhau ở cấp địa phương cần cung cấp hướng dẫn rõ ràng về cách thức mà các chương trình tái định cư có thể được hưởng lợi hoặc được kết nối với các chương trình khác có liên quan nhằm đảm bảo tác động gộp và tối ưu hóa các nguồn lực tài chính nếu phù hợp.

2.1.3 Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan

Dưới đây là giới thiệu về vai trò và trách nhiệm của các cơ quan liên quan ở các cấp trung ương, tỉnh và địa phương theo thực tế triển khai chính sách tái định cư. Sơ đồ mô tả chi tiết về quy trình và trách nhiệm của các bên có tại Phụ lục 2: Sơ đồ quy trình điều phối trong công tác tái định cư giữa các cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp địa phương.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN và PTNT) là cơ quan thường trực trong Chương trình tái định cư, chủ trì việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí dân cư; lập, thẩm định, phê duyệt, kiểm tra, giám sát các dự án tái định cư, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tái định cư, điều phối ngân

⁴ Các chính sách có liên quan bao gồm: i) Chương trình mục tiêu quốc gia về Giảm nghèo bền vững (Chính phủ Việt Nam, 1998); Nghị quyết số 80/NQ-CP của Chính phủ về Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 201 đến năm 2020 (Chính phủ Việt Nam, 2011); và Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới (Chính phủ Việt Nam, 2010).

sách và triển khai các chương trình đào tạo và hỗ trợ để phát triển sinh kế.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH và ĐT) có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính để lập kế hoạch và phân bổ nguồn vốn cho các dự án tái định cư và hướng dẫn việc kết hợp nguồn vốn của chương trình với các chương trình đầu tư phát triển hạ tầng và giảm nghèo khác.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt các dự án tái định cư trên cơ sở thỏa thuận về mục tiêu, giải pháp, tổng mức vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương với các Bộ, bao gồm bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chỉ đạo và kiến toàn hệ thống cơ quan chuyên ngành về bố trí dân cư tại địa phương.

Mỗi dự án sẽ thành lập một Ban quản lý Dự án, bao gồm đại diện Sở NN và PTNT, Sở KH và ĐT và các sở ban ngành có liên quan cùng với đại diện UBND cấp tỉnh và cấp quận huyện. Ban quản lý Dự án sẽ đánh giá các điểm tái định cư, xây dựng kế hoạch triển khai cho các dự án tái định cư và phát triển hạ tầng, điều phối trách nhiệm và ngân sách với chính quyền cấp huyện và các sở ban ngành có liên quan để thực hiện chương trình tái định cư và các chương trình hỗ trợ tiếp theo. Chính quyền cấp xã có vai trò hạn chế, chủ yếu tham gia vào việc hỗ trợ việc tuyên truyền, trao đổi thông tin giữa Ban quản lý Dự án và cộng đồng.



Hoạt động

Hoạt động 2.1. Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan

Mục đích của hoạt động: Giúp người học có dịp thảo luận về quy trình điều phối giữa các cấp và các bên liên quan trong tái định cư, so sánh giữa mô hình trong ví dụ và mô hình thực tế tại địa phương. Khuyến khích người học đưa ra các ý tưởng để cải tiến, hoàn thiện quy trình.

Loại hoạt động: Áp dụng lý thuyết

Hướng dẫn:

- Giảng viên giới thiệu và giải thích về **Phụ lục 2 – Sơ đồ quy trình điều phối trong công tác tái định cư giữa các cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp địa phương**.
- Chia lớp học thành các nhóm nhỏ và yêu cầu các nhóm thảo luận về các câu hỏi dưới đây. Mỗi nhóm cử một đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm.

1. Quy trình này giống hay khác như thế nào so với quy trình tại địa phương của bạn?
2. Có bên nào có tham gia vào quá trình tái định cư nhưng chưa có trong sơ đồ này không? Có bên nào khác bạn nghĩ là nên bổ sung thêm mặc dù hiện nay họ chưa tham gia không?

Tổng kết: Tất cả học viên thảo luận xem quy trình này có những điểm mạnh và điểm hạn chế gì? Có thể làm gì để hoàn thiện thêm quy trình không?

Chủ đề 2.1 - Các điểm cần ghi nhớ

- Tái định cư là một trong các chiến lược của Việt Nam nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Khung chính sách hiện nay nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thực hiện tái định cư một cách an toàn và bền vững, đảm bảo chất lượng cuộc sống bằng hoặc tốt hơn và các cơ hội sinh kế cho người dân.
- Các chính sách tái định cư xác định một loạt các cơ chế hỗ trợ cho người dân nhằm đảm bảo tái định cư một cách bền vững. Các cơ chế hỗ trợ này có thể được lồng ghép với các chính sách khác về phát triển bền vững và giảm nghèo.
- Để đạt được mục tiêu mà các chính sách này đề ra, cần có sự phối hợp toàn diện và hiệu quả giữa các cơ quan liên quan, từ cấp trung ương đến địa phương. Các chương trình tái định cư có thể đạt hiệu quả cao nếu các nhà hoạch định chương trình và các cán bộ thực hiện xây dựng được các cơ chế phối hợp chặt chẽ, giúp lên kế hoạch và triển khai các chương trình hỗ trợ một cách tốt nhất.

CHỦ ĐỀ 2.2

Kết quả tái định cư, các thực hành có hiệu quả và bài học kinh nghiệm

Mục tiêu:

- Thảo luận về các kết quả tái định cư, thực hành có hiệu quả và bài học kinh nghiệm dựa trên các báo cáo về các chương trình tái định cư được thực hiện ở Việt Nam.

Hiện tại có rất ít nghiên cứu đưa ra đánh giá mang tính hệ thống và toàn diện về các chương trình tái định cư đã được thực hiện. Kết quả đạt được có nhiều mức độ khác nhau, trong đó khả năng tiếp cận với sinh kế bền vững vẫn còn là thách thức lớn. Quá trình di dời các dự án tái định cư được thực hiện từ trước đến nay cho thấy một số kết quả chính sau:

- Các hộ gia đình gặp khó khăn trong việc chuyển đổi sang hình thức sinh kế mới tại điểm đến do bị hạn chế về nguồn lực tài chính và phi tài chính (kiến thức kỹ thuật, kỹ năng), và không có đủ cơ sở hạ tầng cơ bản (diện tích và/hoặc chất lượng đất, nguồn nước cho nông nghiệp).
- Các hộ tái định cư thường trở về nơi ở cũ hoặc di cư đi về như là một cách để ứng phó với thay đổi về sinh kế và môi trường tại nơi ở mới. Trong trường hợp này, các hộ tái định cư có thể tiếp tục canh tác trên phần đất của họ tại nơi ở cũ, hoặc tiếp tục đi xa hơn khỏi nơi tái định cư để tìm kiếm việc làm tạm thời hay theo mùa vụ.
- Tác động của áp lực môi trường và điều kiện khí hậu khắc nghiệt nhìn chung giảm đáng kể, mang lại lợi ích cho sự an toàn của người dân và sinh kế.
- Điều kiện sống tại các khu tái định cư nhìn chung được đánh giá là tốt hơn do điều kiện nhà ở an toàn hơn và tốt hơn, người dân được bảo vệ khỏi các hiểm họa về môi trường và khí hậu.
- Một trong những ưu điểm quan trọng của việc tái định cư là khả năng tiếp cận với dịch vụ công được cải thiện. Điều này được thấy rõ ở nhiều báo cáo về kết quả tái định cư tại Đồng bằng Sông Cửu Long (xem Bảng 2).
- Điều kiện xã hội và chất lượng cuộc sống về cơ bản được cải thiện nhờ khả năng tiếp cận tốt hơn với nguồn cung cấp nước và điện lưới, dịch vụ y tế và giáo dục, và mạng lưới giao thông đường bộ.

Những kết quả này cho thấy các chương trình tái định cư nhìn chung đã đạt được các mục tiêu đề ra, bao gồm bảo vệ người dân khỏi áp lực môi trường và cải thiện điều kiện sống. Tuy nhiên, phát triển các điều kiện sinh kế bền vững vẫn là một thách thức lớn. Kinh nghiệm tái định cư tại Việt Nam cũng tại các khu vực khác ở Đông Nam Á cho thấy việc khôi phục sinh kế đòi hỏi phải xây dựng các chiến lược hỗ trợ phù hợp với khả năng và tài sản của các hộ gia đình và cho phép họ tận dụng được các cơ hội tại địa phương. Các hộ gia đình hiếm khi duy trì được các hoạt động sinh kế trước đây và cần được hỗ trợ phù hợp để thích nghi trong môi trường mới dựa trên kiến thức và nguồn lực của mình, tìm kiếm việc làm hay phát triển chiến lược sinh kế mới. Bên cạnh hỗ trợ về đất đai và nguồn nước, các hộ gia đình cũng cần được hỗ trợ về đào tạo, thông tin thị trường. Đặc biệt, các hộ gia đình cần được hỗ trợ để xác định các lựa chọn phù hợp với khả năng và cơ hội thị trường cụ thể của mình, bao gồm hỗ trợ chuyển đổi sang các cơ hội việc làm phi nông nghiệp nếu có thể.

Bảng 2. Kinh nghiệm tái định cư tại Việt Nam: Tóm tắt các nghiên cứu về kết quả tái định cư

Tác giả	Địa bàn	Loại thiên tai	Kết quả tích cực	Các thách thức
Xe và Dang (2006)	An Giang, Cần Thơ	Lũ, sạt lở bờ sông	- Tiếp cận giáo dục, điện, nước được cải thiện - Thu nhập trung bình nhìn chung không bị giảm	- Giảm thu nhập từ nông nghiệp và tình trạng thất nghiệp trong quá trình chuyển đổi từ sinh kế nông nghiệp sang phi nông nghiệp
Danh và Mushtaq (2011)	An Giang	Lũ, sạt lở bờ sông	- Tiếp cận y tế, giáo dục, điện, nước và giao thông được cải thiện - Cải thiện được an toàn cho người dân và hoạt động nông nghiệp nhờ vào việc xây đắp đê chắn lũ - Rủi ro thiên tai giảm nên thu nhập được ổn định hơn	- Người dân quay lại canh tác trên đất sản xuất cũ hoặc đi về giữa hai nơi do thiếu cơ hội sinh kế tại nơi tái định cư, dẫn đến chi phí đi lại tăng - Chi phí điện, nước làm tăng chi phí sinh hoạt - Chậm tiến độ xây dựng cơ sở, một vài trường hợp cơ sở hạ tầng không đầy đủ hoặc chất lượng thấp
Chun và Sang, (2012), Chun (2014)	Long An, Đồng Tháp	Lũ, sạt lở bờ sông	- Giảm thiểu rủi ro, nhà cửa an toàn hơn - Các dịch vụ y tế, giáo dục và giao thông được cải thiện - Chất lượng nhà ở và cơ hội việc làm được cải thiện tại một số địa điểm tái định cư	- Thu nhập bị giảm do thiếu cơ hội việc làm tại một số địa điểm tái định cư - Chất lượng nhà ở và chất lượng nguồn nước không đảm bảo ở một số địa điểm tái định cư - Một số hộ rơi vào vòng nợ nần do phải mượn tiền xây nhà và khó khăn trong thích nghi về sinh kế

 Trường hợp điển hình 3. Khi việc tái định cư đi kèm yêu cầu thích ứng với cuộc sống và điều kiện sinh kế hoàn toàn mới mẻ

Trường hợp tái định cư của các cộng đồng thuyền chài trên phá Tam Giang, tỉnh Thừa Thiên Huế: Một nghiên cứu sâu đã được thực hiện tại làng Thủy Điền với khoảng 150 hộ gia đình. Làng Thủy Điền trước đây là cộng đồng thuyền chài và đã chuyển lên sống ở đất liền từ năm 1995. Làng không có đất nông nghiệp và có diện tích đất ở hạn chế. Việc tái định cư giúp đảm bảo điều kiện giáo dục và cung cấp cơ hội việc làm khác ngoài hoạt động đánh bắt cá. Việc tái định cư cũng giúp tăng cường gắn kết xã hội của người dân khi lập ra làng mới, giảm sự biệt lập và hòa nhập tốt hơn với cộng đồng sống trên đất liền, cho phép dân làng tham gia tích cực hơn vào các tổ chức cộng đồng. Mặc dù quá trình tái định cư mang lại nhiều lợi ích, nó cũng tạo ra nhiều thách thức. Ví dụ, người dân thuyền chài chủ yếu sống bằng nghề đánh bắt cá nên thiếu những kỹ năng cần thiết cho các hoạt động khác sau khi tái định cư, chẳng hạn như chăn nuôi gia súc và chế biến thực phẩm. Một khó khăn khác liên quan đến hỗ trợ tài chính của chính phủ để xây dựng nhà ở. Nguồn vốn của nhà nước chỉ được giải ngân sau khi đã hoàn thành việc xây nhà, do đó các hộ gia đình phải tự chuẩn bị kinh phí để xây dựng và sau đó mới được hoàn trả. Một số hộ đang phải vay nợ chưa trả được, khiến họ gặp nhiều khó khăn hơn khi vay tiền để xây nhà. Một số hộ cảm thấy bất tiện khi sống trên đất liền và quay trở về sống trên thuyền tại nơi ở cũ của họ để tiếp tục đánh bắt cá. Những hộ đã trở về sống trên thuyền, nhưng sau đó lại muốn quay lại sống trên đất liền còn gặp nhiều khó khăn hơn nữa do không còn các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, đất đai khan hiếm và chi phí xây nhà thì cao hơn (Huong, 2010).



Trường hợp điển hình 4. Những thách thức gặp phải trong một chương trình tái định cư ở Tây Bắc Việt Nam

Cơ sở hạ tầng, dịch vụ và điều kiện môi trường

Trong một dự án tái định cư ở vùng Tây Bắc Việt Nam được thực hiện với mục tiêu giảm rủi ro thiên tai, các hộ gia đình đã có được những lợi ích đáng kể về sự an toàn và khả năng tiếp cận dịch vụ, nhưng gặp một số vấn đề liên quan đến cơ sở hạ tầng thiết yếu. Phần lớn các hộ gia đình tái định cư nhận thấy cơ sở hạ tầng và dịch vụ ở khu tái định cư đã được cải thiện so với nơi ở cũ. Hầu hết các hộ đều đồng ý rằng đường sá, giao thông, truyền thông thông tin và khả năng kết nối với chợ tốt hơn nơi ở cũ. Tuy nhiên, điều kiện nguồn nước ở khu tái định cư là một vấn đề khá nghiêm trọng với 90% số hộ đánh giá nguồn nước tệ hơn chỗ ở cũ. Kết quả khảo sát tại hiện trường và phỏng vấn định tính cho thấy nhiều hộ di dời thiếu nước, đặc biệt là nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Sự không hài lòng càng trở nên nghiêm trọng hơn vì trước đây, nhiều hộ di dời sống gần hồ chứa sông và chưa bao giờ gặp trở ngại khi tiếp cận nguồn nước, trong khi đó, khu tái định cư lại không có nguồn nước tự nhiên lớn.

Dữ liệu định tính cho thấy thiếu hụt nguồn nước phục vụ sinh hoạt và canh tác là một vấn đề lớn đối với nhiều hộ di dời.

“Dưới đây chúng tôi được làm hệ thống tưới tiêu nhưng xuống đây là chưa có. Nước ăn và nước sinh hoạt của chúng tôi mới dở hơi. Cả một xóm mà nước sinh hoạt rất khó khăn. Nước ăn thì các ông ấy thiết kế các téc nước nó nhỏ quá chỉ được 10 khối nước mà phục vụ cho 200 hộ.”

Thiếu nước còn khiến cuộc sống của các hộ khó khăn hơn khi phải đối diện với hạn hán: khoảng một nửa số hộ di dời cho biết hạn hán đã tăng so với nơi ở cũ, và chỉ 23,5% nói rằng hạn hán giảm. Việc các hộ cho biết hạn hán tăng có thể một phần do chủ quan của người trả lời, liên quan đến việc thiếu nguồn cung nước hơn là do lượng mưa thường xuyên thấp, tuy nhiên, rõ ràng tiếp cận nguồn nước là một vấn đề khó khăn với nhiều hộ gia đình.

Tiếp cận đất đai

Tiếp cận đất đai là yếu tố quan trọng phải xem xét khi di dời các cộng đồng nông thôn để đảm bảo sinh kế bền vững, đặc biệt là khi cộng đồng bị di dời thường phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp ở mức độ nào đó. Tuy nhiên, do tài nguyên đất sẵn có tại khu tái định cư hạn chế, các hộ tái định cư không nhận được diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất thổ cư như trước đây. Đây là một khó khăn với nhiều hộ tái định cư, nhưng vấn đề quan trọng hơn đối với sản xuất nông nghiệp của các hộ liên quan đến chất lượng đất được giao hơn là số lượng. Nhiều hộ gia đình nhận thấy đất được giao ở khu tái định cư có chất lượng rất kém và khó trồng trọt, đặc biệt ở một trong ba xã tái định cư.

“Họ về đây trước những miếng đất ngon họ làm hết, còn chẳng qua những miếng đất ấy đầy đá người ta không sử dụng được. Như bọn tôi về đây dân người ta nói rằng chúng tôi chỉ làm lại cái đất sỏi của người ta. Cho nên bọn tôi khô ở cái chỗ đấy. Về đây bọn tôi chỉ biết mỗi cái đất ở này thôi còn đất sản xuất người ta có dẫn vào đâu mà biết. Đến lúc chia mới biết là đất đá. Có nhà còn đá tai mèo lổm nhổm không biết cây cái gì. 4-5 nhà kia người ta chán không có đất canh tác nên bỏ về hết luôn. Tình trạng mà cứ như này thì nói thật là tan rã hết.”

Vay vốn và đầu tư vào hoạt động kinh doanh mới

Một vấn đề khác được nêu ra trong các cuộc phỏng vấn là một số hộ gia đình chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mặc dù đã tái định cư được một vài năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thường được các ngân hàng yêu cầu làm tài sản đảm bảo để cho vay vốn, do đó các hộ gia đình không có giấy chứng nhận rất khó tiếp cận vốn vay để phát triển sinh kế:

“Em thì em nghĩ là nhà nước chuyển về 6 năm rồi mà chưa có sổ đỏ. Như vậy thì rất khó khăn

cho chúng em. Nếu chúng em muốn phát triển kinh doanh không có sổ đỏ cũng không vay được. Kể cả có muốn vay hay không thì khi về ai cũng muốn có sổ đỏ.”

Mặc dù các hộ nghèo/cận nghèo đủ điều kiện để vay không thể chấp theo chương trình cho vay xóa đói giảm nghèo, các khoản vay thường chỉ giới hạn ở mức khoảng 5 triệu đồng, mà theo các hộ thì khoản tiền này quá ít ỏi để đầu tư làm ăn. Hơn nữa, do thiếu kinh nghiệm làm các hoạt động sinh kế mới nên các hộ dễ thất bại, dẫn tới nợ nần và thu nhập kém. Ví dụ, một hộ gia đình vay ngân hàng 20 triệu đồng để đầu tư chăn nuôi dê, nhưng đàn gia súc chết hết chỉ trong một tháng vì họ thiếu kinh nghiệm chăm sóc. Giờ đây họ rất ngại đầu tư thêm.

Khó khăn trong việc thích ứng để thay đổi biện pháp canh tác

Những khác biệt về điều kiện, biện pháp canh tác và tài nguyên thiên nhiên cũng làm phát sinh vấn đề và chi phí cho các hộ di dời.

“Xuống dưới đây thì canh tác nó khác hơn trên quê nhiều. Trên quê thì đất còn màu mỡ thì chúng tôi chỉ phát rồi trồng thôi chứ không phân bón gì. Ở đây thì chúng tôi trồng cây gì thì phải cho một bốc NPK thì mới lên được. Ở đây toàn phải cày xới thì mới canh tác được còn trên quê thì chỉ làm sạch thôi là canh tác được. Dân ở đây có nhà đủ điều kiện thì người ta bón phân đủ thì thu nhập cao. Nhà khó khăn quá không đủ điều kiện để mua phân hóa học hay phân chuồng cho vào những cái nguồn sản thì thu nhập kém, thậm chí không được thu nhập được.” Người tham gia khảo sát, nam giới, 50 tuổi, dân tộc Mường, xã tái định cư.

“Ở đây chăn nuôi thì khó hơn so với ở trên quê chúng tôi. Khó là dưới này người ta làm vườn tược người ta hay phun thuốc trên quê chúng tôi thì không. Dê bò ở đây thả vào vườn ăn phải cỏ bón phân hóa học chiều về đi ngoài là chết thôi. “Chủ hộ, nam giới, xã tái định cư.

Một số nguồn sinh kế quen thuộc với người dân ở nơi ở cũ không thể thực hiện được ở chỗ ở mới:

“Ở trên quê không đi làm thì chúng tôi xuống sông, bắt tôm cá không được nhiều thì được ít. Trên này không đi làm thuê là ngày hôm nay không có gì ăn cho nên về đây vất vả hơn ở quê.” Người tham gia khảo sát, nữ giới, xã tái định cư.

Một số người tham gia khảo sát cảm thấy họ chưa được hỗ trợ phù hợp trong sinh kế ở nơi ở mới:

“Em cũng muốn nhà nước hỗ trợ và đồng thời phổ biến cho dân người ta làm như nào cho hợp lý. Ví dụ như trồng cây thì phải trồng cây gì cho hợp lý. Như năm ngoái trồng mía, dân trồng hết thì dân chết. Nhà nước cho gà về nuôi nhưng không cho cám hoặc chỉ cho một bao cám gà ăn hết rồi thì người dân không có tiền mua cám tiếp. Thế là gà không có cái ăn cứ thế chết dần, người dân cứ ăn thịt gà dần thôi. Thế nên em muốn nhà nước phải xem xem trồng cây gì thì hợp lý, chăn nuôi con gì thì hợp lý không cứ cho ào ạt tất rồi thì cũng không làm ăn được.” Chủ hộ, nữ giới, xã tái định cư.

Một số hộ cho biết tổng thu nhập cả năm làm nông của họ chỉ đủ để gia đình chi tiêu trong khoảng năm tháng. Một yếu tố tích cực ở khu tái định cư là họ ở gần các khu dân cư khác hơn, và kết nối với cơ sở hạ tầng đường bộ tốt hơn nên dễ kiếm các công việc chân tay hơn chỗ ở cũ.

 Hoạt động
Hoạt động 2.2. Hỗ trợ cộng đồng tái định cư vượt qua khó khăn về sinh kế

Mục đích của hoạt động: Giúp người học hiểu rõ những khó khăn người dân tái định cư có thể gặp phải, đặc biệt liên quan đến sinh kế, và thảo luận giải pháp cho từng hoàn cảnh cụ thể.

Loại hoạt động: Liên hệ hiểu biết của bản thân và huy động ý tưởng

Hướng dẫn:

- Chia lớp học thành cách nhóm nhỏ và phân công **Trường hợp điển hình 3** và một trong các phần nhỏ của **Trường hợp điển hình 4** cho mỗi nhóm.
- Các nhóm đọc trường hợp điển hình của mình.
- Các nhóm thảo luận các câu hỏi dưới đây, sau đó giới thiệu tóm tắt kết quả thảo luận của nhóm mình với lớp.
  1. Những thách thức chính trong trường hợp điển hình này là gì?
  2. Bạn có từng gặp những thách thức tương tự hoặc thách thức khác khi triển khai chương trình tái định cư ?
  3. Làm thế nào để xác định những thách thức này sớm, ngay từ giai đoạn lên kế hoạch tái định cư?
  4. Bạn đề xuất những giải pháp nào để hỗ trợ cộng đồng vượt qua thách thức trong trường hợp cụ thể này?

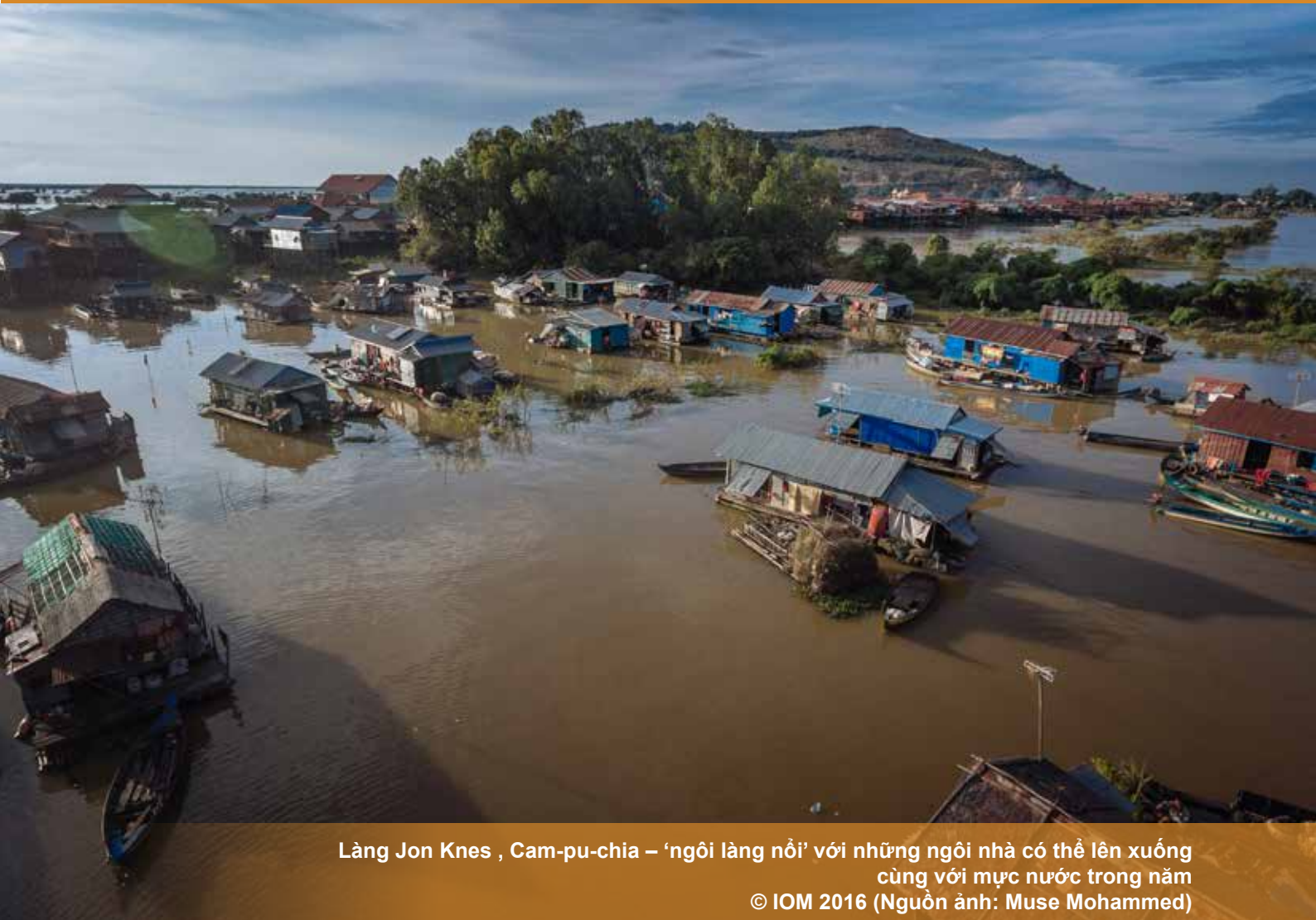
Tổng kết: Tóm tắt các thách thức và giải pháp mà các nhóm đã trình bày. Có thể thảo luận thêm: các thách thức này xuất hiện ở giai đoạn nào của quá trình tái định cư? Giải pháp đưa ra có thể được thực hiện ở giai đoạn nào của quá trình tái định cư? Tổng kết lại và nhấn mạnh rằng rất nhiều yếu tố phức tạp có thể ảnh hưởng đến kết quả của chương trình sau khi đã tái định cư; kết quả tái định cư có thể được cải thiện nếu các cơ quan thực hiện đặc biệt chú ý và lên kế hoạch kỹ càng nhằm giải quyết các yếu tố này trong suốt các giai đoạn của tái định cư. Các chủ đề tiếp theo sẽ đề cập chi tiết đến nội dung này.

Chủ đề 2.2 - Các điểm cần ghi nhớ

- Tái định cư không phải lúc nào cũng thành công. Đảm bảo sinh kế bền vững thường là một thách thức lớn.
- Tại Việt Nam, nhiều chương trình tái định cư đã được thực hiện và mang lại những kết quả tích cực ở một số mặt như giảm thiểu rủi ro thiên tai và cải thiện mức độ tiếp cận các dịch vụ công. Tuy nhiên, khôi phục mức thu nhập như cũ cho các hộ gia đình là một thách thức lớn vì tái định cư ảnh hưởng đến nguồn sinh kế của các hộ ở rất nhiều khía cạnh khác nhau.
- Hỗ trợ toàn diện và lâu dài cho các hộ gia đình nhằm giúp họ thích nghi với những thay đổi của môi trường sống, sinh kế, và tiếp cận nguồn lực là điều rất quan trọng để giúp khôi phục sinh kế.
- Di cư có thể là một phần trong chiến lược thích ứng của các hộ sau khi tái định cư, và có thể mang lại các lợi ích về sinh kế trong ngắn hạn.

CHƯƠNG 3

Ba giai đoạn trong tái định cư



Làng Jon Knes , Cam-pu-chia – ‘ngôi làng nổi’ với những ngôi nhà có thể lên xuống cùng với mực nước trong năm
© IOM 2016 (Nguồn ảnh: Muse Mohammed)

Mô tả chung: Thảo luận chi tiết về các giai đoạn tái định cư. Chương này sẽ tìm hiểu ba giai đoạn tái định cư và cung cấp các công cụ đánh giá, lập kế hoạch và thực hiện tái định cư.

Giai đoạn 1: Đánh giá, tham vấn và ra quyết định về sự cần thiết phải di dời. Người học sẽ được học về cách đánh giá những rủi ro giữa ở lại và di dời, tìm hiểu cách ra quyết định về tái định cư. Người học cũng sẽ xem xét cách đánh giá tính khả thi của tái định cư và những yêu cầu thực hiện tương ứng.

Giai đoạn 2: Chuẩn bị và lên kế hoạch tái định cư. Học viên sẽ thảo luận những cân nhắc chủ yếu cần xem xét khi chuẩn bị và lên kế hoạch tái định cư, và các thách thức tiềm ẩn.

Giai đoạn 3: Triển khai. Học viên sẽ thảo luận các quy trình và hoạt động cần thiết nhằm chuẩn bị cho di dời, và giai đoạn trong và sau khi di dời.

CHỦ ĐỀ 3.1

Giai đoạn 1 - Ra quyết định và tham vấn về nhu cầu tái định cư

Mục tiêu:

- Thảo luận về quá trình ra quyết định tái định cư.
- Xác định những thách thức trong việc ra quyết định ở lại hay di dời.
- Thảo luận xem làm thế nào để xác định mức độ rủi ro của việc ở lại là chấp nhận được hay quá cao.

Việc ra quyết định tái định cư là một công việc khó khăn. Vì vậy, ngay từ trong khung pháp lý, cần xác định rõ cơ quan nào có thẩm quyền và trách nhiệm ra quyết định rằng tái định cư là phương án tốt nhất - hay duy nhất - để bảo vệ người dân trước các nguy cơ về thiên tai và biến đổi môi trường. Ở mức tối thiểu, cần đảm bảo các nội dung sau đây trước khi đưa ra quyết định tái định cư là cần thiết:

- Có đánh giá dựa trên bằng chứng khoa học và tham vấn với người dân bị ảnh hưởng cho thấy rủi ro khi ở lại là quá cao không thể chấp nhận được;
- Có sự cân nhắc các phương án khác ngoài tái định cư, bao gồm các biện pháp giảm thiểu rủi ro, và khi cần thiết, các cơ chế hỗ trợ những cá nhân quyết định đi khỏi khu vực nguy cơ;
- Có đánh giá ban đầu về tính khả thi của các địa điểm có thể tái định cư. Sẽ cần phân tích chi tiết hơn về các địa điểm khi lên kế hoạch di dời, tuy nhiên ở giai đoạn này, nếu không tìm được đất để di chuyển người dân đến thì sẽ buộc phải xem xét các phương án khác.

! Ghi chú 6. Xem xét các phương án thay thế

Tái định cư là một công việc lớn và phức tạp, có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của người dân. Do đó, một trong các nguyên tắc chính là phải xem xét các phương án thay thế khác trước. Chỉ thực hiện tái định cư khi không thể có các phương án hợp lý nào khác giúp giảm thiểu rủi ro và thích ứng với biến đổi khí hậu tại chỗ.

Trước khi quyết định tái định cư, cần cân nhắc các giải pháp nhằm tăng khả năng chống chịu và thích ứng của cộng đồng. Trong trường hợp người dân phải tạm lánh khi thiên tai, cần có hỗ trợ để người dân có thể trở về và xây dựng lại cuộc sống của họ tại nơi ở cũ.

Cách tiếp cận thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai bao gồm một loạt các biện pháp nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi môi trường. Cách tiếp cận này cho rằng mọi người đều có thể nâng cao khả năng chống chịu của mình để giảm thiểu tính dễ tổn thương. Các biện pháp có thể bao gồm:

- xây dựng các chiến lược toàn diện về giảm thiểu rủi ro thiên tai tại địa phương, bao gồm giảm thiểu các yếu tố vật chất và kinh tế-xã hội là nguồn gốc tạo ra tính dễ bị tổn thương.
- cải thiện cơ sở hạ tầng, nhà ở và cách quản lý đất đai nhằm giảm thiểu nguy cơ.
- nâng cao nhận thức, cảnh báo sớm và tiếp cận thông tin để giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và tăng cường khả năng chuẩn bị ứng phó thảm họa thiên tai tại chỗ.

- hỗ trợ thích ứng, bao gồm hỗ trợ đào tạo, đầu tư và cơ sở hạ tầng để tăng cường khả năng chống chịu và thích ứng với các biến đổi môi trường diễn biến chậm.

Ví dụ về hỗ trợ thích ứng tại chỗ ở Việt Nam, xem Dự án UNDP “Cải thiện khả năng chống chịu của các cộng đồng ven biển để bị tổn thương trước các tác động liên quan đến biến đổi khí hậu”.

<https://goo.gl/6bCPVX>

Để tìm hiểu về các phương pháp tiếp cận khác và các kinh nghiệm đã có, tham khảo thông tin tại: <http://www.preventionweb.net/risk/drr-drm>.

Tại một số nơi, các cá nhân hoặc một nhóm sẽ tự quyết định rằng rủi ro khi ở lại là quá cao và yêu cầu chính quyền hỗ trợ họ trong nỗ lực tái định cư. Trong những trường hợp khác, chính quyền sẽ quyết định rằng một bộ phận dân cư cần phải di dời vì ở lại là không an toàn.

Đánh giá rủi ro của việc ở lại trong một khu vực cần phải dựa trên bằng chứng khoa học và đánh giá của chính cộng đồng xem việc ở lại khu vực đó có đủ an toàn và khả thi không. Đã có các công cụ đánh giá rủi ro cho các nguy cơ không liên quan đến khí hậu, chẳng hạn như rủi ro về địa-vật lý từ động đất và núi lửa. Tuy nhiên, với các nhà hoạch định chính sách đang phải cố gắng xác định xem liệu người dân ở lại một khu vực nào đó có an toàn hay không, một số trong các công cụ này ở một mức độ nào đó vẫn còn quá trừu tượng, không dễ áp dụng.

Các chuyên gia quản lý rủi ro thiên tai đã phát triển một số phương pháp và kỹ thuật để xác định và đánh giá mức độ rủi ro của các hiểm họa tự nhiên khác nhau, bao gồm xác định và mô tả đặc điểm của các mối nguy hiểm, xác định các yếu tố chịu nguy cơ (người, cơ sở hạ tầng và tài sản), đánh giá tính dễ tổn thương của các yếu tố đó, ước tính thiệt hại có thể có, xác định mức độ rủi ro, và xác định rủi ro ở mức nào là có thể chấp nhận (phải có sự đồng thuận với những người chịu nguy cơ). Dựa trên những nghiên cứu và đánh giá này, các biện pháp giảm thiểu rủi ro có thể được xác định. Cách nhìn nhận về môi trường và biến đổi môi trường cũng mang các đặc thù xã hội và văn hóa. Kiến thức dân gian về cách thích ứng với các hiện tượng tự nhiên cực đoan là rất quan trọng. Chỉ nên quyết định tái định cư khi không còn biện pháp nào khả thi để giảm thiểu rủi ro nếu ở lại.

Kết quả nghiên cứu và đánh giá rủi ro sẽ có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của những người có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi tác động của thiên tai hoặc của biến đổi khí hậu, họ cần được tham gia càng nhiều càng tốt vào quá trình đánh giá. Họ có thể có các kinh nghiệm hoặc bằng chứng hữu ích để bổ sung cho các đánh giá khoa học. Ngoài ra, việc tham gia vào quá trình đánh giá cũng giúp họ hiểu được rõ hơn mức độ rủi ro khi ở lại, để từ đó quyết định có tái định cư hay không.

Khó khăn:

Việc quyết định một nhóm dân có cần phải di dời hay không thường rất khó vì một số lý do. Bằng chứng khoa học có thể chưa rõ ràng hoặc có thể rõ ràng nhưng không được sự ủng hộ hoàn toàn của người dân sống trong vùng nguy cơ. Sự khác biệt trong mức độ chấp nhận rủi ro và mức độ gắn bó với nơi ở hiện tại giữa những người dân khác nhau trong cộng đồng có thể làm cho họ có những quan điểm khác nhau về việc di dời hay ở lại.

Ngay cả khi có bằng chứng thuyết phục cho thấy cần phải tái định cư, có thể có những trở ngại về mặt chính trị. Nếu để cho người dân có kỳ vọng quá cao vào sự cần thiết của tái định cư trong khi chưa có đủ các nguồn lực cần thiết về mặt chính trị và tài chính có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực. Ngoài ra, đánh giá khả năng sinh sống được lâu dài tại một khu vực tái định cư có thể là một việc không dễ, đặc biệt trong dài hạn. Điều này có thể đặt ra vấn đề về sự công bằng giữa các thế hệ: các thế hệ tương lai có thể phải đối mặt với nguy cơ rủi ro cao hơn, đất đai giảm giá trị hoặc hạn chế hơn trong việc tiếp cận các nguồn lực so với thế hệ tái định cư đầu tiên. Do đó, cái giá của tái định cư mà thế hệ trẻ trong tương lai phải trả có thể cao hơn.

Các danh mục ghi nhớ sau đây là công cụ giúp xác định các câu hỏi và thông tin chính cần cân nhắc khi thực hiện đánh giá.



Danh mục ghi nhớ 1⁵ . Làm thế nào để quyết định mức độ rủi ro của việc ở lại là quá cao?

- ☐ Đây là những bằng chứng khoa học (ví dụ như hồ sơ lịch sử, không ảnh, báo cáo) cho thấy rủi ro khi ở lại trong khu vực là quá cao? Ai là người cung cấp những bằng chứng này? Bằng chứng có được các chuyên gia có thẩm quyền xác nhận không? Nếu như không có sự nhất trí trong cộng đồng khoa học về mức độ rủi ro, ai là cơ quan chịu trách nhiệm quyết định cuối cùng và quy trình để quyết định là như thế nào?
- ☐ Các cộng đồng chịu ảnh hưởng có được tham gia vào quá trình xác định và đánh giá rủi ro khi ở lại trong khu vực không? Các nhóm người dân khác nhau có thể có những đánh giá khác nhau về nguy cơ họ phải đối mặt và cơ chế thích ứng tại chỗ. Do đó, cần lấy ý kiến của người địa phương và người dân bản địa, và tham khảo các nhóm đối tượng khác nhau, bao gồm người trẻ, người cao tuổi, các nhóm dân bản địa và các lãnh đạo truyền thống trong cộng đồng.
- ☐ Có phân tích mối liên quan giữa rủi ro khi ở lại và quy mô nhóm dân cư không? Nói cách khác, nhóm dân cư nhỏ hơn có thể ở lại an toàn trong khu vực được không? Có thể ở tạm thời tại khu vực đó được không?
- ☐ Tính dễ bị tổn thương đặc thù của các nhóm đối tượng khác nhau có được cân nhắc không? Ví dụ người trẻ hay người cao tuổi có rủi ro cao hơn hay thấp hơn? Rủi ro với nhóm các hộ có thu nhập thấp có khác so với nhóm các hộ có thu nhập cao hơn không?
- ☐ Các ước tính về thời gian có thể xảy ra rủi ro có rõ ràng không? Rủi ro có thể xảy ra ngay trong thời gian gần hay rủi ro sẽ tăng dần trong tương lai?
- ☐ Có xác định được một ngưỡng giới hạn nào đó để giúp quyết định khi nào thì rủi ro khi ở lại khu vực sẽ là quá cao? Ví dụ tỉ lệ x% tăng của mức nước lũ hàng năm.
- ☐ Người dân bị ảnh hưởng, chính quyền địa phương và các bên có liên quan khác có được tham gia vào việc thu thập dữ liệu hoặc kiểm tra bằng chứng về mức độ rủi ro không?
- ☐ Có cơ chế để tạo điều kiện cho những người không đồng ý với các bằng chứng khoa học về mức độ rủi ro do cơ quan chức năng đưa ra có thể tự thu thập và trình bày bằng chứng của mình không?
- ☐ Có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cơ quan nào có thẩm quyền quyết định tiến hành nghiên cứu tính khả thi của tái định cư, bao gồm việc xem xét đầy đủ các phương án thay thế không? Vai trò của các bên khác nhau, bao gồm chính quyền trung ương, cấp tỉnh, cấp địa phương và những người có tiếng nói trong cộng đồng đối với quy trình ra quyết định có được xác định rõ không?

⁵ Tất cả các danh mục ghi nhớ (checklist) trình bày trong tài liệu này đều được lấy từ Bộ công cụ.



Danh mục ghi nhớ 2. Liệu có nên ở lại?

- ☐ Chúng ta sẽ làm gì nếu một số cá nhân và hộ gia đình trong số những người bị ảnh hưởng muốn ở lại?
- ☐ Rủi ro của tái định cư so với rủi ro nếu ở lại là gì? Có thể chung sống với rủi ro tại nơi ở hiện nay hoặc có cách nào để giảm thiểu nó không?
- ☐ Cộng đồng đã có những giải pháp ứng phó nào? Có thể củng cố những giải pháp hiện tại để hỗ trợ người dân ở lại không? Bằng cách nào?
- ☐ Có thể cải thiện các yếu tố góp phần vào nguy cơ hiện tại để giảm thiểu rủi ro cho người dân không, chẳng hạn như bằng cách thúc đẩy đa dạng sinh kế?



Danh mục ghi nhớ 3. Tính khả thi của tái định cư

- ☐ Đã tiến hành các đánh giá xác định khả năng có các giải pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm giúp dân cư ở lại nơi sinh sống hiện tại chưa?
- ☐ Nếu đã thực hiện, đánh giá đưa ra những khuyến nghị gì? Những phát hiện của đánh giá có được chia sẻ với các bên liên quan không?
- ☐ Người dân bị ảnh hưởng và chính quyền trung ương/địa phương có đủ năng lực, nguồn lực, kiến thức và quyết tâm chính trị cần thiết để thực hiện các khuyến nghị của đánh giá không? Nếu chưa có đủ thì thiếu những gì? Có cần nguồn hỗ trợ từ bên ngoài không?
- ☐ Các cơ quan chính quyền trung ương/địa phương, người dân và cá nhân có biết các phương án thay thế nếu không tái định cư, ví dụ như đầu tư vào các biện pháp giảm thiểu rủi ro tại địa phương không? Họ có được tiếp cận với thông tin về các phương pháp và thực hành hiệu quả nhằm giải quyết các rủi ro tương tự và đã thành công ở nơi khác không?
- ☐ Liệu rủi ro thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu có thể được giảm bớt một cách bền vững bằng cách tăng cường hoặc tái thiết cơ sở hạ tầng, cải thiện việc tiếp cận một số dịch vụ hay quản lý tốt hơn các nguồn lực không?
- ☐ Trước đây đã có những nỗ lực để quản lý rủi ro thiên tai hoặc thích ứng với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu chưa và chúng có mang lại kết quả tích cực không? Nếu không, khó khăn là gì và có cách nào để khắc phục không?
- ☐ Nếu đã tính đến các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai, đã xem xét các rủi ro tiềm ẩn và những tác động tiêu cực của chúng chưa?
- ☐ Liệu mức độ rủi ro mà người dân phải đối mặt có được giảm thiểu nếu nâng cao năng lực quản lý thiên tai không, ví dụ như nâng cao năng lực của chính quyền và người dân, giáo dục, đào tạo và truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng?
- ☐ Có thể vận dụng kiến thức dân gian và cách ứng phó với thiên tai của người dân địa phương nhằm tìm ra phương án thay thế cho tái định cư không, và vận dụng như thế nào?

! Ghi chú 7. Vì sao cần có danh mục ghi nhớ?

Danh mục ghi nhớ là danh mục những gợi ý mang tính toàn diện, do các chuyên gia tổng hợp. Một số nội dung trong các danh mục này đôi khi có vẻ phức tạp và khó triển khai trong thực tế. Tuy nhiên, các danh mục này có thể hữu ích vì chúng ta có thể học hỏi từ các thực hành hiệu quả tại các nơi khác và kinh nghiệm của chuyên gia. Danh mục ghi nhớ giúp chúng ta nhanh chóng xác định các nội dung chính cần đưa vào kế hoạch (trong giai đoạn lên kế hoạch) hoặc xác định các nội dung có thể rất quan trọng nhưng chưa được tính đến (nếu kế hoạch đã được xây dựng). Như vậy, danh mục ghi nhớ giúp người lập kế hoạch đảm bảo rằng tất cả các vấn đề liên quan đều được xem xét và đảm bảo đáp ứng được những yêu cầu phức tạp của tái định cư. Điều quan trọng không phải là cố gắng đưa tất cả các nội dung trong danh mục ghi nhớ vào kế hoạch. Thay vào đó, hãy xem xét các nội dung và xác định đâu là ưu tiên quan trọng nhất cho cộng đồng. Người lập kế hoạch cũng có thể dựa vào những danh mục này để xác định những hạn chế có thể có của kế hoạch đã xây dựng, từ đó có những cải thiện trong tương lai.

Chúng ta sẽ tìm hiểu cách sử dụng các danh mục ghi nhớ một cách hiệu quả thông qua một số hoạt động trong chương này.

Trường hợp điển hình 5. Hai xã bị ảnh hưởng nặng nề bởi bão lũ và sạt lở đất

Thành An và Sơn Lâm⁶ là hai xã nghèo ở miền bắc Việt Nam, nằm ở chân núi và dọc theo lòng hồ. Sạt lở đất thường xảy ra vào mùa mưa. Thống kê cho thấy thiên tai, môi trường và biến đổi khí hậu đã trực tiếp ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh kế của hai xã. Cụ thể, cơn bão số 5 năm 2007 đã làm bốn người thiệt mạng, cuốn trôi hoặc làm sập hoàn toàn hàng trăm ngôi nhà. Hơn 100 ha đất bị chôn vùi dưới đất đá và không còn canh tác được. Hầu hết các đồi núi ở hai xã đều có những vết nứt lớn có thể gây ra lở đất rất nguy hiểm. Trong năm 2007, chính quyền địa phương ước tính cần phải di dời 652 hộ gia đình ở hai xã này để đảm bảo an toàn về tính mạng, tài sản và sinh kế.

Hoạt động

Hoạt động 3.1. Lên kế hoạch đánh giá về rủi ro khi ở lại nơi hiện tại

Mục đích của hoạt động: Hoạt động giúp người học tìm hiểu các Danh mục ghi nhớ đã nêu trong phân lý thuyết và thảo luận xem nên đưa nội dung gì vào kế hoạch đánh giá rủi ro của cộng đồng.

Loại hoạt động: Áp dụng lý thuyết

Hướng dẫn:

- Chia thành các nhóm nhỏ và giới thiệu tình huống sau đây.

Bạn là đại diện cơ quan có thẩm quyền của tỉnh chịu trách nhiệm đánh giá nguy cơ thiên tai/tác động của biến đổi khí hậu đối với trường hợp hai cộng đồng được đề cập tại **Trường hợp điển hình 5 - Hai xã bị ảnh hưởng nặng nề bởi bão lũ và sạt lở đất**.
- Các nhóm tham khảo Danh mục ghi nhớ 1 và 2, sau đó thảo luận các câu hỏi dưới đây:
  - Bạn cần thu thập những thông tin gì để đánh giá rủi ro, nhằm quyết định có cần tiến hành tái định cư không?

⁶ Tên của hai xã đã được thay đổi.

2. Bạn dự định thu thập các thông tin này như thế nào?

3. Bạn có thể gặp phải các khó khăn gì khi thực hiện đánh giá và bạn sẽ khắc phục những khó khăn này như thế nào?

Tổng kết: Các nhóm thảo luận xem việc thu thập các thông tin này trước khi ra quyết định về tái định cư sẽ có lợi cho người dân và cơ quan chức năng như thế nào? Khuyến khích học viên xem xét các loại lợi ích khác nhau – ví dụ lợi ích về kinh tế, xã hội, môi trường.

Hoạt động 3.2. Người dân nhìn nhận về tái định cư như thế nào?

Mục đích của hoạt động: Thông qua số liệu khảo sát thực tế, người học sẽ tìm hiểu về mức độ nhận thức rủi ro thiên tai và sự đồng tình với sự cần thiết phải tái định cư của các hộ gia đình, qua đó thảo luận một số ý tưởng nhằm nâng cao hiệu quả của công tác truyền thông tại cộng đồng trong các dự án tái định cư.

Loại hoạt động: Liên hệ hiểu biết của bản thân và huy động ý tưởng

Hướng dẫn:

- Giảng viên giải thích rằng nhận thức về nguy cơ thiên tai có thể khác nhau giữa các nhóm đối tượng khác nhau và việc nhất trí với lý do di dời có tác động như thế nào đến quyết định di dời của các hộ dân.
- Học viên xem xét bối cảnh nghiên cứu và kết quả khảo sát lấy từ một khảo sát thực tế do Tổ chức Di cư Quốc tế và Viện Xã hội học thực hiện dưới đây. Học viên thảo luận những câu hỏi sau:
  1. Nhận thức về rủi ro thiên tai khác nhau như thế nào giữa các nhóm đối tượng khác nhau?
  2. Sự đồng thuận với lý do di dời có tác động ra sao đến quyết định di dời của các hộ dân? Qua đó, ta hiểu gì về lý do di dời của các hộ gia đình?
  3. Các cơ quan cấp tỉnh và địa phương chịu trách nhiệm lên kế hoạch và triển khai tái định cư có thể rút ra kinh nghiệm gì từ ví dụ này?

Bối cảnh nghiên cứu: Trong nghiên cứu này, hai xã được xác định có các khu vực cần tái định cư do nguy cơ cao về thiên tai, đặc biệt là sạt lở đất. Trong số các hộ khảo sát, hai phần ba số hộ (66%) đã từng chứng kiến sạt lở đất ít nhất là một lần. Các hộ cần tái định cư được thông báo qua các cuộc họp thôn/xóm hoặc qua giấy thông báo từ Ủy ban xã rằng họ thuộc diện được hỗ trợ tái định cư do các rủi ro thiên tai nói trên. Ngoài ra, chính quyền xã cũng thông báo về dự án tái định cư trên loa phát thanh trong xã.

Trong các số liệu dưới đây, các hộ ‘đã di dời’ là hộ đã chuyển chỗ ở đến nơi tái định cư, các hộ thuộc diện tái định cư (bao gồm hộ đã ‘quyết định di dời’, hộ ‘quyết định ở lại’ và hộ ‘chưa quyết định’) là những hộ đã được xác định thuộc diện được hỗ trợ tái định cư, nhưng ở thời điểm nghiên cứu vẫn còn ở tại nơi ở cũ.

Bảng 3. Mức độ đồng tình với lý do di dời theo độ tuổi và giới tính (Đơn vị: %)

	Tuổi			Giới tính		Chung
	Dưới 35	35–49	Trên 50	Nam	Nữ	
Rất đồng ý	68.1	72.4	79.8	74.6	71.9	73.2
Phản nào đồng ý	18.5	12.5	6.7	9.5	15.7	12.8
Trung lập	4.4	2.6	3.4	1.1	5.5	3.4
Không đồng ý	2.2	5.9	1.7	4.8	2.3	3.4
Không trả lời	6.7	6.6	8.4	10.1	4.6	7.1
Số hộ gia đình được khảo sát	135	152	119	189	217	406

Nguồn: Số liệu khảo sát, Tổ chức Di cư Quốc tế và Viện Xã hội học, Hà Nội, 2017

Bảng 4. Mức độ đồng tình với lý do di dời phân theo tình trạng di dời (Đơn vị: %)

	Tình trạng di dời				Chung
	Chưa quyết định	Quyết định ở lại	Quyết định di dời	Đã di dời	
Rất đồng ý	50.7	53.0	81.6	93.9	73.2
Phản nào đồng ý	21.1	20.0	9.7	5.3	12.8
Trung lập	14.1	3.0	1.0	0.0	3.4
Không đồng ý	2.8	12.0	0.0	0.0	3.4
Không trả lời	11.3	12.0	7.8	0.8	7.1
Số hộ khảo sát	71	100	103	132	406

Nguồn: Số liệu khảo sát, Tổ chức Di cư Quốc tế và Viện Xã hội học, Hà Nội, 2017

Dữ liệu nói lên điều gì?

Hầu hết mọi người (84%) đều rất đồng ý hoặc đồng ý phần nào với lý do tái định cư là để giảm thiểu rủi ro. Ba phần tư số người trả lời phỏng vấn thể hiện sự ủng hộ cao, trong đó nam giới có xu hướng rất đồng ý. Phụ nữ có xu hướng chỉ đồng ý phần nào. Có rất ít người (chỉ khoảng 10) không đồng ý với lý do tái định cư. Những người trên 50 tuổi dường như thường rất thống nhất với lý do tái định cư mà chính quyền nêu ra, và những người dưới 35 tuổi có vẻ chỉ đồng ý một phần. Nói chung, hầu hết người được phỏng vấn đều đồng ý rằng tái định cư nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai là hợp lý, tuy nhiên ý kiến khác biệt tùy theo độ tuổi và giới tính.

Hầu như tất cả người được phỏng vấn thuộc nhóm đã di dời đều rất đồng ý với dự án, và những người đã quyết định dời đi cũng vậy. Nhưng điều quan trọng cần lưu ý là có 73 người đồng ý với dự án nhưng đã quyết định không di dời, và một số lượng đáng kể người dân chưa quyết định họ có nên di dời hay không, mặc dù họ cũng đồng ý với các lý do của dự án.

Tổng kết: Tổng hợp các nội dung chính mà các nhóm thảo luận và nhấn mạnh các kết luận sau:

- Nhận thức về mức độ rủi ro thiên tai là yếu tố quan trọng giúp người dân cân nhắc và đưa quyết định về tái định cư và ủng hộ dự án.
- Tuy nhiên, nhận thức về mức độ rủi ro thiên tai không phải là yếu tố duy nhất ảnh hưởng đến quyết định của các hộ gia đình. Có rất nhiều yếu tố khác mà họ cân nhắc trước khi ra quyết định, ngay cả khi họ đồng ý với lý do cần tái định cư.

Chủ đề 3.1 - Các điểm cần ghi nhớ

- Đánh giá mức độ rủi ro và xem xét tất cả các giải pháp có thể là rất cần thiết trước khi đưa ra quyết định nên ở lại hay nên tái định cư.
- Cần có sự tham gia chặt chẽ của cộng đồng trong các đánh giá này nhằm tìm hiểu nhu cầu và cách thức ứng phó với rủi ro của cộng đồng. Trong một số trường hợp, tham khảo ý kiến của cộng đồng có thể giúp tìm ra các giải pháp thay thế cho tái định cư.
- Khi đã xác định tái định cư là cần thiết, các đánh giá cần giúp xác định nhu cầu và những vấn đề cộng đồng quan tâm nhất trong quá trình tái định cư, và đánh giá tính khả thi của các phương án tái định cư.
- Nhận thức về rủi ro thiên tai là yếu tố quan trọng đối với quá trình ra quyết định của các hộ gia đình, tuy nhiên có nhiều yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của họ.
- Việc tham vấn với người dân và truyền thông một cách rõ ràng, hiệu quả giúp các hộ gia đình hiểu được mức độ rủi ro nếu ở lại, và giúp các cơ quan chức năng hiểu được và giải quyết thỏa đáng một loạt các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của các hộ gia đình.

CHỦ ĐỀ 3.2

Giai đoạn 2 - Chuẩn bị và lập kế hoạch tái định cư

Mục tiêu:

- Thảo luận những nội dung nào nên được đưa vào kế hoạch tái định cư.
- Thảo luận về các bên tham gia và làm thế nào để tham vấn, truyền thông với cộng đồng tại nơi đi và nơi đến.
- Thảo luận về các khó khăn mà cộng đồng và các cơ quan chức năng có thể gặp phải trong suốt quá trình tái định cư và làm thế nào để suy nghĩ đến giải pháp cho các khó khăn này ngay từ trong quá trình lên kế hoạch.

Quá trình chuẩn bị và lên kế hoạch tái định cư cần theo sát khuôn khổ pháp lý của Nhà nước cũng như các cấu trúc thể chế, cơ chế và quy trình phối hợp. Các kinh nghiệm trước đây của một quốc gia về tái định cư do thiên tai (hoặc tái định cư trong khuôn khổ các dự án phát triển) sẽ có ảnh hưởng đến “khung” thể chế này. Một khung thể chế thống nhất và được cân nhắc kỹ sẽ tạo điều kiện cho quá trình lập kế hoạch và đảm bảo độ linh động cần thiết để thích nghi với các thay đổi trong quá trình thực hiện dự án.

Cần có một kế hoạch tái định cư toàn diện, chi tiết, linh hoạt và kịp thời để đảm bảo rằng tất cả các bước trong quá trình triển khai được hiểu rõ và tính toán trước, các nguồn lực quan trọng được huy động, các công tác chuẩn bị được thực hiện đầy đủ và có kế hoạch dự trù và giải quyết các vấn đề và tình huống phát sinh nhằm đảm bảo ảnh hưởng đến tiến độ của dự án ít nhất có thể. Nếu không chú ý đầy đủ đến các yếu tố này hoặc nếu thiếu một kế hoạch toàn diện, quá trình tái định cư có thể ảnh hưởng đến quyền lợi về văn hóa và kinh tế-xã hội của người dân.

Kế hoạch sẽ vừa dễ xây dựng hơn, vừa toàn diện hơn nếu các bước chuẩn bị cần thiết được thực hiện - ví dụ như tiến hành điều tra dân số trong các nhóm cộng đồng có thể bị ảnh hưởng bởi tái định cư. Ngay từ đầu và ở mỗi giai đoạn của quá trình xây dựng kế hoạch, nhu cầu đặc biệt và sự đóng góp của phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người lớn tuổi và các nhóm khác cần được chú ý trong quá trình lập kế hoạch và trong bản thân kế hoạch.

Nhà nước thường chịu trách nhiệm cung cấp phần lớn nguồn lực tài chính cần thiết cho tái định cư. Tuy nhiên, nguồn lực tài chính cho tái định cư cũng có thể được huy động từ các nguồn khác, bao gồm:

- Đóng góp của các hộ tái định cư (ví dụ tiền tiết kiệm, chi trả một phần giá trị nhà ở được cung cấp, góp công, góp của);
- Một phần của các quỹ hiện có khác trong cộng đồng.
- Quỹ liên kết (solidarity fund) với sự đóng góp của các cá nhân;
- Đóng góp của các đơn vị tư nhân, ví dụ như vật liệu xây dựng, hệ thống dịch vụ công ích nếu do các công ty tư nhân cung cấp, vận chuyển trong quá trình di dời, hỗ trợ trong giám sát và đánh giá của các viện nghiên cứu...

Khó khăn:

Để lập ra một kế hoạch toàn diện và có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan sẽ cần khá nhiều thời gian. Trên thực tế, thời gian dành cho giai đoạn lập kế hoạch thường không đủ. Điều này có thể do nguy cơ thiên tai sắp xảy ra buộc phải hành động nhanh, nhưng nhiều khi cũng có thể do quá trình lập kế hoạch phức tạp hơn dự kiến và có nhiều vấn đề phát sinh, cần có thời gian để giải quyết.

Thiếu sự tham vấn và tham gia đầy đủ của người tái định cư hoặc những người bị ảnh hưởng khác trong quá trình lập kế hoạch là một thiếu sót thường xảy ra trong quá trình lập kế hoạch. Thiếu sự quyết tâm một cách bền vững về mặt chính trị hoặc kinh phí trong dài hạn để thực hiện tái định cư thường dẫn đến việc hỗ trợ phục hồi sinh kế và hỗ trợ điều kiện sống không đầy đủ, dẫn đến kết quả tái định cư không như mong muốn. Cuối cùng, có lẽ cái “bẫy” thường gặp nhất trong các chương trình tái định cư là chưa có sự cân nhắc đầy đủ về các giải pháp sinh kế bền vững. Việc chuẩn bị địa điểm tái định cư và xây dựng nơi ở mới có thể là những nhu cầu cấp thiết trong ngắn hạn, nhưng nếu người dân không có việc làm hoặc không có cách nào để đảm bảo các nhu cầu của họ, họ sẽ lại bỏ đi nơi khác và việc tái định cư sẽ không bền vững trong dài hạn.

Trong rất nhiều trường hợp, tái định cư được đánh giá là cần thiết nhưng kinh phí lại không đủ để trang trải các chi phí dài hạn, đặc biệt là cho phục hồi sinh kế. Kinh phí có thể được huy động để hỗ trợ di dời, nhưng sau khi di dời thì không đủ kinh phí để đảm bảo việc thích ứng lâu dài tại nơi ở mới. Điều này rất dễ xảy ra nếu tái định cư được xem như là một dự án xây dựng nhà ở hơn là một chiến lược dài hạn để bảo vệ cộng đồng khỏi các rủi ro, bao gồm việc phục hồi hoặc cải thiện các điều kiện kinh tế cho người dân bị ảnh hưởng. Một vấn đề khác xảy ra khá phổ biến là trường hợp chính phủ hoặc người dân xác định rằng tái định cư là giải pháp tốt nhất hoặc duy nhất cho cộng đồng, nhưng sau đó lại không huy động được kinh phí để thực hiện. Điều này dẫn đến sự thất vọng của người dân và, như sẽ đề cập dưới đây ở phần các việc cần làm trong khi chờ di dời, đôi khi dẫn đến sự sụt giảm chất lượng các dịch vụ công trong thời gian chờ kinh phí. Khi phải chờ trong một thời gian dài mà không có kinh phí, người dân có thể phải chịu những hậu quả tiêu cực về thể chất và tinh thần vì tình trạng “tiến thoái lưỡng nan”. Mức độ cam kết của chính phủ hoặc người bị ảnh hưởng đối với chương trình tái định cư có thể thay đổi theo thời gian.



Danh mục ghi nhớ 4. Chuẩn bị để xây dựng kế hoạch tái định cư

- ☐ Ai là người chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch?
- ☐ Cơ quan hoặc người này có kinh nghiệm về việc lập kế hoạch tái định cư không? Nếu không, có kế hoạch tuyển dụng chuyên gia và đào tạo đội ngũ sẽ tham gia vào việc xây dựng và thực hiện kế hoạch không?
- ☐ Ai sẽ chịu trách nhiệm điều phối và thực hiện kế hoạch?
- ☐ Cần có sự tham gia của cơ quan và lãnh đạo địa phương nào?
- ☐ Có kế hoạch để khuyến khích tất cả các nhóm cộng đồng, bao gồm phụ nữ, nam giới, thanh niên, người cao tuổi, người có hoàn cảnh hoặc nhu cầu đặc biệt, tham gia quá trình xây dựng kế hoạch không?
- ☐ Đã có cân nhắc các yếu tố có thể hạn chế hoặc khuyến khích sự tham gia của cộng đồng chưa, ví dụ địa điểm họp?
- ☐ Người dân tái định cư, những người bị ảnh hưởng khác và các chuyên gia liên quan đã được tham vấn và trao cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng và chuẩn bị kế hoạch chưa?
- ☐ Người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác có thể yêu cầu phương án thay thế và yêu cầu điều chỉnh đối với kế hoạch tái định cư trong suốt quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch không? Kế hoạch có nêu rõ ai sẽ là người chịu trách nhiệm phản hồi/đáp ứng những yêu cầu này không?
- ☐ Đã có ai được chỉ định để xử lý tranh chấp khiếu nại không? Ai sẽ chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ khiếu nại và góp ý?

- ☐ Hiện có cơ chế nào để giải quyết các tranh chấp có thể nảy sinh trong quá trình tái định cư giữa các thành viên trong cộng đồng không? Có quy trình và thông lệ địa phương nào đã và đang tồn tại để giải quyết các tranh chấp trong cộng đồng không, có thể áp dụng chúng để giải quyết các mâu thuẫn có thể phát sinh trong quá trình tái định cư không? Nếu không, đã có cơ chế nào để giải quyết các tranh chấp có thể xảy ra, ví dụ các trường hợp dưới đây chưa: Tranh chấp trong gia đình hoặc tranh chấp tài sản được thừa kế;
  - » Tranh chấp giữa các cá nhân về một số loại quyền đối với tài sản (ví dụ người thuê nhà/đất để ở hoặc sản xuất có thể từ chối trả tiền thuê khi có quyết định phải di dời);
  - » Tranh chấp giữa người dân tái định cư và cơ quan chịu trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện tái định cư (ví dụ như nếu một số hộ không được hưởng chính sách, số tiền bồi thường, v.v...);
  - » Tranh chấp giữa người dân tái định cư và các chủ thể khác tham gia vào quá trình (ví dụ như thiếu khả năng tiếp cận hoặc phí dịch vụ công);
  - » Tranh chấp giữa các nhóm người dân tái định cư với nhau hoặc giữa những người tái định cư và những người không đủ điều kiện tái định cư
- ☐ Đã có ngân sách cho giai đoạn phân tích và lập kế hoạch, bao gồm cả chi phí nhân lực và nguồn lực vật chất cũng như các dịch vụ cần thuê ngoài chưa?



Danh mục ghi nhớ 5. Xây dựng kế hoạch tái định cư

Xem xét danh mục ghi nhớ sau đây và đảm bảo kế hoạch của bạn có tính đến các nội dung sau:

- ☐ Kế hoạch này có tôn trọng và bảo vệ quyền con người, nhu cầu cụ thể và quyền của các nhóm nhất định chưa (phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật)?
- ☐ Kế hoạch có tránh được tác động đến các di tích văn hoá, hoặc khi không thể tránh được thì có biện pháp nào để giảm nhẹ tác động không?
- ☐ Kế hoạch có tính đến cách nào để đảm bảo mối quan hệ tốt và gắn kết xã hội giữa người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác, bao gồm thông qua phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng không?
- ☐ Kế hoạch có bao gồm các biện pháp để giảm nhẹ hoặc bồi thường đối với những tác động tiêu cực có thể gây ra cho những người bị ảnh hưởng khác (ví dụ như cộng đồng tiếp nhận và những người sống lân cận)?
- ☐ Người dân tái định cư, những người bị ảnh hưởng khác và các chuyên gia liên quan đã được tham vấn và trao cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng và chuẩn bị kế hoạch chưa?
- ☐ Người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác có thể yêu cầu phương án thay thế và yêu cầu điều chỉnh đối với kế hoạch tái định cư trong suốt quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch không?

Sự tham gia của người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác

- ☐ Kế hoạch tái định cư có đưa ra cách thức để thu hút sự tham gia của cả chính quyền địa phương và thành viên cộng đồng không?
- ☐ Kế hoạch tái định cư có tính đến việc thu hút sự tham gia của các thành viên cộng đồng tại nơi đi và nơi đến không?

- ☐ Kế hoạch có xác định khi nào, như thế nào và thông qua phương thức nào để trao đổi thông tin và thu hút sự tham gia của các bên liên quan trong suốt dự án, từ khi lập kế hoạch, chuẩn bị đến lúc thực hiện và theo dõi sau khi thực hiện không?

Cung cấp dịch vụ

- ☐ Kế hoạch có đề cập chi tiết về các dịch vụ và cơ sở hạ tầng cần có sẵn và có thể tiếp cận được tại các khu tái định cư trước khi tiến hành tái định cư như nhà ở, mạng lưới dịch vụ công cộng và các cơ sở dịch vụ xã hội không?
- ☐ Kế hoạch cung cấp dịch vụ có tạo thuận lợi cho mối quan hệ tích cực giữa các nhà cung cấp dịch vụ, người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác không?
- ☐ Kế hoạch có bao gồm các nội dung liên quan đến việc đổi hoặc cấp mới các giấy tờ cá nhân cho người dân tái định cư tại địa điểm mới, ví dụ đổi sổ hộ khẩu, không?

Giáo dục

- ☐ Việc di chuyển có thuận lợi hoặc có phương tiện chuyên chở học sinh đến trường học tại nơi tái định cư không?
- ☐ Trẻ có các nhu cầu đặc biệt có dễ tiếp cận với trường học không?
- ☐ Trường có đặt tại khu vực an toàn không?
- ☐ Đã có tham vấn với nhà trường về thời gian tái định cư để hạn chế làm gián đoạn chương trình học chưa?

Dịch vụ cấp nước và vệ sinh

- ☐ Kế hoạch tái định cư có đảm bảo cung cấp đầy đủ nước, các dịch vụ vệ sinh và xử lý chất thải, cả cho sinh hoạt và sản xuất, chưa?
- ☐ Khi cần thiết, người dân tái định cư đã được truyền thông và hướng dẫn về việc sử dụng các dịch vụ vệ sinh mới tốt hơn hoặc khác hơn so với nơi ở cũ chưa?

Y tế

- ☐ Đã có các cơ sở y tế đầy đủ trang thiết bị và dễ tiếp cận được xây dựng tại các địa điểm tái định cư hay có kế hoạch nâng cấp các cơ sở y tế hiện có để đáp ứng nhu cầu của nhóm dân cư tăng thêm chưa? Nhân sự y tế có đủ không?
- ☐ Trẻ em cũng là đối tượng rất dễ bị tổn thương sau khi thiên tai xảy ra. Đã có kế hoạch để đảm bảo các em được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc y tế thường xuyên chưa? Đã có quy định về tiêm chủng định kỳ và chăm sóc phòng ngừa khác cho trẻ em trong và sau khi tái định cư chưa?

Nhà ở

- ☐ Kế hoạch có đảm bảo quyền sử dụng đất của người dân không?
- ☐ Kế hoạch có cung cấp nhà ở gần cơ hội việc làm, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, trường học, trung tâm giữ trẻ và các dịch vụ xã hội khác không? Các nhóm đối tượng có nhu cầu đặc biệt như người khuyết tật và người cao tuổi có dễ tiếp cận với nhà ở không? Nhà ở có phù hợp về mặt truyền thống văn hóa không?
- ☐ Kế hoạch có cung cấp nhà ở mức giá hợp lý cho tất cả người dân tái định cư không?
- ☐ Kế hoạch có cung cấp nhà ở đáp ứng một mức chất lượng nhất định, có nghĩa là có đủ không gian cho sinh hoạt, và an toàn khỏi các nguy hiểm không?

- ☐ Kế hoạch có cung cấp dịch vụ công và cơ sở hạ tầng không?
- ☐ Kế hoạch có cung cấp các nguồn tài nguyên và nguồn lực chung khi phù hợp không?
- ☐ Kế hoạch có cung cấp nhà ở an toàn không?

Sinh kế

- ☐ Kế hoạch có tính đến các chiến lược và hỗ trợ giúp người dân phục hồi sinh kế không?
- ☐ Kế hoạch có đảm bảo rằng giao thông và các cơ sở hạ tầng khác đầy đủ để thuận tiện về sản xuất và công ăn việc làm cho người dân tái định cư không?
- ☐ Kế hoạch có tính đến hỗ trợ chi phí sinh hoạt ví dụ như lương thực, thực phẩm cho người dân tái định cư đến khi sinh kế và thu nhập được khôi phục không?
- ☐ Trong trường hợp người dân sống bằng nghề nông, kế hoạch có đảm bảo cung cấp đủ đất đai để người dân tái định cư có thể tự bảo đảm cuộc sống và khôi phục thu nhập như trước đây không? Có cơ sở hạ tầng giao thông để đảm bảo người dân có thể mua hàng hóa cần thiết và bán sản phẩm ra thị trường?
- ☐ Kế hoạch có tính đến việc hỗ trợ di dời cho các doanh nghiệp từ nơi cũ đến nơi mới, sao cho người lao động có thể duy trì công ăn việc làm không?
- ☐ Những người bị ảnh hưởng khác đã được tư vấn về tác động của chương trình tái định cư đến sinh kế của họ và đã có những biện pháp cần thiết nhằm tránh không để các ảnh hưởng tiêu cực xảy ra cho họ chưa?

Khung thời gian, Giám sát và Đánh giá

- ☐ Kế hoạch có xác định khung thời gian để triển khai và hoàn thành mỗi giai đoạn của chương trình tái định cư không? Khung thời gian có đủ độ linh hoạt trong trường hợp có các vấn đề ngoài dự kiến cần giải quyết không?
- ☐ Khung thời gian có cho người dân tái định cư đủ thời gian để họ tìm hiểu kỹ thông tin trước khi đưa quyết định liên quan đến các nội khác nhau trong quá trình tái định cư không?
- ☐ Kế hoạch có xác định cách thức để tiếp tục theo dõi, đánh giá những rủi ro và nhu cầu của người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác không?
- ☐ Kế hoạch có đưa ra cách thức để giám sát và đánh giá việc thực hiện tái định cư trên tổng thể, có sự tham gia của người dân và các bên liên quan, trong từng giai đoạn của quá trình, đối chiếu với các mục tiêu ban đầu và các tiêu chuẩn trong ngắn hạn và dài hạn, bao gồm cả quá trình sau tái định cư chưa?

Hoạt động

Hoạt động 3.3. Danh mục ghi nhớ: Sử dụng như thế nào cho hiệu quả?

Mục đích của hoạt động: Giúp học viên hiểu các nội dung quan trọng nhất của mỗi danh mục ghi nhớ, vì sao cần phải sử dụng danh mục ghi nhớ và các công cụ này có thể giúp cho quá trình lên kế hoạch như thế nào.

Loại hoạt động: Liên hệ hiểu biết của bản thân và huy động ý tưởng

Hướng dẫn:

- Nhắc lại các nội dung chính của Ghi chú số 7:

- » Danh mục ghi nhớ là những công cụ mang tính toàn diện, do các chuyên gia tổng hợp và đôi khi có vẻ phức tạp và khó triển khai trong thực tế.
  - » Tuy nhiên, các danh mục này có thể hữu ích vì chúng ta có thể học hỏi từ các thực hành hiệu quả tại các nơi khác và kinh nghiệm của chuyên gia.
  - » Danh mục ghi nhớ giúp chúng ta nhanh chóng xác định các nội dung chính cần đưa vào kế hoạch (trong giai đoạn lên kế hoạch) hoặc xác định các nội dung có thể rất quan trọng nhưng chưa được tính đến (nếu kế hoạch đã được xây dựng).
  - » Như vậy, danh mục ghi nhớ giúp người lập kế hoạch đảm bảo rằng tất cả các vấn đề liên quan đều được xem xét và đảm bảo đáp ứng được những yêu cầu phức tạp của tái định cư.
  - » Điều quan trọng không phải là cố gắng đưa tất cả các nội dung trong danh mục ghi nhớ vào kế hoạch. Thay vào đó, hãy xem xét các nội dung và xác định đâu là ưu tiên quan trọng nhất cho cộng đồng, và xác định những hạn chế có thể có của kế hoạch đã xây dựng, từ đó có những cải thiện trong tương lai.
- Học viên dành thời gian đọc **Danh mục ghi nhớ số 5 – Xây dựng kế hoạch tái định cư** và thảo luận các câu hỏi dưới đây:
    1. Bạn thấy những nội dung nào trong danh mục quan trọng nhất? Nội dung nào không phù hợp hoặc không cần thiết?
    2. Liên hệ với những chương trình tái định cư bạn đã từng tham gia, theo bạn những nội dung nào đã được địa phương thực hiện tốt nhất? Hãy cho ví dụ cụ thể.
    3. Những nội dung nào chưa được tính đến hoặc chưa thực hiện đầy đủ? Nếu bổ sung những nội dung này vào các kế hoạch trong tương lai thì có thể gặp những thách thức gì?

Tổng kết: Khuyến khích người học so sánh các nội dung mà họ đánh giá là quan trọng nhất với những nội dung đã được hoặc chưa được tính đến trong các kế hoạch tái định cư họ đã tham gia. Qua ví dụ này, người học có thể thấy rõ các danh mục ghi nhớ có thể giúp xác định những nội dung quan trọng mà nếu không có bước làm này có thể bị bỏ qua như thế nào. Nhấn mạnh rằng các danh mục ghi nhớ sẽ hữu dụng nhất khi được sử dụng để xác định các nội dung quan trọng và thứ tự ưu tiên, và dự đoán trước các thách thức có thể gặp phải.

Hoạt động 3.4. Làm thế nào để chiến lược truyền thông tập trung đúng vào mối quan tâm của các hộ gia đình?

Mục đích của hoạt động: Dựa trên một kết quả khảo sát thực tế, học viên thảo luận các yếu tố có thể cản trở việc thông tin với các hộ gia đình về tái định cư một cách hiệu quả.

Loại hoạt động: Liên hệ hiểu biết của bản thân và huy động ý tưởng

Hướng dẫn:

- Giảng viên giải thích các phát hiện từ một khảo sát thực tế được thể hiện trong bảng dưới đây.
- Yêu cầu học viên so sánh những vấn đề mà các hộ bị ảnh hưởng quan tâm nhiều nhất (**Hình 4: Bản khoán, lo lắng về tái định cư**) với hiểu biết về các chính sách hỗ trợ liên quan đến những vấn đề này (**Hình 5: Hiểu biết của các hộ về các chính sách hỗ trợ**).
- Giải thích rằng dữ liệu cho thấy nhiều hộ gia đình chưa hiểu rõ về các chính sách hỗ trợ liên quan đến những vấn đề họ quan tâm nhiều nhất. Nhà ở và đất canh tác là trọng tâm của hỗ trợ tái định

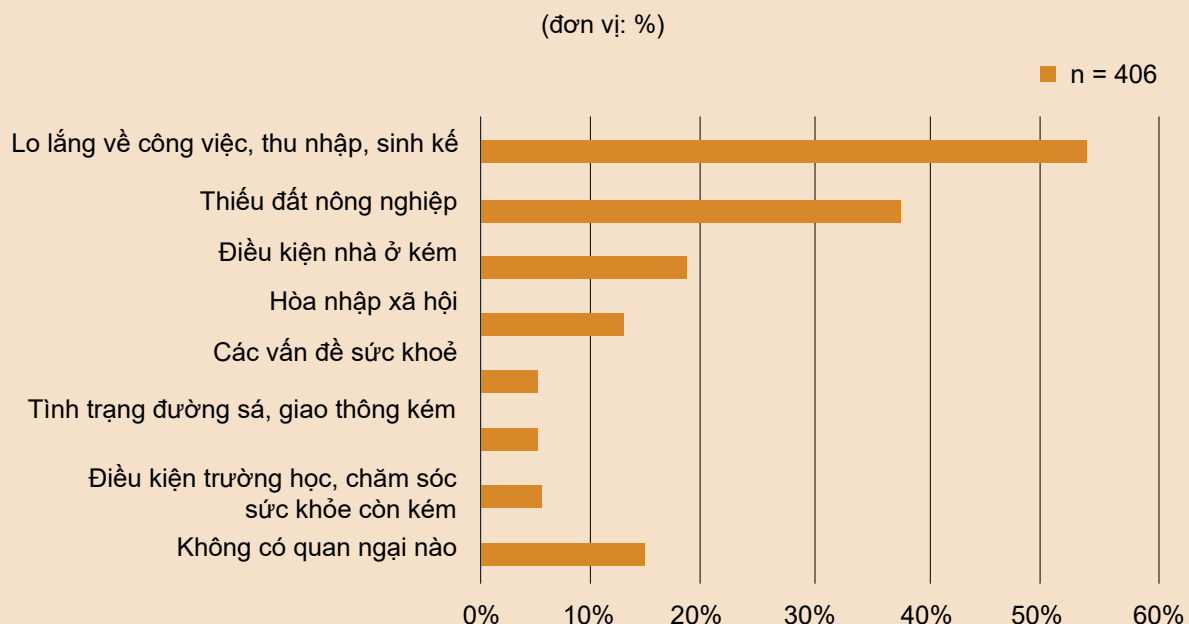
cư, nhưng không phải tất cả các hộ gia đình đều biết về các quyền lợi của họ. Trong khi các hộ bị ảnh hưởng đặc biệt lo lắng đến việc làm, thu nhập và sinh kế nhưng hiểu biết của họ về các chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện cho các hoạt động kinh tế, ví dụ như vay vốn, miễn thuế, hoặc thông tin việc làm ở mức khá thấp.

- Thảo luận các câu hỏi sau:

1. Theo kinh nghiệm của bạn, vì sao có thể có hạn chế này?
2. Những lý do nào có thể cản trở việc truyền thông và cung cấp thông tin cho các hộ gia đình về những vấn đề họ quan tâm một cách hiệu quả?

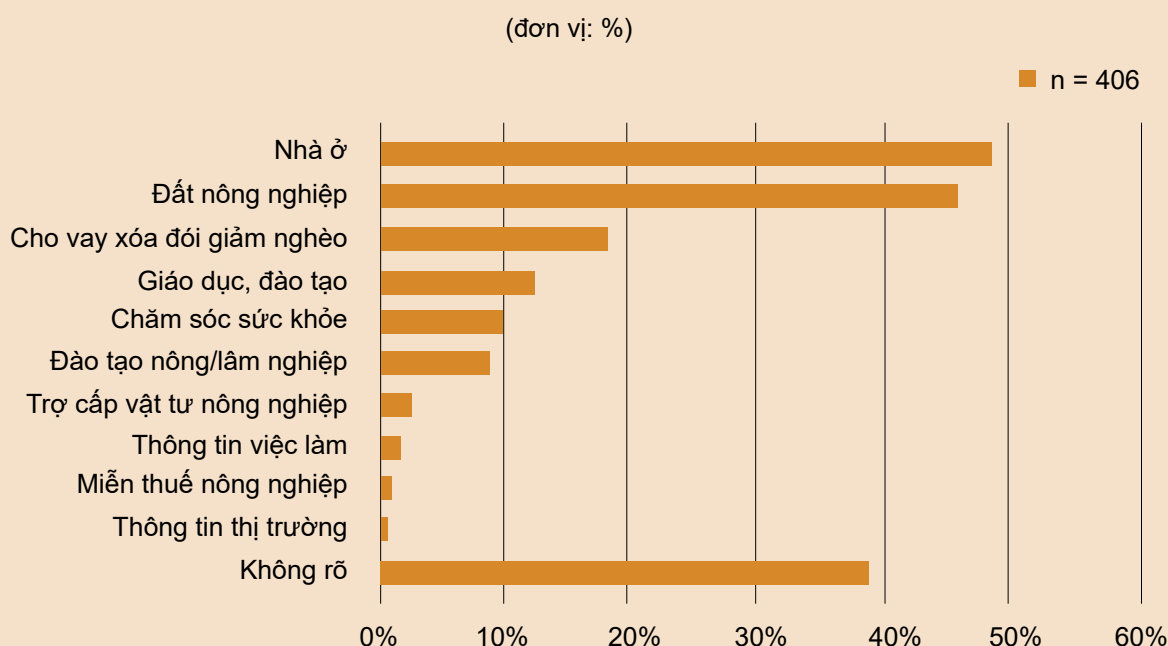
Tiếp tục với Hoạt động 3.5 và tổng kết sau khi xong hoạt động này.

Hình 4. Băn khoăn, lo lắng về tái định cư



Nguồn: Số liệu khảo sát, Tổ chức Di cư Quốc tế và Viện Xã hội học, Hà Nội, 2017

Hình 5. Hiểu biết của các hộ về các chính sách hỗ trợ



Nguồn: Số liệu khảo sát, Tổ chức Di cư Quốc tế và Viện Xã hội học, Hà Nội, 2017.

Hoạt động 3.5. Tối ưu hóa các hình thức truyền thông

Mục đích của hoạt động: Giúp học viên thảo luận về các điểm yếu và mạnh của các hình thức truyền thông khác nhau và làm sao để tối ưu hóa các hình thức này trong truyền thông và tham vấn về tái định cư với cộng đồng

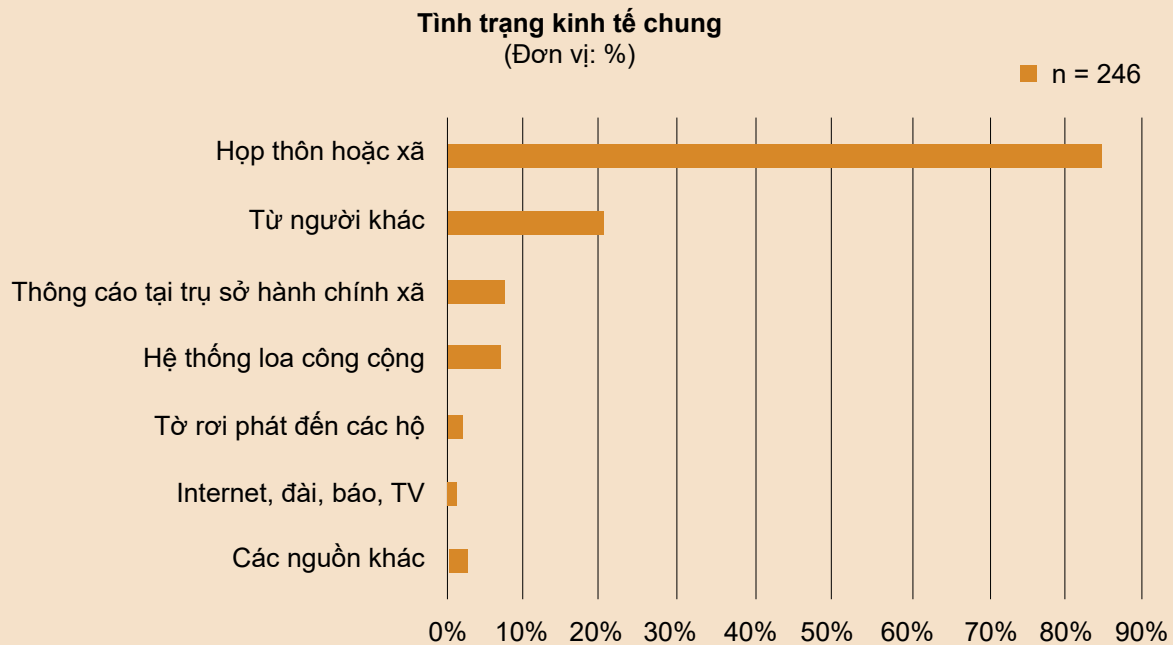
Loại hoạt động: Liên hệ hiểu biết của bản thân và huy động ý tưởng

Hướng dẫn:

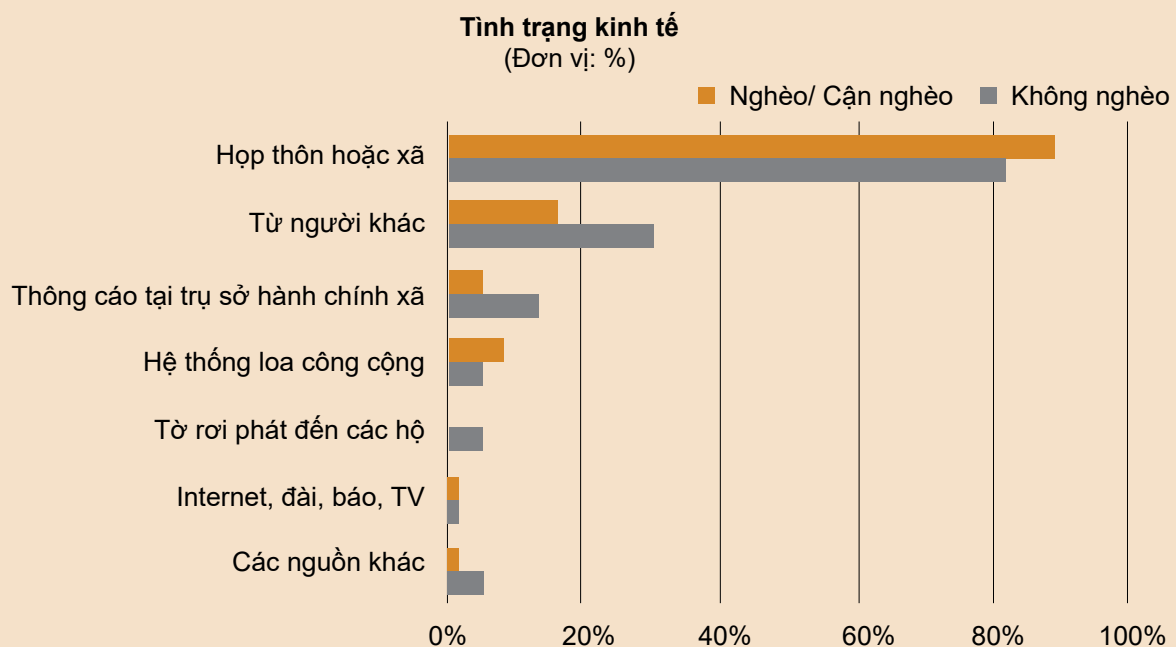
- Giảng viên hướng dẫn thảo luận về các phát hiện từ một khảo sát thực tế được thể hiện trong **Hình 6** dưới đây. Hỏi xem qua dữ liệu, học viên nhận thấy người dân nhận được thông tin về tái định cư từ những nguồn nào? Làm rõ và giải thích thêm nếu cần thiết để nhấn mạnh các ý sau:
  - » Khảo sát chỉ ra rằng các cuộc họp cộng đồng đến nay vẫn là nguồn cung cấp thông tin hỗ trợ tái định cư phổ biến nhất, với 85% các hộ cho biết họ nhận được thông tin từ kênh này.
  - » Các hộ nghèo và cận nghèo có xu hướng nhận thông tin từ các cuộc họp này nhiều hơn, trong khi các hộ không thuộc diện hộ nghèo có xu hướng nhận thông tin từ người khác nhiều hơn. Rất ít người nhớ được thông tin từ phương tiện truyền thông, loa phóng thanh, hoặc thông tin bằng văn bản.
- Chia lớp thành nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về điểm mạnh và yếu của mỗi hình thức truyền thông và làm sao để tối ưu hóa các hình thức này trong truyền thông và tham vấn với các nhóm cộng đồng khác nhau
- Khuyến khích học viên liên hệ với các số liệu trong Hoạt động 3.4 về các hộ gia đình biết và chưa biết rõ những gì liên quan đến chính sách hỗ trợ tái định cư. Vì sao có thể có hạn chế như vậy? Làm thế nào để truyền thông một cách hiệu quả hơn về những nội dung này?

- Mỗi nhóm giới thiệu kết quả thảo luận của nhóm mình trước lớp.

Hình 6. Nguồn thông tin về hỗ trợ tái định cư



Nguồn: Số liệu khảo sát, Tổ chức Di cư Quốc tế và Viện Xã hội học, Hà Nội, 2017



Nguồn: Số liệu khảo sát, Tổ chức Di cư Quốc tế và Viện Xã hội học, Hà Nội, 2017

Tổng kết: Nhắc lại sự chênh lệch giữa các nội dung mà người dân quan tâm và hiểu biết của họ về các chính sách hỗ trợ liên quan đến các nội dung này, cũng như các lý do có thể làm cho truyền thông chưa hiệu quả đã thảo luận trong Hoạt động 3.4. Hướng dẫn học viên thảo luận xem các hình thức truyền thông khác nhau trong Hoạt động 3.5 có thể giúp giải quyết các thách thức này không? Các hình thức này có thể giúp đảm bảo sao cho tất cả các nhóm cộng đồng khác nhau có thể tiếp cận thông tin, thảo luận và hiểu một cách đầy đủ, rõ ràng và chính xác các thông tin liên quan đến dự án không? Nhấn mạnh rằng một chiến lược truyền thông hiệu quả:

- Xác định được những vấn đề người dân quan tâm nhất và cung cấp thông tin về những vấn đề đó cho họ một cách rõ ràng, huy động được sự tham gia của người dân và sử dụng đúng các phương tiện truyền thông hiệu quả cho từng nhóm đối tượng khác nhau;
- Giúp người dân có đủ thông tin để đưa ra các quyết định chính xác liên quan đến việc tái định cư và các chính sách hỗ trợ, nhờ đó giúp nâng cao khả năng họ sẽ tái định cư một cách thành công.



Danh mục ghi nhớ 6. Kinh phí thực hiện tái định cư

- ☐ Đã có một ngân sách sơ bộ để có thể hình dung được chi phí thực hiện tái định cư chưa?
- ☐ Đây là những nguồn ngân sách có thể huy động cho tái định cư trong ngân sách địa phương?
- ☐ Có cách nào để vận động thêm ngân sách/tài trợ cho tái định cư?
- ☐ Có thể xem xét việc cho vay để các hộ dân trang trải toàn bộ hay một phần chi phí tái định cư không? Nếu có, liệu tác động của gánh nặng nợ phải trả lên người dân tái định cư là gì, đặc biệt đối với một số nhóm dân cư như người cao tuổi vốn sẽ rất khó khăn khi phải vay nợ nhiều hơn? Làm sao để tránh các tác động tiêu cực này?
- ☐ Có đủ ngân sách cần thiết để thực hiện tái định cư không? Cơ chế hành chính để giải ngân có hiệu quả và được chuẩn bị sẵn sàng chưa?



Hoạt động

Hoạt động 3.6. Xác định chi phí, nguồn ngân sách và những rủi ro có thể có trong tái định cư

Mục đích của hoạt động: Học viên thảo luận các hạng mục chi phí cần thiết cho tái định cư dựa trên một tình huống cụ thể.

Loại hoạt động: Áp dụng lý thuyết vào một tình huống thực tiễn

Hướng dẫn:

- Giảng viên giới thiệu tình huống:

Bạn thuộc cơ quan chịu trách nhiệm lập ngân sách tổng thể để tái định cư 200 hộ gia đình trong cộng đồng của bạn. Hãy cùng với nhóm bạn xác định các hạng mục chi phí cần cho tái định cư (không cần phải đưa ra một số tiền cụ thể) và những nguồn ngân sách nào có thể được huy động để chi trả cho từng hạng mục chi phí.

- Các nhóm thảo luận các câu hỏi dưới đây:

- Những rủi ro liên quan đến mỗi nguồn ngân sách là gì?
- Bạn có kế hoạch gì để giảm thiểu những rủi ro này?

Tổng kết: Hoạt động nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xác định các hạng mục chi phí cần thiết và tìm đủ nguồn kinh phí cho tất cả các công việc cần thiết trong tái định cư, từ việc lập kế hoạch đến hỗ trợ sau tái định cư. Khuyến khích học viên xem xét họ đã tính đến chi phí cho tất cả các công việc cần thiết của một kế hoạch tái định cư (theo như Danh mục ghi nhớ số 5) chưa, và nguồn kinh phí nào có thể khó huy động/rủi ro nhiều nhất. Nhấn mạnh rằng xác định các hạng mục chi phí cần thiết và tìm đủ nguồn kinh phí cho các hạng mục đó rất quan trọng trong quá trình lên kế hoạch tái định cư, và cần phải được làm sớm.

Hoạt động 3.7. Vai trò của ai?

Mục đích của hoạt động: Người học sẽ thảo luận các đơn vị và đối tượng liên quan, vai trò và trách nhiệm của mỗi bên trong một chương trình tái định cư. Cần chú ý rằng mục đích chính không phải là mô tả quy trình phối hợp đang có hiện nay tại cộng đồng. Thay vào đó, người học sẽ suy nghĩ một cách sáng tạo và cân nhắc các khả năng khác nhau để xem làm sao xây dựng được một quy trình hiệu quả nhất.

Loại hoạt động: Liên hệ hiểu biết của bản thân và huy động ý tưởng

Hướng dẫn:

- Chia lớp học thành các nhóm nhỏ.
- Mỗi nhóm sẽ chọn một thẻ ngẫu nhiên. Các nhóm sẽ tham khảo Phụ lục 2, và thảo luận xem cơ quan nào tại địa phương nên là đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện công việc mô tả trong thẻ mà nhóm nhận được. Nếu cần thiết, xác định cơ quan chịu trách nhiệm chính và cơ quan chịu trách nhiệm hỗ trợ.
- Đề tạo tâm lý thoải mái cho người học, giảng viên giải thích rằng người học không cần lo lắng nếu ý kiến của họ khác với quy trình thực tế tại địa phương hiện nay. Ngược lại, ý kiến của họ sẽ rất có ích vì có thể gợi ý các cách cải thiện quy trình hiện nay.
- Hoạt động này bao gồm các trách nhiệm liên quan đến các nội dung khác nhau, xuyên suốt ba giai đoạn của tái định cư. Giảng viên khuyến khích học viên tham khảo danh mục ghi nhớ liên quan đến thẻ của họ để suy nghĩ về quy trình cần có, quy trình nên được thực hiện như thế nào và ai nên tham gia.
- Mỗi nhóm sau đó trình bày về kết quả thảo luận của nhóm mình trước lớp.

Các thẻ trách nhiệm liên quan đến Tái định cư

THẺ 1 - TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ AI? Đánh giá và quyết định xem tái định cư có phải là biện pháp phù hợp nhất không, bao gồm tổ chức tham vấn với cộng đồng.

THẺ 2 - TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ AI? Chuẩn bị các phương án tái định cư và ngân sách dự kiến.

THẺ 3 - TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ AI? Sau khi phương án tổng và ngân sách tái định cư được phê duyệt, truyền thông và tham vấn với cộng đồng để lên phương án tái định cư chi tiết.

THẺ 4 - TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ AI? Hỗ trợ các hộ gia đình trong quá trình di chuyển và sau khi đến nơi ở mới.

THẺ 5 - TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ AI? Theo dõi sát và hỗ trợ kịp thời cho các hộ gia đình trong quá trình hòa nhập và chuyển đổi sinh kế

THẺ 6 - TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ AI? Liên tục lấy ý kiến và giải quyết ý kiến/phản hồi của cộng đồng bị ảnh hưởng (bao gồm người dân tái định cư và cộng đồng tại nơi đến) trong quá trình lên kế hoạch, di dời cũng như hòa nhập/thích nghi sau di dời.

Tổng kết: Có sự khác biệt nào giữa các vai trò và quy trình do các nhóm đưa ra so với vai trò và quy trình trong thực tế? Có những lợi ích/thách thức nào? Tổng kết và nhấn mạnh rằng do tái định cư là một công việc rất phức tạp và gồm nhiều quy trình khác nhau, việc tham gia và phối hợp của các đơn vị/các bên liên quan ở tất cả các cấp, bao gồm chính quyền địa phương, là rất quan trọng. Việc phối hợp có thể thuận lợi hơn nếu có một kế hoạch toàn diện và khung thể chế rõ ràng ngay từ khi bắt đầu thực hiện dự án.

Chủ đề 3.2 - Các điểm cần ghi nhớ

- Tái định cư là một công việc phức tạp. Một kế hoạch toàn diện, chi tiết, linh động và kịp thời, phù hợp với tính chất/điều kiện của địa phương là rất cần thiết để đảm bảo chương trình tái định cư được thực hiện thành công, ngân sách được chuẩn bị đầy đủ và trách nhiệm được phân công rõ ràng.
- Để lên kế hoạch một cách hiệu quả, cần thông tin và tham vấn với các bên liên quan, để đảm bảo đáp ứng đúng các nhu cầu của người dân và họ có đầy đủ thông tin để đưa ra quyết định một cách chính xác trong suốt quá trình trước, trong và sau khi tái định cư. Kế hoạch cần bố trí đủ thời gian để tạo điều kiện cho người dân tham gia và cho ý kiến, cũng như cho biết các lo lắng của họ.
- Để có kết quả bền vững, kế hoạch tái định cư phải đáp ứng đầy đủ các nhu cầu khác nhau, không chỉ về nhà ở và cơ sở hạ tầng, mà cả về sinh kế, hòa nhập xã hội, hỗ trợ sau khi tái định cư, và có kế hoạch theo dõi đánh giá thường xuyên.
- Thông tin với người dân một cách hiệu quả sẽ giúp họ đưa ra các quyết định chính xác và tiếp cận đầy đủ các hỗ trợ mà họ cần để tái định cư thành công.
- Kênh thông tin, truyền thông phải phù hợp, đáp ứng đúng vào nhu cầu và lo lắng của cộng đồng, đảm bảo tất cả các nhóm đối tượng khác nhau đều có thể tiếp cận thông tin, có thể thảo luận và hiểu một cách đúng, rõ ràng, đầy đủ các thông tin liên quan đến dự án.

CHỦ ĐỀ 3.3

Giai đoạn 3 – Giai đoạn triển khai: Quá trình chờ di dời

Mục tiêu:

Thảo luận bước đầu tiên của giai đoạn triển khai tái định cư – quá trình trước khi tiến hành di dời.

Giai đoạn triển khai bắt đầu khi chương trình tái định cư được phê duyệt, việc thông tin, tham vấn với các hộ dân bị ảnh hưởng đã hoàn tất và nguồn tài chính có đủ. Quá trình triển khai thường diễn ra theo giai đoạn. Trong một số trường hợp, người dân có thể được di dời thành nhiều đợt, hoặc được chuyển đến nhiều địa điểm khác nhau.

Tái định cư là một quá trình phức tạp, luôn cần nhiều sự chuẩn bị trước khi việc di dời thực sự diễn ra. Trong giai đoạn chuyển tiếp trước khi tiến hành di dời này, cần có một số biện pháp nhất định để bảo vệ quyền và phẩm giá của người dân bị ảnh hưởng. Lúc này cũng là thời gian quan trọng để có sự chuẩn bị cho người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác, giúp họ tái định cư thành công.

Khó khăn:

Trong khoảng thời gian từ khi có quyết định tiến hành tái định cư đến khi triển khai thực tế, một số khó khăn có thể nảy sinh, tùy vào hoàn cảnh của người dân bị ảnh hưởng và khoảng thời gian dự kiến trước khi di dời. Ngân sách cho các hỗ trợ tạm thời có thể thiếu hụt, đặc biệt khi kế hoạch tái định cư chậm tiến độ. Chính phủ có thể gặp khó khăn trong việc duy trì dịch vụ công cho người dân thuộc diện tái định cư - đặc biệt khi phải vừa đầu tư vào cơ sở hạ tầng để duy trì các dịch vụ này, vừa đầu tư vào cơ sở hạ tầng tại các địa điểm tái định cư. Ngoài ra còn phải kể đến khó khăn khi duy trì tính gắn kết cộng đồng và các mạng lưới xã hội trong thời gian chờ đợi di dời, đặc biệt nếu quá trình này kéo dài, hay nếu người dân sống rải rác ở nhiều khu vực khác nhau. Cam kết của người dân bị ảnh hưởng đối với chương trình tái định cư có thể thay đổi theo thời gian, một số kỳ vọng của họ về thời gian di dời hoặc về các cơ hội chờ đón họ ở nơi ở mới có thể không như thực tế.



Danh mục ghi nhớ 7. Giai đoạn triển khai: Chuẩn bị cho di dời

- ☐ Có rủi ro nào cho người dân tái định cư trong quá trình chờ di dời hoặc trong lúc di dời không? Có biện pháp nào để bảo vệ họ khỏi các rủi ro này chưa?
- ☐ Người dân tái định cư có thể duy trì cuộc sống tương tác trong khi chờ tái định cư không? Để được như vậy, cần đảm bảo và cung cấp:
  - » Các nhu cầu cơ bản (bao gồm được bảo vệ khỏi các nguy cơ, thực phẩm, nước sạch, an toàn cá nhân, gia đình và cộng đồng được ở cùng nhau tại chỗ ở tạm trong khi chờ di dời);
  - » Cơ sở hạ tầng và một môi trường tạo điều kiện thuận lợi cho người dân duy trì sinh kế và giúp người dân đáp ứng các nhu cầu cơ bản của họ (y tế, giáo dục, thị trường lao động, chi phí điện nước không quá cao, tiếp cận thông tin và truyền thông).

- ☐ Trẻ em có được đi học không?
- ☐ Có kế hoạch di tản người dân tái định cư nếu xảy ra thiên tai nguy hiểm trong giai đoạn chờ không?
- ☐ Các dịch vụ cần thiết có được cung cấp trước khi di dời để tái định cư thành công và ngăn ngừa các tác động tiêu cực hay không? Cụ thể:
  - » **Đối với người dân tái định cư:** Đào tạo sinh kế phù hợp với thị trường lao động tại điểm đến; hỗ trợ và chuẩn bị cho những người dễ bị tổn thương như người cao tuổi, hỗ trợ về mặt ngôn ngữ và giáo dục nếu cần; tư vấn cho những người bị tổn thương về tâm lý liên quan đến quá trình tái định cư; định hướng trước khi di dời để cung cấp thông tin chính xác cho người dân về nơi ở mới của họ.
  - » **Đối với Cộng đồng tiếp nhận** (nếu khu tái định cư trước đây đã có người ở): Xây dựng thêm cơ sở hạ tầng, bao gồm nơi ở và sinh kế; định hướng cho người dân ở cộng đồng tiếp nhận để họ có hiểu biết đúng về người dân tái định cư.
  - » **Đối với những người quyết định không tham gia chương trình tái định cư:** Hỗ trợ để giúp họ hiểu được chương trình tái định cư đang thực hiện sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của họ như thế nào, và đảm bảo họ tiếp tục duy trì được sinh kế và các dịch vụ công cơ bản.
- ☐ Có kế hoạch để đảm bảo sự gắn kết cộng đồng trong giai đoạn chờ tái định cư (khi phù hợp) và thúc đẩy sự tương tác giữa người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác không?

Hoạt động

Hoạt động 3.8. Làm gì khi dự án chậm tiến độ

Mục đích của hoạt động: Giúp người học suy nghĩ và thảo luận về những việc cần làm trong giai đoạn chờ tái định cư nếu dự án chậm tiến độ và xác định các nội dung ưu tiên.

Loại hoạt động: Liên hệ hiểu biết của bản thân và huy động ý tưởng

Hướng dẫn:

- Giảng viên giới thiệu tình huống:

Bạn thuộc cơ quan chịu trách nhiệm triển khai một chương trình tái định cư đã được duyệt. Các hộ gia đình đã được thông báo về thời gian di dời dự kiến. Bạn nhận được thông báo do chưa đủ ngân sách nên việc tiếp quản đất mới tại khu tái định cư và công tác chuẩn bị cơ sở hạ tầng và dịch vụ cần thiết (đường sá, nước, điện, trường mẫu giáo) bị chậm tiến độ, vì vậy sẽ ảnh hưởng đến thời gian di dời.

- Giảng viên chia lớp thành nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận các câu hỏi dưới đây:

1. Việc chậm tiến độ này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến những hộ thuộc diện tái định cư? Họ sẽ có những lo lắng, phản ứng như thế nào?
2. Bạn có thể làm gì, chuẩn bị gì và thông tin như thế nào với người dân trong lúc này? Hãy suy nghĩ ít nhất năm nội dung bạn muốn ưu tiên làm trong khi chờ dự án bắt đầu, và bạn sẽ thực hiện chúng như thế nào.

Tổng kết: Đôi khi, việc chậm tiến độ là không thể tránh khỏi. Thảo luận với học viên vì sao cần phải linh động thích ứng khi việc chậm tiến độ xảy ra, và tiếp tục công tác chuẩn bị và hỗ trợ cho người dân tái định cư trong chừng mực có thể. Nhấn mạnh rằng trong thời gian này, cần đảm bảo rằng người dân tái định cư vẫn có được một cuộc sống đàng hoàng và tiếp tục các hoạt động sinh kế trong khi chờ đợi, và cần thông tin đầy đủ kịp thời để tạo tâm lý tích cực cho người dân.

Chủ đề 3.3 - Các điểm cần ghi nhớ

- Trong giai đoạn chuyển tiếp giữa thời điểm quyết định phương án tái định cư và việc triển khai trên thực tế, một số khó khăn có thể nảy sinh. Đôi khi, việc chậm tiến độ là không thể tránh khỏi.
- Trong giai đoạn này, phải có sẵn kế hoạch sơ tán người dân nếu có thiên tai xảy ra.
- Trong khi chờ đợi di dời, cần đảm bảo người dân bị ảnh hưởng vẫn có thể tiếp tục một cuộc sống đáng hoàng tại nơi họ đang ở.
- Có thể tranh thủ thời gian này để cung cấp các hỗ trợ phù hợp cho từng đối tượng, giúp người dân sẽ di dời tái định cư một cách thành công hoặc giúp giảm thiểu tác động tiêu cực cho những người chọn không di dời. Các hỗ trợ này bao gồm đào tạo nghề, tư vấn và định hướng cho cả người dân tái định cư lẫn cộng đồng tiếp nhận.

CHỦ ĐỀ 3.4

Giai đoạn 3 – Giai đoạn triển khai: Trong và sau khi di dời

Mục tiêu:

- Thảo luận các khó khăn và vấn đề phát sinh trong và sau khi di dời.
- Xem xét các trường hợp điển hình và thảo luận về các giải pháp cải thiện.

Chương trình tái định cư bền vững và có sự tham gia tích cực của người dân sẽ giúp phát huy các nguồn lực xã hội hiện có và giúp xây dựng các mối quan hệ mới với tác động tích cực về y tế, học thức, giáo dục, lao động và nhà ở.

Tuy nhiên, việc di dời các gia đình và cộng đồng gây nên sự xáo trộn lớn. Do đó, dự đoán trước các thách thức và nỗ lực để tránh nguy cơ tái định cư khiến người dân rơi vào tình cảnh khó khăn về kinh tế và nguy cơ một số người bị “bỏ lại phía sau” cần phải trở thành mục tiêu chính của tái định cư, trong đó có việc lên kế hoạch phục hồi kinh tế tại địa điểm mới.

Nghiên cứu cho thấy một số nguy cơ ảnh hưởng đến sự thành công của tái định cư xuất hiện ở các giai đoạn khác nhau. Giai đoạn ổn định và điều chỉnh tức thời trong đó người tái định cư cố gắng làm quen với sự thay đổi cuộc sống và tìm cách thích nghi với những khó khăn mới là giai đoạn các hộ gia đình cần được hỗ trợ nhiều nhất. Sau đó, những khó khăn khác có thể xuất hiện và đều cần được giải quyết. Trong quá trình này, việc cung cấp kịp thời các hỗ trợ và dịch vụ theo kế hoạch tái định cư là rất quan trọng, vì sự chậm trễ trong việc hỗ trợ, tiếp cận với các nguồn lực hoặc cơ sở hạ tầng có thể khiến cho quá trình tái định cư và thích nghi trở nên vô cùng khó khăn.

Tái định cư ảnh hưởng đến các cá nhân và hộ gia đình ở các mức độ khác nhau, tùy thuộc vào khả năng tiếp cận của họ đối với các nguồn lực vật chất và xã hội, cũng như sức khỏe, giáo dục và địa vị xã hội. Các hộ gia đình gặp khó khăn thường là những hộ nghèo hay cận nghèo, bao gồm những hộ có người cao tuổi, phụ nữ là chủ hộ hoặc có người có đau yếu bệnh tật, cần được chăm sóc. Đây chính là những nhóm dễ bị rơi vào tình trạng khó khăn về kinh tế nhất sau khi di dời. Kế hoạch tái định cư phải đặc biệt quan tâm đến các nhóm dễ bị tổn thương trên, hình dung được hết các yếu tố có thể làm các nhóm này khó khăn hơn và xác định các phương thức hỗ trợ hiệu quả trong giai đoạn sau tái định cư.



Danh mục ghi nhớ 8. Triển khai tái định cư

- ☐ Chương trình tái định cư có đang được triển khai như dự kiến không? Việc xây dựng/triển khai các dịch vụ, cơ sở hạ tầng và nhà cửa có hoàn tất trước khi người dân tái định cư chuyển đến không? người dân tái định cư có hoàn tất việc di chuyển đúng thời gian như kế hoạch không?
- ☐ Có thay đổi gì trong kế hoạch để có sự điều chỉnh cần thiết trên cơ sở các thông tin và hiểu biết mới có được trong quá trình triển khai không? Có thay đổi gì trong kế hoạch nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai không?
- ☐ Cơ chế tham vấn có huy động được sự tham gia của người dân và tất cả các bên liên quan, và cung cấp đủ thông tin cần thiết cho quá trình triển khai không?

- ☐ Trong quá trình di dời, đồ đạc và tài sản của người dân tái định cư có được mang đi an toàn, cẩn thận và kịp thời không? người dân tái định cư có tiếp cận được các nguồn lực và phương tiện để vận chuyển đồ đạc không?
- ☐ Các gia đình có được đi cùng nhau trong quá trình di dời không? Môi trường cộng đồng, các biểu tượng và di tích văn hoá có được duy trì theo đúng kế hoạch đã định không?
- ☐ Các vấn đề hậu cần trong quá trình di dời (ví dụ phương tiện vận chuyển, thủ tục, nước uống và lương thực, chăm sóc y tế...) có được xử lý phù hợp và kịp thời không?
- ☐ Có cơ chế hiệu quả để ghi nhận và giải quyết kịp thời các thắc mắc và phản hồi của người dân trong quá trình di dời không? Quá trình này có được lưu lại bằng văn bản để dễ dàng theo dõi, giám sát không?



Danh mục ghi nhớ 9. Sinh kế và nguồn lực

- ☐ Người dân tái định cư có thể khôi phục sinh kế hoặc tiếp cận các nguồn sinh kế mới không?
- ☐ Người dân tái định cư có được đào tạo để phát triển thêm các kỹ năng cho phù hợp với thị trường lao động tại địa điểm tái định cư không?
- ☐ Các doanh nghiệp kinh doanh bị ảnh hưởng có được di dời và tiếp tục hoạt động không?
- ☐ Người dân tái định cư có thể về thăm hoặc tạm thời quay trở lại khu vực cư trú cũ không?
- ☐ Có các giải pháp và hoạt động để hỗ trợ tổ chức lại cộng đồng và mạng lưới xã hội không?
- ☐ Người dân bị ảnh hưởng có tham gia vào quá trình triển khai tái định cư không?
- ☐ Người dân tái định cư, bao gồm người dân bản địa, dân tộc thiểu số và những người không có đất có thể tham gia sinh hoạt chính trị thông qua bầu cử và những phương thức khác không?



Hoạt động

Hoạt động 3.9. Số liệu khảo sát sinh kế và phúc lợi

Mục đích của hoạt động: Giúp người học tìm hiểu về tác động của tái định cư đến các hộ gia đình thông qua một kết quả khảo sát thực tế và thảo luận về các bài học kinh nghiệm.

Loại hoạt động: Liên hệ hiểu biết của bản thân và huy động ý tưởng

Hướng dẫn:

- Học viên chia thành các nhóm và thảo luận xem có thể dùng những chỉ số nào để đánh giá kết quả tái định cư, chỉ số nào có thể dùng để đo mức độ hài lòng về sinh kế và phúc lợi.
- Giảng viên giải thích các số liệu trong bảng dưới đây là kết quả từ một khảo sát thực tế do IOM và Viện Xã hội học thực hiện.
- Các nhóm xem số liệu trong **Hình 7: Tình trạng sinh kế và phúc lợi sau khi tái định cư** và **Hình 8: Chỉ số sinh kế và phúc lợi theo xã tái định cư và dân tộc** và thảo luận các câu hỏi sau:

1. Bạn nghĩ gì về các kết quả này? Đáng ngạc nhiên hay không thực sự đáng ngạc nhiên?
2. Đối với sinh kế và phúc lợi của các hộ tái định cư, nội dung nào thành công nhất, nội dung nào ít thành công nhất?
3. Cần phải làm gì để hỗ trợ tốt hơn cho các hộ gia đình ở những nội dung ít thành công nhất?
4. Bạn có thể rút ra bài học kinh nghiệm nào cho cộng đồng của mình nếu cần thực hiện tái định cư trong tương lai?

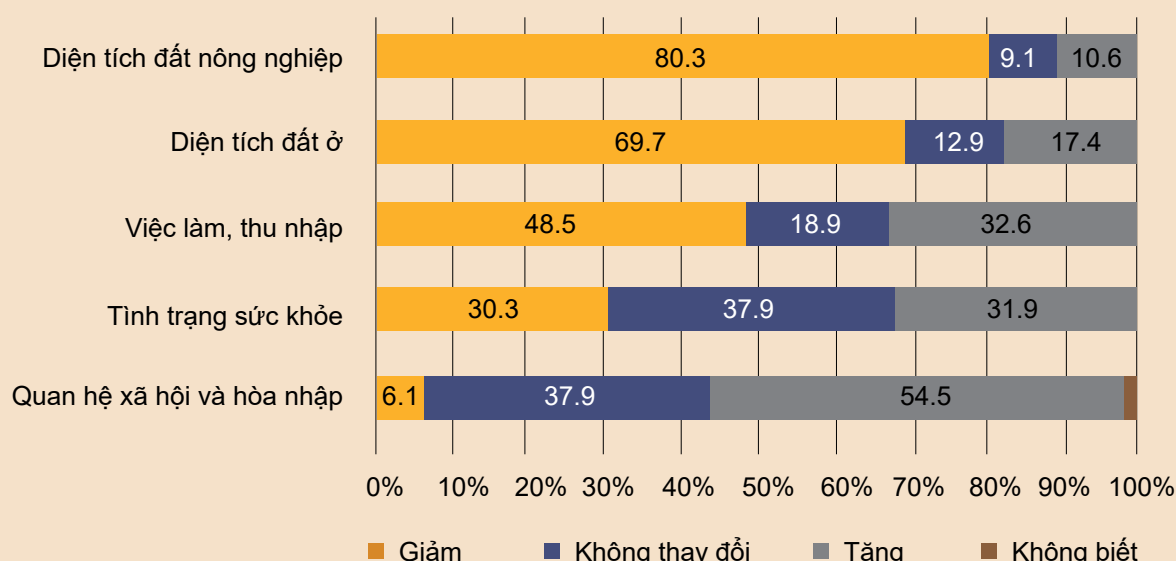
Số liệu nói gì?

Số liệu trong Hình 7 cho thấy sau khi tái định cư:

- Hơn ba phần tư số hộ tái định cư có **diện tích đất nông nghiệp nhỏ hơn**.
- Gần một nửa số hộ bị **giảm** thu nhập và ít cơ hội việc làm hơn, chỉ một phần ba số hộ có cải thiện về thu nhập hoặc cơ hội việc làm.
- Hai phần ba người dân có tình trạng sức khỏe tương đương hoặc tốt hơn, nhưng một phần ba còn lại cho biết tình trạng sức khỏe của họ xấu đi sau tái định cư.
- Hầu hết người dân đều cho rằng việc hòa nhập và tham gia các hoạt động xã hội tương tự hoặc tốt hơn sau khi tái định cư.

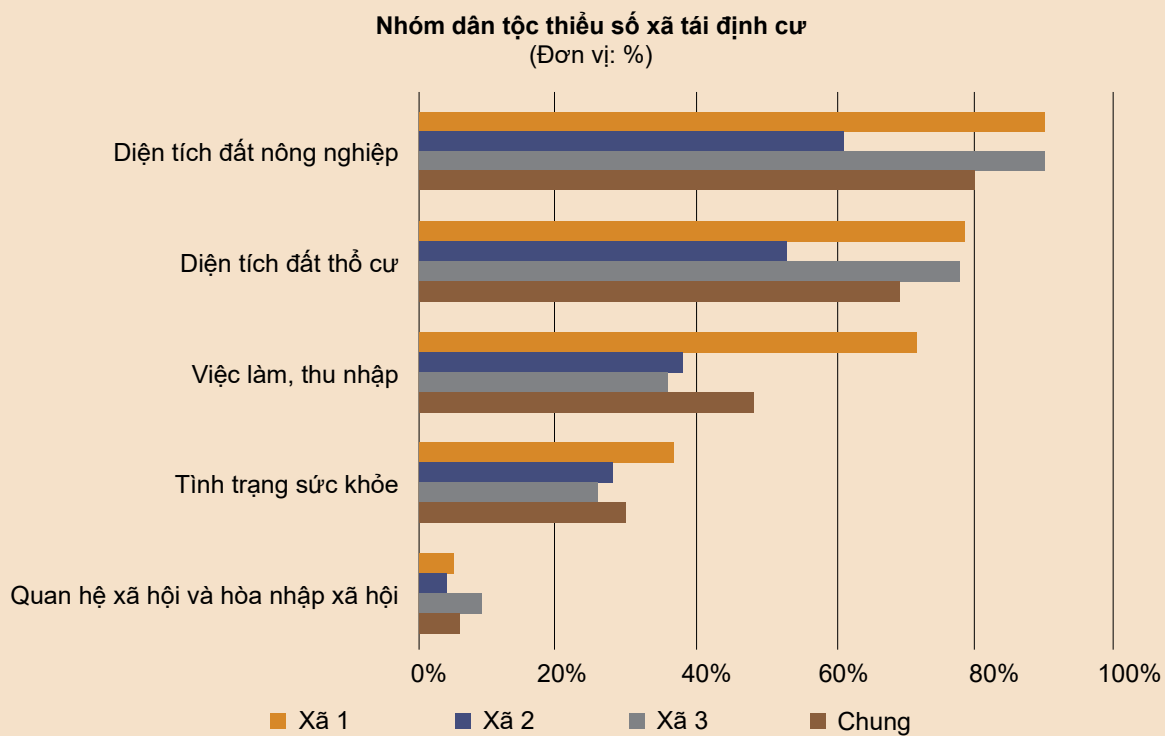
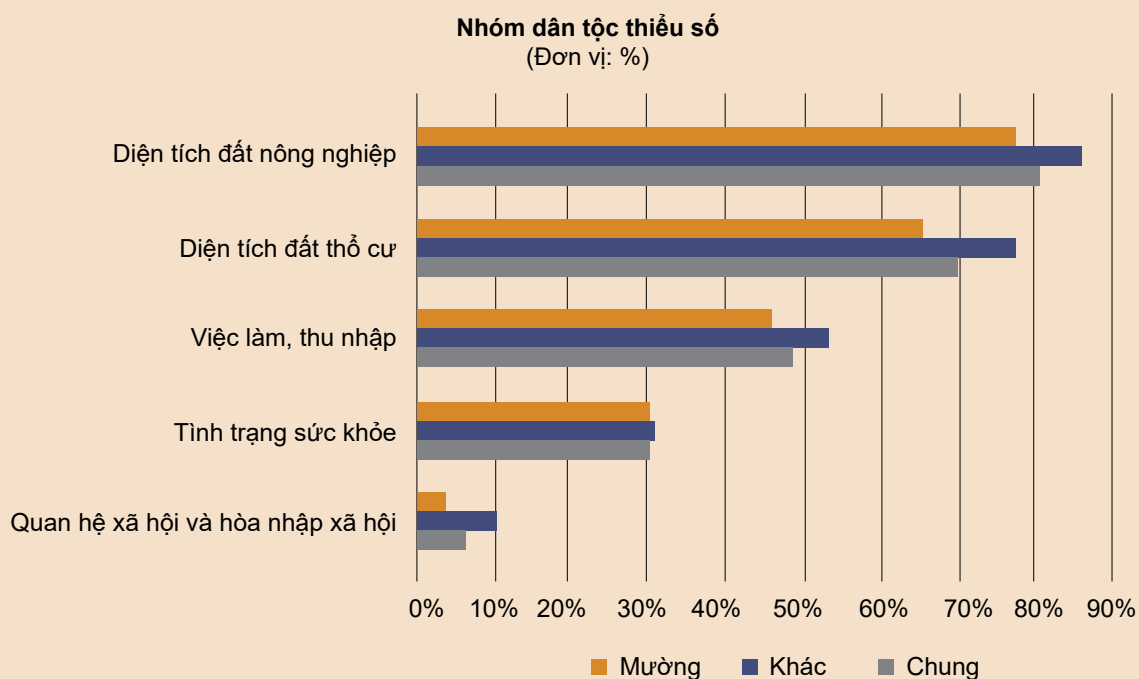
Số liệu trong Hình 8 cho thấy kết quả tại các địa điểm tái định cư và các nhóm dân tộc khác nhau không hoàn toàn như nhau. Ở Xã 1 và Xã 3, đa số các hộ đều bị giảm về diện tích đất nông nghiệp, nhưng vấn đề này lại ít phổ biến ở Xã 2. Ở Xã 1, hầu hết người dân cho biết thu nhập của họ bị giảm, nhưng ở hai xã còn lại, phần lớn số người được hỏi cho biết thu nhập của họ giữ nguyên hoặc được cải thiện. Giữa các nhóm dân tộc, dân tộc Mường ít có người cho biết diện tích đất nông nghiệp, thu nhập hay hòa nhập xã hội bị giảm hơn so với các dân tộc khác.

Hình 7. Tình trạng sinh kế và phúc lợi sau khi tái định cư



Nguồn: Số liệu khảo sát, Tổ chức Di cư Quốc tế và Viện Xã hội học, Hà Nội, 2017

Hình 8. Chỉ số sinh kế và phúc lợi theo xã tái định cư và dân tộc



No of households Commune 1:43 Commune 2:47 Commune 3:42 Muong:83 Other ethnicity:49 Total:132

Nguồn: Số liệu khảo sát, Tổ chức Di cư Quốc tế và Viện Xã hội học, Hà Nội, 2017

Tổng kết: Giảng viên và học viên thảo luận việc theo dõi và đánh giá kết quả trong và sau khi di dời quan trọng như thế nào đối với việc đảm bảo thành công bền vững về mặt sinh kế và phúc lợi cho người dân tái định cư.

Chủ đề 3.4 - Các điểm cần ghi nhớ

- Giai đoạn trong và ngay sau khi di dời là thời điểm khó khăn nhất, là lúc người dân cần hỗ trợ nhiều nhất và nguy cơ thu nhập và phúc lợi của người dân bị giảm sút là cao nhất.
- Cần đảm bảo người dân có thể tiếp cận kịp thời với các nguồn lực, nhà ở, cơ sở hạ tầng và các hỗ trợ để khôi phục sinh kế theo đúng như kế hoạch đã xây dựng.
- Cần thường xuyên theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện nhằm xác định được các vấn đề và thách thức trong việc hỗ trợ cho người dân, từ đó điều chỉnh kế hoạch nếu cần thiết nhằm đảm bảo hỗ trợ một cách hiệu quả cho người dân tái định cư.
- Sau một khoảng thời gian, các nhóm đối tượng khác nhau có thể có những nhu cầu hỗ trợ khác nhau, đặc biệt liên quan đến việc thích nghi và khôi phục sinh kế. Cần thường xuyên tham vấn với các hộ gia đình và điều chỉnh kế hoạch hỗ trợ cho phù hợp với nhu cầu của từng nhóm đối tượng trong và sau khi di dời, nhằm giảm thiểu tính dễ tổn thương của họ và đạt được các kết quả bền vững.

CHƯƠNG 4

Theo dõi, Đánh giá và Giải trình



Tập huấn cho cán bộ nguồn tại Hà Nội
© IOM 2016 (Nguồn ảnh: Trần Thị Ngọc Thư)

Mô tả chung:

Chủ đề này mô tả cách thức xây dựng và triển khai các quy trình theo dõi và đánh giá. Học viên thảo luận mục đích của việc theo dõi, đánh giá và các nội dung cần được đưa vào kế hoạch theo dõi, đánh giá.

CHỦ ĐỀ 4.1

Theo dõi, Đánh giá và Giải trình: Mục đích và quy trình

Mục tiêu:

- Thảo luận mục đích của việc theo dõi và đánh giá và các nội dung cần được đưa vào kế hoạch theo dõi, đánh giá.

Các quy trình theo dõi, đánh giá và giải trình được sử dụng để đánh giá kết quả tái định cư và trả lời cho câu hỏi: người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác có sống tốt hơn hay ít nhất không tệ hơn trước khi tái định cư hay không? Trả lời được câu hỏi trên là rất cần thiết, nó sẽ giúp xác định khi nào chương trình tái định cư kết thúc và người dân tái định cư không còn cần hỗ trợ về tái định cư.

Khi tiến hành tái định cư, cần đánh giá đa chiều về các chỉ số ban đầu (baseline) (đánh giá về môi trường, kinh tế, xã hội) và xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá và giải trình ngay từ đầu.

Quá trình theo dõi và đánh giá có thể phục vụ nhiều mục đích. Các quá trình này cho phép chính quyền, người dân tái định cư và các bên liên quan khác đánh giá tiến độ và những thay đổi trong chương trình tái định cư. Ngoài ra, chúng có thể giúp xác định những cách làm hiệu quả và bài học kinh nghiệm, giúp cải thiện các chương trình tái định cư trong tương lai. Theo dõi và đánh giá cũng là cách để gắn trách nhiệm cho chính quyền, đảm bảo tái định cư được triển khai nhằm bảo vệ người dân khỏi những rủi ro và tác động về thiên tai và biến đổi môi trường. Theo dõi và đánh giá dự án hiệu quả ngay từ đầu cho phép cơ quan thực hiện sớm xác định được những khó khăn tiềm ẩn và điều chỉnh kế hoạch để đáp ứng nhu cầu của các hộ tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác. Đồng thời, theo dõi và đánh giá còn giúp dự án tránh được các vấn đề không đáng có và bền vững về lâu dài.

Ở cấp quốc gia, cần thiết lập một khuôn khổ và các kênh theo dõi, đánh giá và báo cáo về kết quả của các dự án tái định cư. Các cơ chế theo dõi và báo cáo giúp tăng cường trách nhiệm giải trình và cho phép đúc rút các bài học kinh nghiệm. Việc thu thập dữ liệu theo dõi và đánh giá một cách hệ thống ở cấp quốc gia hay cấp tỉnh giúp các cơ quan chính phủ và địa phương học kinh nghiệm từ các dự án khác, và hoàn thiện các chính sách tái định cư của địa phương mình⁷.



Danh mục ghi nhớ 10. Theo dõi, đánh giá và giải trình: Quy trình tái định cư

- ☐ Cơ chế theo dõi, đánh giá và giải trình có được thiết lập từ giai đoạn đầu của chương trình tái định cư nhằm đảm bảo có các chỉ số ban đầu cần thiết để so sánh với kết quả đầu ra không?
- ☐ Có xây dựng các chỉ số để đánh giá các đầu ra cụ thể trong khoảng thời gian xác định không?
- ☐ Có các chỉ số định tính và định lượng không? Các chỉ số có bao gồm các khía cạnh về môi trường, xã hội, văn hoá, kinh tế và quyền con người không?
- ☐ Có các cơ chế cho người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác tham gia quá trình theo dõi và đánh giá không?

⁷ Các tác giả không tìm được thông tin về quy trình theo dõi, đánh giá và giải trình hiện áp dụng đối với các chương trình tái định cư tại Việt Nam vào thời điểm tài liệu này được biên soạn. Hy vọng rằng các thông tin này có thể được tài liệu hóa và cập nhật trong tương lai.

- ☐ Các kênh thông tin có được thiết lập một cách minh bạch để các kết quả theo dõi và đánh giá được chia sẻ kịp thời với người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác không?
- ☐ Có cơ chế đảm bảo rằng các kết quả của quá trình theo dõi đánh giá thường xuyên được chuyển thành đầu vào cho quá trình lập kế hoạch và triển khai dự án, nhằm có những sự điều chỉnh kịp thời không?



Danh mục ghi nhớ 11. Theo dõi, Đánh giá và Giải trình: Kết quả tái định cư

- ☐ Các thông tin ban đầu với các chỉ số cụ thể và đo lường có được thu thập trước khi thực hiện tái định cư ở các khía cạnh như:
  - a. Đặc điểm kinh tế xã hội của người dân (ví dụ mức thu nhập, điều kiện sống của hộ, tình trạng học vấn, việc làm...);
  - b. Quyền sử dụng đất đai;
  - c. Đặc điểm nhà ở và cơ sở hạ tầng khác;
  - d. Nhu cầu và tính dễ bị tổn thương của người dân;
  - e. Mức độ được hưởng các quyền của người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác.
- ☐ Có quy trình để thu thập thông tin về các chỉ số này một cách định kỳ nhằm đánh giá kết quả tái định cư trong ngắn, trung và dài hạn không?
- ☐ Có các chỉ số để xác định khi nào thì người dân tái định cư và những người bị ảnh hưởng khác không còn cần hỗ trợ nữa, và chương trình tái định cư có thể được xem là đã hoàn tất không?
- ☐ Quy trình theo dõi có cân nhắc khả năng các chỉ số về nhân khẩu học, tiêu chuẩn chất lượng sống và các chỉ số khác có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác không liên quan đến tái định cư, và điều này cần được tính đến khi so sánh với các chỉ số ban đầu không?



Hoạt động

Hoạt động 4.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch theo dõi đánh giá

Mục đích của hoạt động: Người học thảo luận về những nội dung cần đưa vào kế hoạch theo dõi đánh giá và cách thức triển khai kế hoạch.

Loại hoạt động: Liên hệ hiểu biết của bản thân và Huy động ý tưởng

Hướng dẫn:

- Giảng viên chia lớp thành nhóm nhỏ, các nhóm thảo luận những câu hỏi dưới đây:
  1. Quy trình theo dõi đánh giá trước, trong và sau khi tái định cư đã hoặc đang được thực hiện ở địa phương bạn diễn ra như thế nào?
  2. Bạn thấy những nội dung nào quan trọng và cần được đưa vào kế hoạch theo dõi và đánh giá? Thảo luận và đề xuất ít nhất năm nội dung.
  3. Các bạn sẽ thu thập dữ liệu khi nào và bằng cách nào?
  4. Bạn có thể gặp khó khăn gì khi thu thập dữ liệu và bạn có giải pháp gì để vượt qua các khó khăn này?

- Xem lại **Phụ lục 2 - Sơ đồ quy trình điều phối trong công tác tái định cư giữa các cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp địa phương**. Các bạn có thể thêm vào sơ đồ này vai trò và quá trình nào về đánh giá và theo dõi?

Tổng kết: Thảo luận mục đích của việc theo dõi và đánh giá: tầm quan trọng đối với cộng đồng? Tầm quan trọng đối với chính phủ và chính quyền địa phương? Nhấn mạnh rằng dù đôi khi việc theo dõi, đánh giá có thể gặp rất nhiều khó khăn, công tác này cung cấp những thông tin rất quan trọng giúp chính phủ và chính quyền địa phương đúc rút các bài học kinh nghiệm và cải tiến quy trình, và đảm bảo rằng chương trình tái định cư đạt được những lợi ích mong muốn cho cộng đồng.

Chủ đề 4.1 - Các điểm cần ghi nhớ

- Các cơ chế theo dõi và báo cáo giúp tăng cường trách nhiệm giải trình và cho phép đúc rút các bài học kinh nghiệm. Nó giúp cải thiện chương trình đang được triển khai cũng như các dự án tái định cư trong tương lai.
- Cần xây dựng các chỉ số định lượng và định tính mang tính toàn diện và ngay từ giai đoạn đầu của chương trình tái định cư, nhằm đảm bảo có các chỉ số ban đầu cần thiết để so sánh với kết quả đầu ra.
- Cần có các quy trình phù hợp và khả thi để thu thập thông tin về các chỉ số này một cách định kỳ, nhằm đánh giá kết quả tái định cư trong ngắn, trung và dài hạn.
- Việc tham gia của cộng đồng trong các quy trình theo dõi và đánh giá là rất quan trọng.
- Các kênh thông tin phải được thiết lập một cách minh bạch để các kết quả theo dõi và đánh giá được chia sẻ kịp thời với tất cả các bên liên quan, bao gồm người dân bị ảnh hưởng.

Tài liệu tham khảo

Đại học Cần Thơ, Việt Nam

- 2012 Fishery livelihoods and adaptation under the threat of ecological uncertainties. CTU presentation in Proceedings of Workshop: Climate Change Adaptation and Migration in the Mekong Delta (CTU, IOM and UNDP). Can Tho University, 4-5 June 2012.

Chun, J. and L.T. Sang

- 2012 *Research and Policy Dialogue on climate change, migration and resettlement in Viet Nam*. Final Report. UN Viet Nam, Hanoi.

Danh, V. T. and S. Mushtaq

- 2011 *Living with floods: An evaluation of resettlement programme of the Mekong Delta of Viet Nam. In Environmental Change and Agricultural Sustainability in the Mekong Delta* (M.A. Stewart and P.A. Coclanis, eds.), Advance in Global Change Research Series 45, Springer, Netherlands.

Dang, N.A., I. Leonardelli and A.A. Dipierri

- 2016 *Assessing the Evidence: Migration, Environment and Climate Change in Viet Nam*. International Organization for Migration (IOM), Geneva.

Foresight

- 2011 *Migration and Global Environmental Change. Final Project Report*. The Government Office for Science, London. Available at <https://goo.gl/hLa9aL>.

Đại học Georgetown, IOM và UNHCR

- 2017 *A Toolbox: Planning Relocations to Protect People from Disasters and Environmental Change*.

Chính phủ Việt Nam

- 1995 Chỉ thị về việc Quy hoạch và xây dựng các khu dân cư ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Hà Nội: Chỉ thị số 815-TTg ngày 12/12/1995.
- 1996 Định hướng dài hạn và kế hoạch 5 năm 1996-2000 đối với việc phát triển thủy lợi, giao thông và xây dựng nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hà Nội: Quyết định số 99-TTg ngày 9/2/1996.
- 1999 Quy hoạch về kiểm soát và sử dụng nước lũ vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn từ nay đến năm 2010. Hà Nội: Quyết định số 144/1999/QĐ-TTg ngày 21/6/1999.
- 2006 Chương trình Bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006 – 2010 và định hướng đến năm 2015. Hà Nội: Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006.
- 2007 Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020. Hà Nội: Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007.
- 2008a Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với Biến đổi khí hậu. Hà Nội: Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 2/12/2008.
- 2008b Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ Đồng bằng sông Cửu Long. Hà Nội: Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 26/8/2008.
- 2008c Về một số chính sách thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ. Hà Nội: Quyết định số 78/2008/QĐ-TTg ngày 10/6/2008.
- 2012 Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 – 2015 và định hướng đến năm 2020. Hà Nội: Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012.
- 2014 Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Hà Nội: Quyết định số 245/QĐ-TTg ngày 12/2/2014.

- 2015 *Overview of planned relocation programme in response to climate changes*. Presentation at the workshop on “Assessing the impacts of migration in rural areas on the rural development in the context of the NTP-NRD”. Department of Cooperatives and Rural Development – Ministry of Agriculture and Rural Development. Ha Noi, January 2015. Ha, Tran Thi Phung

Vũ Hải Minh

- 2012 *Climate change, gender and migration*. Presentation in Proceedings of Workshop: Climate Change Adaptation and Migration in the Mekong Delta (CTU, IOM and UNDP). Can Tho University, 4-5 June, 2012.

Tạ Thị Thanh Hương

- 2010 ‘Resource access and livelihood resilience in Tam Giang Lagoon, Viet Nam’. PhD Thesis, Natural Resources Institute, University of Manitoba, Canada.

Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM)

- 2011 *Glossary on Migration*. 2nd Edition. International Migration Law No. 25, IOM, Geneva. Available at <https://goo.gl/i5EV9v>.
- 2016 *Migration, Environment and Climate Change: Training Manual (Facilitator’s Guide)*, IOM, Geneva.

Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM) và Viện Xã hội học, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

- 2017 *Tái định cư trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở tỉnh Hòa Bình - Miền bắc Việt Nam: Phân tích quá trình ra quyết định của các hộ gia đình và các kết quả của chương trình tái định cư* (<https://goo.gl/mMTsH5>).

Jones, N. và Trần Thị Vân Anh

- 2010 *Gendered risks, poverty and vulnerability in Viet Nam: A case study of the National Targeted Programme for Poverty Reduction*. Overseas Development Institute, London.

Kabeer, N. và Trần Thị Vân Anh

- 2006 ‘Globalization, Gender and Work in the Context of Economic Transition: The case of Vietnam.’ International Working Group on Gender, Macroeconomics, and International Economics working paper series 06-3.

Kreft, S., D. Eckstein and I. Melchior

- 2016 *Global Climate Risk Index 2017: Who suffers most from extreme weather events? Weather-related loss events in 2015 and 1996 to 2015* Bonn: Germanwatch e.V. Available from <https://germanwatch.org/de/download/16411.pdf>.

Kuntiyawichai, K., V. Plermkamon, R. Jayakumar and Q. V. Dau

- 2015 *Climate change vulnerability mapping for greater Mekong sub-region*. UNESCO Bangkok Office and WREI, Khon Kaen University, Thailand.

Thomas, A.

- 2016 *Accelerating Threats from Climate Change: Disasters and Displacement in Myanmar: Refugees International* Available at: <https://static1.squarespace.com/static/506c8e-a1e4b01d9450dd53f5/t/5845f2e2f7e0ab230f4631cb/1480979178783/2016126+Myanmar.pdf>.

Liên Hợp Quốc (UN)

- 2014 *Migration, Resettlement and Climate Change in Viet Nam. Reducing exposure and vulnerabilities to climatic extremes and stresses through spontaneous and guided migration*. United Nations, Ha Noi.

Xe, D.V. and N.H. Dang

- 2006 *Analyses of socioeconomic impacts of the resettlement clusters and recommendations for economic development strategy of the Vietnamese Mekong Delta*. Can Tho University, Can Tho, Vietnam.

PHỤ LỤC 1

Danh mục ghi nhớ - Thuật ngữ và Định nghĩa

Quốc gia - Các cấp chính quyền trung ương, địa phương và/hoặc các cấp khác, bao gồm các tổ chức có liên quan, nếu có, tại quốc gia triển khai Chương trình tái định cư.

Người dân tái định cư - là những người hoặc nhóm người tham gia hoặc đồng ý tham gia vào Chương trình tái định cư, hoặc cả hai.

Cộng đồng tiếp nhận - là những người hoặc nhóm người sống ở khu vực mà người tái định cư chuyển đến hoặc được đề nghị chuyển đến, hoặc cả hai.

Những người quyết định không tham gia Chương trình tái định cư - là những người hoặc nhóm người có đủ điều kiện tham gia vào Chương trình tái định cư và chọn không tham gia.

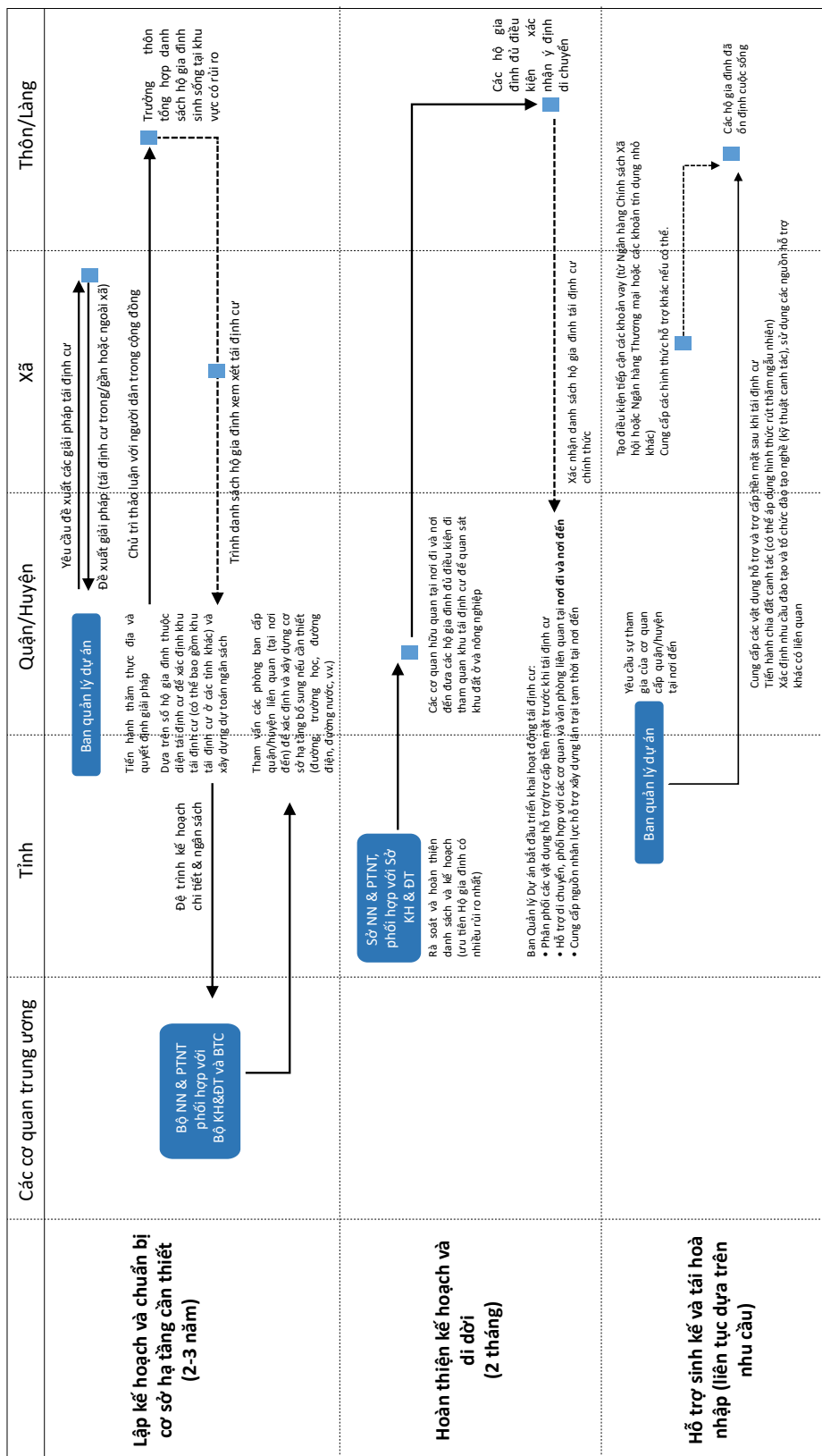
Những người sống lân cận - là những người hoặc nhóm người sống trong và xung quanh các khu vực cư ngụ ban đầu của người tái định cư, và có cuộc sống bị ảnh hưởng tiêu cực bởi Chương trình tái định cư.

Những người bị ảnh hưởng khác - bao gồm các cộng đồng tiếp nhận, những người chọn không tham gia vào Chương trình tái định cư và những người sống lân cận.

PHỤ LỤC 2

Sơ đồ quy trình điều phối trong công tác tái định cư giữa các cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp địa phương

Phụ lục 2. Sơ đồ quy trình điều phối trong công tác tái định cư có tổ chức giữa các cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp địa phương



Nguồn: Sơ đồ do IOM lập dựa trên dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn với các bên liên quan ở tỉnh và địa phương tại tỉnh Hoà Bình - IOM và Viện Xã hội học, 2016

Lưu ý: Bộ NN & PTNT = Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn; Bộ KH & ĐT = Bộ Kế hoạch và Đầu tư; BTC = Bộ Tài Chính; Sở NN & PTNT = Sở Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn; Sở KH & ĐT = Sở Kế hoạch và Đầu tư;

PHỤ LỤC 3

Hướng dẫn cho giảng viên

Phụ lục này bao gồm các công cụ và thông tin để giúp giảng viên chuẩn bị và tiến hành các hoạt động trong mỗi học phần. Giảng viên có thể sử dụng tài liệu này làm công cụ hỗ trợ tập huấn. Phụ lục này được chia thành các chủ đề sau:

1. **Các phương pháp tương tác** gợi ý các hoạt động có thể ứng dụng các phương pháp đó.
2. **Các công cụ đánh giá** được sử dụng vào cuối mỗi buổi tập huấn.
3. **Trò chơi** được sử dụng khi bắt đầu buổi tập huấn và khi cần khuấy động không khí lớp học.

1. Các phương pháp tương tác

Phương pháp 1. Lên ý tưởng

Mô tả phương pháp

Phương pháp này kích thích sự sáng tạo và tập trung vào một câu hỏi cụ thể. Hoạt động nhằm tạo ra nên nhiều ý tưởng trong một khoảng thời gian ngắn. Chất lượng của ý tưởng không quá quan trọng; chỉ nên quan tâm đến số lượng. Có một nguyên tắc quan trọng: không thảo luận khi đang lên ý tưởng. Chỉ cho phép đặt câu hỏi để làm rõ ý tưởng. Ví dụ: Hỏi các nhóm ‘Các hộ gia đình cần tự hỏi điều gì khi cân nhắc chuyển di dời hay ở lại dựa trên các động lực khác nhau?’ Sau đó, mỗi nhóm viết ra câu trả lời trên bảng lật.

Hướng dẫn

- Đưa cho mỗi nhóm một chủ đề để tư duy và cho phép họ dùng bảng lật để đưa ra và thảo luận ý tưởng.
- Chỉ định một người thư ký cho mỗi nhóm để ghi lại các ý tưởng trên bảng lật.
- Sau đó, mỗi nhóm trình bày các ý tưởng tốt nhất, được nhiều thành viên nghĩ đến nhất.

Tài liệu và chuẩn bị

Bảng lật, bút lông.

Các hoạt động được đề xuất sử dụng hoạt động tư duy:

Hoạt động 1.2 - Nên ở hay nên đi?

Phương pháp 2. Viết ý tưởng

Mô tả phương pháp

Phương pháp tạo ra ý tưởng mà không nói ra. Phương pháp này cho phép một nhóm tập hợp các ý tưởng, là phương pháp tiến bộ hơn phương pháp lên ý tưởng truyền thống.

Hướng dẫn

- Yêu cầu người học ngồi thành một vòng tròn. Giải thích rằng mục tiêu của hoạt động này là để suy nghĩ cách định nghĩa. Chọn một từ để định nghĩa từ nội dung chủ đề.
- Thiết lập ba nguyên tắc cho hoạt động này:
  - » Không có ý tưởng kém. Bây giờ là lúc để tư duy thoáng ra.
  - » Không đưa ra đánh giá trong lúc này.
  - » Bài tập này phải được thực hiện trong yên lặng và phải duy trì như vậy.
- Trên bảng trắng/ bảng lật, viết chủ đề của hoạt động này: Ví dụ: “Di cư là gì?”
- Phát thẻ và bút chì cho người học.
- Làm việc cá nhân, người học có 1-2 phút để viết một câu trả lời cho câu hỏi, ví dụ: “Di cư là gì?”
- Khi hết thời gian, yêu cầu người học chuyển thẻ của mình cho người ngồi bên trái.
- Người học đọc thẻ họ vừa nhận được và viết một câu trả lời khác (khác với câu họ đã viết trước đó, có thể là hoàn thiện câu trả lời họ đang cầm trong tay).
- Lặp lại quy trình này ít nhất một lần nữa, để mỗi người học được viết câu trả lời trên ba thẻ khác nhau.

- Yêu cầu từng người học đi về phía bảng trắng/bảng lật, đọc to định nghĩa trên thẻ của họ và dán thẻ lên bảng trắng/bảng lật.

Tài liệu và chuẩn bị

- Bảng lật
- Bút lông
- Thẻ cho mỗi người học
- Bút bi hoặc bút chì

Hoạt động đề xuất để sử dụng phương pháp nghĩ vì viết này

Hoạt động 1.1. Khám phá mối quan hệ giữa di cư và môi trường

Phương pháp 3. Lăn ranh giá trị

Mô tả phương pháp

Hoạt động này có thể được sử dụng để thảo luận về các chủ đề có thể nhận được nhiều quan điểm khác nhau giữa các thành viên trong nhóm.

Hướng dẫn

- Vẽ một đường thẳng xuống giữa phòng.
Đọc một phát biểu về giá trị và nếu người học đồng ý, họ bước sang một bên của đường ranh giới đó. Nếu người học không đồng ý, họ bước sang phía bên kia của đường ranh giới.
Ví dụ:
  - » Phát biểu về giá trị - Có nhiều vai trò khác nhau cho cả hai giới. (Đồng ý hoặc không đồng ý).
  - » Phát biểu về giá trị - Có các vấn đề về giới trong cộng đồng của bạn.
  - » Phát biểu về giá trị - Một giới được đối xử công bằng hơn giới còn lại.
  - » Phát biểu về giá trị - Một giới có ưu thế hơn giới kia trong vấn đề tái định cư.
  - » Sau mỗi phát biểu, giảng viên có thể chọn đề thảo luận về chủ đề và yêu cầu các cá nhân giải thích tại sao họ đưa ra lựa chọn như vậy.

Tài liệu và chuẩn bị

Phấn để vẽ hoặc băng dính. (Đảm bảo đủ để vẽ/dính dọc chiều dài của căn phòng.)

Các hoạt động được đề xuất sử dụng lăn ranh giá trị:

Hoạt động 1.3 - Ảnh hưởng của yếu tố giới trong cộng đồng của bạn

Phương pháp 4. Thẻ hiện lập trường

Mô tả phương pháp

“Thẻ hiện lập trường” là phương pháp tạo cơ hội cho người học bình luận về một chủ đề, phát biểu quan điểm cá nhân, kinh nghiệm và ý tưởng. Lưu ý: Hoạt động này tương tự như lăn ranh giá trị.

Hướng dẫn:

- Xây dựng các phát biểu để thảo luận về một chủ đề. Các phát biểu phải cố gắng nắm bắt được các ý tưởng khác nhau mà người học có thể có về một chủ đề. Ví dụ:
  - » Có các vấn đề về giới trong cộng đồng của bạn.
  - » Một giới được đối xử công bằng hơn giới còn lại.
  - » Một giới có ưu thế hơn giới kia trong vấn đề tái định cư.
- Tạo không gian trong lớp học và chia thành bốn góc để người học có thể di chuyển và dừng lại. Mỗi góc được xác định bằng một tờ giấy có ghi các quan điểm sau đây:
  - » Hoàn toàn đồng ý
  - » Đồng ý một phần
  - » Không đồng ý một phần
  - » Hoàn toàn không đồng ý
- Đọc to câu đầu tiên và yêu cầu người học di chuyển đến góc phòng tương ứng với quan điểm của họ.

- Yêu cầu những người học trong bốn góc khác nhau giải thích tại sao họ di chuyển đến vị trí đó. Ghi lại tất cả câu trả lời cho tất cả các ý kiến trên bảng lật (tùy chọn).
- Đọc câu tiếp theo và lặp lại quy trình cho đến khi thảo luận xong tất cả các phát biểu.
- Tổng kết hoạt động với một bài thuyết trình tóm tắt các điểm cơ bản trong mỗi phát biểu

Tài liệu và chuẩn bị

- Bốn tờ giấy, ghi các quan điểm sau:
  - » Hoàn toàn đồng ý
  - » Đồng ý một phần
  - » Không đồng ý một phần
  - » Hoàn toàn không đồng ý
- Bảng lật
- Bút lông
- Băng dính

Hoạt động đề xuất sử dụng phương pháp thể hiện lập trường:

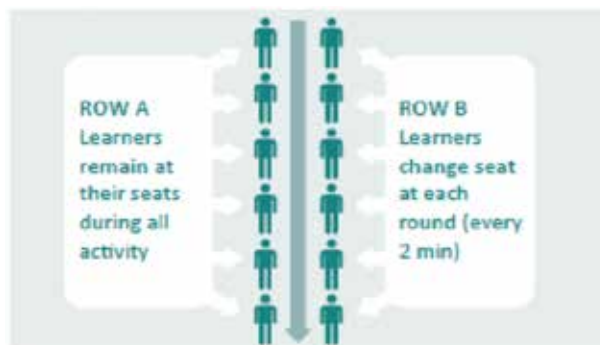
Hoạt động 1.3 - Ảnh hưởng của yếu tố giới trong cộng đồng của bạn

Phương pháp 5. Trao đổi nhanh

Mô tả phương pháp:

“Trao đổi nhanh” là phương pháp được sử dụng khi bạn muốn người học suy nghĩ thật nhanh về một chủ đề hoặc một câu hỏi. Người học có thể ghép cặp thảo luận và làm phong phú thêm ý tưởng của nhau. Bối cảnh thảo luận rất gần gũi và cho phép suy nghĩ và thảo luận trong một môi trường an toàn. Hoạt động này là một hoạt động phù hợp để tạo không khí sôi nổi cho lớp học vì các vòng chơi khá ngắn, áp lực để người tham gia bắt đầu trao đổi ngay từ khi họ ngồi xuống ghế là tương đối cao. Nếu số người học không phải là số chẵn, bạn (hoặc một trợ giảng) nên tham gia hoạt động.

Example of Speed Dating chair setup



Hướng dẫn:

- Bố trí hai hàng ghế (A và B), đảm bảo có đủ ghế cho người tham gia.
- Mời người tham gia ngồi xuống, mặt đối mặt.
- Trong suốt thời gian hoạt động, cuộc thảo luận sẽ diễn ra theo cặp; người tham gia sẽ thảo luận với người ngồi đối diện (người ngồi đối diện sẽ thay đổi sau mỗi vòng).
- Người tham gia theo cặp sẽ có 2 phút để thảo luận câu hỏi đầu tiên: Ví dụ: “Ba nguyên tắc mà bạn nghĩ rằng sẽ áp dụng tốt nhất theo kinh nghiệm của bạn là gì? Tại sao?”
- Sau 2 phút, thông báo rằng đã hết giờ và yêu cầu người tham gia ngồi ở hàng ghế B đứng dậy và di chuyển một ghế về bên phải (người tham gia ở hàng ghế A vẫn ngồi tại chỗ). Thảo luận tiếp tục về cùng một chủ đề nhưng cặp thảo luận đã thay đổi.
- Sau 2 phút, tiếp tục yêu cầu người tham gia từ hàng ghế B di chuyển một ghế về bên phải và tiếp tục thảo luận về câu hỏi đó.
- Sau 2 phút, tiếp tục yêu cầu người tham gia từ hàng ghế B di chuyển một ghế về bên phải. Bây giờ,

người tham gia sẽ được yêu cầu thảo luận câu hỏi thứ hai: Ví dụ: “Ba nguyên tắc nào là thách thức nhất khi áp dụng vào thực tế? Tại sao?”

- Lập lại quy trình như trước cho đến khi người tham gia đã thảo luận câu hỏi thứ hai ít nhất ba lần.
- Tổ chức một phiên tóm tắt ngắn gọn để tổng kết hai chủ đề đã được thảo luận và kết luận bằng cách trình bày các thông tin chính.
- Yêu cầu học viên sắp xếp lại lớp học cho hoạt động tiếp theo.

Tài liệu và chuẩn bị

Ghế được xếp thành hai hàng (một ghế cho mỗi người tham gia), đặt đối diện với nhau.

Các hoạt động đề xuất sử dụng phương pháp Trao đổi nhanh:

Hoạt động 1.4 – Các nguyên tắc của tái định cư và việc áp dụng tại địa phương

Phương pháp 6: Phương pháp xoay vòng

Mô tả phương pháp

Hoạt động này liên quan đến việc luân chuyển các nhóm nhỏ từ một trạm này sang một trạm khác, để mỗi nhóm có cơ hội được thảo luận về các chủ đề khác nhau. Hoạt động này rất hữu ích để thu thập ý kiến, kiến thức và quan điểm về các vấn đề được quan tâm. Bằng cách hạn chế thời gian cho mỗi lần thảo luận dùng bảng lật, người học có thể tập trung vào những ý tưởng quan trọng nhất. Cần nhấn mạnh rằng những người học cũng có thể vẽ hình để trình bày ý tưởng của họ. Nếu có thể, ta có thể dán nhiều tờ giấy lại với nhau để người học có nhiều chỗ viết hơn, giúp thu thập nhiều ý tưởng hơn.

Hướng dẫn

- Chuẩn bị năm bảng lật. Trên mỗi bảng lật, ghi một nhiệm vụ cụ thể, ví dụ:
  - » Bạn nghĩ nội dung nào cần đưa vào kế hoạch theo dõi và đánh giá?
  - » Các bạn sẽ thu thập dữ liệu khi nào và ra sao?
  - » Các bạn sẽ sử dụng dữ liệu như thế nào và có lợi cho dự án ra sao?
- Dán tờ giấy thảo luận lên tường hoặc đặt lên bàn.
- Hãy đảm bảo toàn bộ phòng học được bố trí như vậy và có đủ chỗ cho người học di chuyển.
- Giải thích rằng trong phần này chúng ta sẽ cùng nhau trả lời bốn câu hỏi. Đọc to các câu hỏi khi chỉ vào từng bảng lật tương ứng.
- Chia người học thành năm nhóm và yêu cầu từng nhóm đi đến trước mỗi bảng lật (mỗi nhóm đến một bảng lật khác nhau).
- Yêu cầu người học thêm ý tưởng vào bảng lật (hãy đảm bảo bạn đề cập rằng họ có thể tự do sáng tạo: họ có thể viết, trực quan hóa, lập sơ đồ tư duy, v.v.).
- Sau 4–5 phút, hãy để cho cả nhóm xoay vòng sang bảng lật khác.
- Lập lại quy trình cho đến khi tất cả các nhóm đã thêm ý tưởng vào cả năm bảng lật.
- Hãy cho cả nhóm 5–7 phút để đi quanh phòng và xem toàn bộ các bảng lật.
- Tổng kết hoạt động bằng cách tóm tắt những gì đã học được.

Tài liệu và chuẩn bị

- Bút lông
- Bảng lật
- Băng dính

Các hoạt động đề xuất sử dụng phương pháp xoay vòng:

Hoạt động 4.1. Lập kế hoạch theo dõi đánh giá và cách thức thực hiện

Phương pháp 7: Sơ đồ cảm thông

Mô tả phương pháp:

Sơ đồ cảm thông là cảm giác khi bạn hiểu và chia sẻ kinh nghiệm và cảm xúc của người khác. Đó là khả năng chia sẻ cảm giác của một người khác. Sơ đồ cảm thông là một loại sơ đồ thể hiện nhiều khía cạnh trải nghiệm hoặc cảm xúc của một người hoặc một nhóm người bằng cách giúp người học trả lời các câu

hỏi về họ. Hoạt động này có thể được sử dụng khi thảo luận về các nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng. Sử dụng phương pháp này khi muốn tìm hiểu sâu hơn về những đối tượng bị ảnh hưởng bởi một vấn đề. Hoạt động này giúp người học đặt mình vào vị trí của người khác.

Hướng dẫn:

- Cung cấp các kịch bản của những người học khác nhau - mức trải nghiệm, trình độ học vấn, cộng đồng, giới tính, vai trò trong cộng đồng, v.v. Nếu thảo luận về các nhóm người dễ bị tổn thương thì chỉ sử dụng ví dụ về các nhóm dễ bị tổn thương, ví dụ: người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, v.v.
- Chia người học thành nhiều nhóm nhỏ. Cung cấp cho mỗi nhóm một kịch bản.
- Yêu cầu các nhóm đọc kịch bản của nhóm mình, đặt bản thân vào tình huống của nhân vật và dự đoán nhân vật đó có thể cảm nhận, suy nghĩ và hành động như thế nào. Họ có thể trả lời dựa trên bốn câu hỏi dưới đây. Các nhóm có thể lựa chọn câu hỏi gần gũi với nhóm mình nhất
  - » (Anh/chị hay nhóm đó) nói gì và làm gì?
  - » (Anh/chị hay nhóm đó) nghĩ gì và cảm thấy như thế nào?
  - » (Anh/chị hay nhóm đó) nghe thấy gì?
  - » (Anh/chị hay nhóm đó) nhìn thấy gì?
- Mỗi nhóm viết câu trả lời trên một bảng lật cho mỗi người, trình bày và giải thích cho mọi người.

Ví dụ các kịch bản cho sơ đồ cảm thông

Đây là ví dụ về một người dễ bị tổn thương trong cộng đồng. Một phụ nữ nhiều HIV/AIDS ở một làng quê nhỏ. Cô ấy có ba đứa con và là người mẹ đơn thân. Cô ấy bước vào phòng họp nơi cộng đồng đang lên kế hoạch di cư. Ở bên dưới là những cảm xúc, suy nghĩ và phản ứng mà cô ấy có thể có.

Nhìn thấy? Cô ấy có thể thấy rất nhiều người mà cô ấy không biết rõ. Điều này là do cô ấy là người mẹ đơn thân, vì vậy cô ấy bận rộn để nuôi gia đình, dành thời gian cho bản thân cũng như cho ba đứa con.	Nghe thấy? Cô ấy có thể nghe thấy mọi người nói chuyện về đất đai và các điều kiện sinh sống tại một nơi xa chỗ cô ấy ở, những hỗ trợ mà họ sẽ nhận được nếu họ tái định cư. Có rất nhiều thông tin mới và cô ấy không thực sự hiểu hết những điều người khác nói.
Suy nghĩ và cảm nhận? Cô ấy có thể cảm thấy không thoải mái. Cô ấy tự hỏi liệu có ai sẽ giải thích chi tiết tất cả các vấn đề không. Cô ấy muốn tìm hiểu thêm, nhưng không chắc có thể hỏi ai và hỏi điều gì. Hơn nữa, cô ấy có thể cảm thấy rằng cô ấy không muốn chuyển đi đâu cả. Với điều kiện sức khỏe của bản thân và điều kiện gia đình, cô ấy phụ thuộc rất nhiều vào những người hàng xóm. Cô ấy tự hỏi liệu họ có lựa chọn tái định cư không. Nếu họ không đi, và nếu cô ấy không nhận được những sự giúp đỡ ở nơi ở mới, cô ấy không nghĩ mình sẽ bám trụ được.	Nói và làm? Cô ấy có thể quyết định sẽ không nói gì cả bởi cô ấy không biết nên bắt đầu từ đâu. Cô ấy có thể sẽ chỉ ngồi im lặng ở trong góc và chờ đợi cuộc họp bắt đầu.

Tài liệu và chuẩn bị

Tạo một bảng lật và ghi sơ đồ cảm thông ở đầu bảng.
Ở mỗi 4 góc của bảng lật, hãy ghi các câu hỏi nêu trên.

Hoạt động đề xuất để sử dụng phương pháp sơ đồ chia sẻ:

Hoạt động 3.4 – Làm thế nào để chiến lược truyền thông tập trung đúng vào mối quan tâm của các hộ gia đình?

Phương pháp 8 “Làm tưởng hay sự thật”

Mô tả phương pháp

Hoạt động này nhằm giới thiệu các chủ đề cho người học một cách thú vị. Hoạt động này khuyến khích người học suy nghĩ về các sự kiện thật liên quan đến một chủ đề nhất định. Người học sẽ được cung cấp các phát biểu về chủ đề và họ sẽ phải quyết định xem câu đó là làm tưởng hay sự thật. Sau mỗi phát biểu, người học sẽ biết được câu trả lời đúng.

Hướng dẫn

Sử dụng kiến thức và thông tin tìm hiểu được trong hoạt động được chọn để tạo ra các phát biểu phản ánh làm tưởng hay sự thật xung quanh một chủ đề.

Ví dụ:

1. Việt Nam là một trong mười quốc gia chịu nhiều rủi ro của biến đổi môi trường và các thiên tai nhất (Đáp án – Sự thật)
  2. Nguồn vốn cho Chương trình tái định cư không phải là vấn đề khó khăn bởi đây là chương trình được Nhà nước chịu trách nhiệm, bởi vậy luôn có những các đề huy động các nguồn vốn cần thiết để hỗ trợ các cộng đồng tái định cư (Đáp án - Làm tưởng)
- Chỉ định 1 người và gọi từng người một phát biểu.
  - Sau mỗi phát biểu, những người học đứng lên nếu họ nghĩ rằng đó là sự thật và vẫn ngồi nếu họ nghĩ rằng đó là làm tưởng.
  - Chơi trò chơi này cho tất cả các phát biểu.
  - Chia sẻ đáp án cho mỗi phát biểu.
  - Người học có thể được yêu cầu chia sẻ lý do tại sao họ nghĩ rằng phát biểu đó là làm tưởng hay sự thật.

Tài liệu và chuẩn bị

Sử dụng chủ đề hoặc thông tin về hoạt động đã chọn để lập danh sách các phát biểu là tưởng hay là thật. Ghi chép câu trả lời thực tế cho từng phát biểu. Chuẩn bị ghi chép trên bảng lật.

Các hoạt động đề xuất sử dụng phương pháp tưởng hay thật

Giới thiệu bất kỳ chủ đề và hoạt động nào

2. Các công cụ đánh giá

Những công cụ này có thể được sử dụng vào cuối mỗi ngày tập huấn để đánh giá mức độ hiểu biết của người học và đảm bảo hoạt động tập huấn diễn ra đúng kế hoạch. Những công cụ này chỉ là đề xuất và có thể được điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu tập huấn.

Công cụ 1 - Chúng ta có đạt mục tiêu không?

Mô tả công cụ

Một công cụ đánh giá trực quan để thu thập ý kiến của học viên sau một ngày tập huấn.

Hướng dẫn công cụ:

- Vẽ một mục tiêu lớn trên một bảng lật và chia thành bốn phần.
- Trước khi thực hiện hoạt động này, bạn sẽ xây dựng bốn phát biểu mà bạn muốn thu thập ý kiến của học viên.
Phát biểu mẫu:
  1. Buổi học hôm nay đáp ứng kỳ vọng của tôi.
  2. Những gì tôi học được hôm nay sẽ hữu ích cho tôi khi tổ chức hội thảo đào tạo của riêng mình (hoặc trong công việc chuyên môn của tôi).
  3. Nhìn chung, tôi có một hiểu biết tốt về các chủ đề được trình bày ngày hôm nay.
  4. Tôi hiểu rõ mục đích của buổi đào tạo này.
- Viết một phát biểu vào góc trên của từng phần trong mục tiêu.
- Đưa cho mỗi người học bốn chấm đề can màu và giải thích rằng họ sẽ chấm vào vào phần mục tiêu tương ứng với mức độ hài lòng của họ - vị trí trung tâm của mục tiêu cho thấy mức độ hài lòng cao nhất.
- Bạn có thể treo mục tiêu trên/gần cửa ra vào và yêu cầu người học dán đề can màu khi ra khỏi phòng.

Công cụ 2 - “Thú vị hay không”

Mô tả công cụ

Một phương pháp để thu thập ý kiến của học viên sau một ngày học (thay vì vào cuối khóa tập huấn).

Hướng dẫn công cụ

- Yêu cầu người học đứng thành một vòng tròn.
- Giải thích rằng bạn hy vọng họ sẽ chia sẻ các thông tin sau.
  1. Một khoảng khắc thú vị trong ngày (Không khí sôi nổi khi...)
  2. Một khoảng khắc kém thú vị hơn, nếu có thể thì hãy đề xuất cách cải thiện (Không khí không sôi nổi lắm khi...)
- Là giảng viên, bạn hãy tự mình bắt đầu hoạt động bằng cách làm mẫu trước cho học viên. Câu trả lời nên ngắn gọn hết sức (30 giây/người) để đảm bảo hoạt động ngắn, hãy nhớ rằng lúc này là cuối ngày rồi.
- Một quả bóng (hoặc bất kỳ vật nào khác có thể chuyển nhau) có thể được ném ngẫu nhiên về phía người học để chỉ định họ phát biểu.
- Hoạt động kết thúc khi tất cả người học đã phản hồi về ngày đào tạo.

Công cụ 3 “Bóc tách củ hành”

Mô tả công cụ

Hoạt động có thể được sử dụng để đánh giá việc học tập của học viên cũng như giúp họ ghi nhớ thông tin và làm rõ những hiểu lầm có thể có. Hoạt động này nên được thực hiện khi bắt đầu một ngày tập huấn mới.

Hướng dẫn công cụ:

- Đưa cho mỗi người học một hoặc hai tờ giấy (khổ giấy A4).
- Mỗi người học làm việc độc lập trong 15–20 phút để rà soát nội dung học tập và đưa ra một hoặc hai câu hỏi mà họ muốn cả nhóm trả lời.

- Người học viết câu hỏi lên từng tờ giấy (mỗi câu hỏi trên một tờ giấy) cùng với số thứ tự câu trả lời (1 cho câu hỏi đơn giản, 2 cho câu hỏi phức tạp hơn).
- Khi học viên đã viết xong tất cả câu trả lời, hãy thu lại tất cả giấy và vo chúng thành một củ hành.
- Yêu cầu người học tạo thành một vòng tròn. Nếu nhóm lớn hơn 12 người, bạn có thể chia thành hai vòng tròn để hạn chế thời gian kéo dài hoạt động này.
- Đưa củ hành cho người học đầu tiên bóc lớp đầu tiên, đọc to câu hỏi và cố gắng trả lời câu hỏi đó. Nếu người học đầu tiên không thể trả lời, một người khác có thể thử trả lời.
- Bất kỳ ai trả lời được câu hỏi sẽ nhận được 1 điểm. Ghi lại điểm số của người học trên bảng.
- Lặp lại bước 5 đến 6 cho đến khi bóc hết củ hành.
- Người chiến thắng là người học có điểm số cao nhất. Người đó sẽ giành được giải thưởng. Bạn có thể tặng người chiến thắng một món quà nhỏ (chẳng hạn như một thanh sô cô la hoặc một chiếc áo phông).

Các ý tưởng đánh giá nhanh cuối ngày khác:

- Rà soát nhanh các bài học đã học và tóm tắt thông tin đã học trong ngày.
- Hỏi ý kiến của người học về ngày tập huấn đó - họ học được những gì và họ muốn dành thêm thời gian vào mục nào.
- Hỏi xoay vòng. Yêu cầu mọi người trình bày một điều họ thích về ngày học đó và một điều mà họ không thích.
- Tạo các câu trắc nghiệm ngắn và cho các nhóm trả lời khi kết thúc các chuyên đề hoặc các buổi đào tạo

3. Trò chơi

Dưới đây là một số trò chơi tạo không khí có thể được sử dụng ở cuối mỗi buổi đào tạo hoặc vào bất kỳ thời điểm nào trong khi đào tạo khi người học tỏ vẻ mệt mỏi, chán nản hoặc sau khi đã ngồi khá lâu. Tiến hành trò chơi sau bữa trưa và trong buổi chiều sẽ giúp tạo sinh khí thêm cho lớp học.

Tiến hành kiểm tra không khí học tập của lớp: Có nhiều cách để giảng viên kiểm tra.

- Đơn giản, bạn chỉ cần nhìn quanh phòng xem có ai trông mệt mỏi và chán nản hay không.
- Bạn có thể yêu cầu nhóm học viên đánh giá không khí lớp học bằng cách nói “Hãy giơ tay nếu tình thần học tập của bạn đang ở mức cao/trung bình/thấp.” Nếu nhiều người trả lời thấp, thì đó là thời điểm nên giải lao bằng một trò chơi.

Nút thắt tình bạn.

Người học đứng thành một vòng tròn và nắm tay nhau. Bây giờ mọi người đều đứng đối mặt nhau. Bạn yêu cầu mọi người làm sao hướng mặt ra ngoài vòng tròn nhưng không buông tay nhau. (Mẹo – 1 đôi sẽ phải nâng cánh tay lên trong khi những người còn lại trong nhóm đi luân qua). 5 phút

Vòng tròn tài năng

Mỗi người sẽ có một lượt được đứng ở giữa vòng tròn. Họ sẽ nói một kỹ năng mà họ có để làm việc và một tài năng tiềm ẩn: chẳng hạn như khiếu vũ, ca hát, v.v. Nhưng người học phải thể hiện tài năng ẩn của mình trong 5 giây và cả nhóm đoán xem đó là tài năng gì. Cả nhóm sẽ vỗ tay sau lượt của từng người.

Nói giờ

Yêu cầu người học nhắm mắt trong 30 giây, sau đó mở mắt. Không ai được xem đồng hồ. Yêu cầu người học mở mắt sau khi họ tin rằng đã hết 30 giây. (Lưu ý: tất cả người học sẽ mở mắt vào từng thời điểm khác nhau). Hãy cho người học biết chúng ta trải nghiệm thời gian và sử dụng theo những cách khác nhau. Một số cảm thấy 30 giây rất ngắn, nhưng số khác lại cho rằng 30 giây rất dài. Hãy cho người học biết rằng họ sẽ tìm ra cách quản lý thời gian trong buổi tập huấn hôm nay.

Xếp hàng theo chiều cao

Yêu cầu mọi người đứng dậy và xếp hàng theo chiều cao. Hãy để người học hỏi tên người đứng bên trái và bên phải của mình. Sau đó, yêu cầu mọi người xếp hàng theo độ tuổi. Lại tiếp tục để người học hỏi tên người đứng bên trái và bên phải của mình. Tập hợp cả nhóm và yêu cầu từng người học giới thiệu họ tên và một lý do khiến họ tham gia khóa đào tạo này.

Hai thật một dối

Mỗi người học sẽ nói hai sự thật và một lời nói dối về bản thân và người khác phải đoán xem câu nào là nói dối.

Dẫn gân gót

Mời mọi người thực hiện bài tập dẫn gân cốt và những người còn lại làm theo.

Bảng chữ cái

Chia cả nhóm thành hai đội. Giải thích rằng cả hai đội phải xếp hàng, theo thứ tự chữ cái đầu của tên bạn (A đến Z) mà KHÔNG NÓI RA. Họ sẽ tự biết cách thực hiện (sử dụng ký hiệu bằng tay). Cho họ 1 phút.

Giao tiếp tốt

Yêu cầu người học đứng thành vòng tròn. Yêu cầu một người học nghĩ một câu hoặc một cụm từ - đảm bảo dài hoặc phức tạp, chẳng hạn như ‘Tôi đến cửa hàng để mua xà phòng nhưng chỉ thấy có quả táo’. Họ phải thì thầm câu đó vào tai người đứng bên trái. Người tiếp theo lại thì thầm câu đó vào tai người đứng bên trái và tiếp tục cho đến khi hết lượt. Người cuối cùng trong vòng tròn sẽ đọc to câu đó. Câu đó có khác câu đầu tiên hay không? Kết luận rằng giao tiếp đôi khi có thể không suôn sẻ. Thông tin bị tam sao thất bản và không phải lúc nào nói ra cũng hiểu được. Đó là lý do chúng ta cần nỗ lực để giao

tiếp rõ ràng.

Tìm điểm chung

Trong hoạt động này, trước tiên bạn phải tìm một bạn cùng chơi và viết 3 điểm chung giữa hai bạn (ví dụ: chữ cái đầu tiên trong tên bạn, mặc áo màu giống nhau, nơi bạn đang sống, món ăn ưa thích của bạn, v.v.).

Sau khi hoàn thành, bạn phải tìm đối tượng khác và tìm 3 điểm chung giữa hai bạn (khác 3 điểm chung với người trước đó).

Tiếp tục với người thứ ba, ghi lại 3 điểm chung mới giữa bạn và người này.

Zip, Zap, Zop

Mọi người đứng thành một vòng tròn. Một người bắt đầu vòng chơi. Người đó phải nhảy và vỗ tay trong khi nói ZIP, sau đó chỉ vào một người khác trong vòng tròn. Người được chỉ phải nhảy và vỗ tay và chỉ vào một người khác và nói ZAP. Người được chỉ lặp lại động tác tương tự, nhưng nói ZOP. Tiếp tục cho đến khi một người nói sai từ hoặc làm rối loạn nhịp điệu (không thực hiện động tác hoặc do dự lâu hơn một vài giây). Bạn có thể “chỉ” ngược lại người “vừa chỉ bạn”.

Nhớ tên

Mọi người đứng thành một vòng tròn. Người đầu tiên nói tên của họ và thực hiện một động tác hoặc biểu tượng đại diện cho mình. Người tiếp theo lặp lại tên và biểu tượng của người trước đó, sau đó nói tên của họ và bổ sung thêm biểu tượng của họ. Người tiếp theo lặp lại tên và biểu tượng của tất cả những người đứng trước, sau đó thêm tên và biểu tượng của mình. Lặp lại cho đến khi hết lượt.

Tôi là ai?

Quản trò dán tên của một người nổi tiếng lên lưng mỗi người học. Nhiệm vụ của thành viên trong nhóm không phải là tìm xem ai dán giấy vào lưng mình mà là tìm xem mình là ai. Người học đi quanh phòng, hỏi những người khác các câu hỏi có hoặc không. Nếu thành viên nhận được câu trả lời là “có” thì có thể tiếp tục hỏi người đó cho đến khi nhận được câu trả lời là “không”. Sau đó, họ phải tiếp tục hỏi người khác. Khi một thành viên trong nhóm tìm ra mình là ai, gỡ bỏ thẻ, dán lên mặt trước áo sơ mi của mình và ghi tên họ thực của mình lên đó. Sau đó, thành viên đó có thể giúp những người khác tìm ra họ là ai. Hoạt động kết thúc khi tất cả mọi người đã tìm ra mình là ai. Biến thể: Sử dụng tên các cặp đôi nổi tiếng.



International Organization for Migration (IOM)
The UN Migration Agency

International Organization for Migration (IOM)

Mission in Viet Nam

Main Office: 304 Kim Ma • Ba Dinh • Ha Noi • Viet Nam • Tel: (84.24) 3850.0100 • Fax: (84.24) 3726 5519
E-mail: hanoi@iom.int • Website: www.iom.int.vn